

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
môn
TIẾNG VIỆT

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

LỚP

5



DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

BT	bài tập
GV	giáo viên
HS	học sinh
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên
VBT	vở bài tập
VB	văn bản
NXBGDVN	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
QLGD	quản lý giáo dục



MỤC LỤC

Trang

Phần một. HƯỚNG DẪN CHUNG	5
1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT	5
1.1. Mục tiêu giáo dục và mạch nội dung	5
1.2. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	5
2. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 5	6
2.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa	6
2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách và cấu trúc bài học	8
2.3. Phân tích các điểm mới cơ bản	9
2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng	29
2.5. Khung kế hoạch dạy học	31
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	32
3.1. Những yêu cầu chung về phương pháp dạy học	32
3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học	33
3.3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài	34
4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	40
4.1. Định hướng đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh trong môn Tiếng Việt	40
4.2. Gợi ý về đề kiểm tra, đánh giá	42
5. GIỚI THIỆU, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC	43
5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên	43
5.2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, tham khảo	44
5.3. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên, học liệu điện tử	45

Phần hai. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY 51

1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY51

1.1. Các văn bản hướng dẫn và tài liệu dạy học.....51

1.2. Các bước thiết kế kế hoạch bài dạy51

2. BÀI SOẠN MINH HOẠ51

1 KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT

1.1. Mục tiêu giáo dục và mạch nội dung

Mục tiêu giáo dục và mạch nội dung của Chương trình (CT) Tiếng Việt (Ngữ văn) 2018 có những khác biệt cơ bản so với mục tiêu giáo dục và mạch nội dung của CT Tiếng Việt (Ngữ văn) 2006. Những khác biệt đó được tóm tắt trong bảng sau:

	Chương trình Ngữ văn 2006	Chương trình Ngữ văn 2018
Mục tiêu	Cung cấp kiến thức về tiếng Việt và văn học; phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cho học sinh (HS).	Phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, trong đó có năng lực sử dụng ngôn ngữ: đọc, viết, nói và nghe.
Mạch nội dung	Các mạch: 1. Kiến thức: Tiếng Việt, Tập làm văn, Văn học; 2. Kĩ năng: đọc, viết, nghe và nói. Ngữ liệu mở.	Các mạch: Đọc, Viết, Nói và nghe; nội dung dạy học cốt lõi. Ngữ liệu mở.

Có thể thấy, mạch nội dung trong mỗi CT nhất quán với mục tiêu mà CT đặt ra. CT Tiếng Việt (Ngữ văn) 2006 tuy có đặt ra mục tiêu phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cho HS, nhưng có thể thấy mục tiêu về kiến thức được chú trọng hơn. Việc đổi mới của CT Tiếng Việt (Ngữ văn) 2018 bắt đầu từ mục tiêu (chú trọng phát triển năng lực) và chính mục tiêu đó chi phối toàn bộ các phần còn lại của CT, trước hết là ở mạch nội dung, sau đó là phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá,... Mô hình sách giáo khoa (SGK) cũng được điều chỉnh để đáp ứng quy định của CT.

1.2. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

1.2.1. Năng lực của người học chỉ có thể hình thành và phát triển thông qua các hoạt động. Vì vậy, để đạt được mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất cho HS theo định hướng của CT mới, GV cần chú trọng việc tổ chức hoạt động học đọc, viết, nói và nghe cho HS. Trong giờ học, HS cần được thực hiện nhiều hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học, phát huy khả năng tự học, có kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận, tương tác tích cực với bạn bè và với thầy cô.

1.2.2. Theo mục tiêu giáo dục được quy định trong CT Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 nói chung và trong CT Tiếng Việt (Ngữ văn) nói riêng, việc đánh giá kết quả học tập trong môn học được đổi mới từ mục tiêu đến nội dung, cách thức, phương pháp đánh giá:

- Mục tiêu đánh giá kết quả học tập của HS trong môn Tiếng Việt là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học.
- Nội dung đánh giá không tập trung vào kiến thức thuần túy mà đánh giá phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Tiếng Việt thể hiện qua các kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe.
- Cách thức đánh giá kết quả giáo dục đa dạng, kết hợp cả đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra, bài tập với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đối với HS ở mỗi lớp. Sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá năng lực của HS, khắc phục tình trạng chỉ học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn.

2 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 5

2.1. Quan điểm biên soạn SGK

Quan điểm biên soạn SGK *Tiếng Việt 5* vừa tiếp tục quan điểm biên soạn chung của SGK *Tiếng Việt*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* được triển khai từ SGK *Tiếng Việt 1*, vừa có điểm khác biệt so với SGK các lớp dưới do yêu cầu của CT, cụ thể là:

2.1.1. Sách cần được biên soạn theo mô hình SGK dạy tiếng hiện đại, trên cơ sở kế thừa và phát huy ưu điểm trong các sách dạy học Tiếng Việt của Việt Nam trước đây, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của HS.

Nội dung các bài học trong sách phải làm cho HS cảm thấy việc học môn Tiếng Việt thực sự hấp dẫn, thú vị, bổ ích, phát huy được tính sáng tạo của bản thân. Mỗi hoạt động học tập được thiết kế trong sách phải giúp HS từng bước phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học một cách hiệu quả, theo đúng mục tiêu, yêu cầu của CT Tiếng Việt lớp 5 nói riêng và CT Tiếng Việt cấp tiểu học nói chung. Nội dung các bài học trong sách không phân chia thành các phân môn mà được thiết kế theo các mạch hoạt động (đọc, viết, nói và nghe) nhằm đáp ứng mục tiêu của CT là giúp người học phát triển năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học), năng lực chung và phẩm chất.

Các bài học tạo cơ hội cho HS tăng cường tham gia những hoạt động giao tiếp tự nhiên. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS, giúp các em sử dụng tiếng Việt thành thạo để học tốt các môn học, tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục, giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống; bước đầu hình thành và phát triển năng lực văn học, đồng thời bồi dưỡng cho HS những

phẩm chất tốt đẹp với các biểu hiện cụ thể như: có lòng nhân ái; có tình yêu đối với gia đình, mái trường, thiên nhiên, đất nước; có ý thức về cội nguồn; có hứng thú học tập; yêu lao động,...

2.1.2. Các bài học cần được thiết kế theo hệ thống chủ điểm, đảm bảo tích hợp các mạch nội dung. Với cấp tiểu học, yêu cầu đọc hiểu theo đặc điểm của thể loại chưa được đặt ra như mục tiêu chính của hoạt động dạy học. Vì vậy, việc các bài học được kết nối với nhau theo hệ thống chủ điểm sẽ tạo điều kiện cho việc tích hợp hiệu quả nội dung của các hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Ngoài ra, việc tích hợp về kiểu loại văn bản (VB) giữa đọc và viết cũng cần được chú ý. Nhiều hoạt động trong sách vừa có mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, vừa có mục tiêu phát triển một số năng lực chung như: năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề.

Ngoài ra, cần tích hợp kiến thức, kĩ năng trong môn Tiếng Việt với nội dung của một số môn học và hoạt động giáo dục khác như Lịch sử và Địa lí, Khoa học, Đạo đức, Âm nhạc, Mĩ thuật,... Các em cần có cơ hội vận dụng hiểu biết về môi trường tự nhiên, hành vi ứng xử theo chuẩn mực với người thân, thầy cô, bạn bè và những người xung quanh; vận dụng khả năng cảm nhận màu sắc, hình khối, đường nét của tranh ảnh,... để đọc hiểu và thực hành viết, nói và nghe trong khi học Tiếng Việt.

2.1.3. Theo yêu cầu của CT Tiếng Việt lớp 5, sách cần thiết kế các kiến thức về tiếng Việt như từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa, từ loại (đại từ, kết từ), các kiểu câu (câu đơn, câu ghép), liên kết câu, biện pháp tu từ (điệp từ, điệp ngữ), dấu câu,... theo mạch nội dung riêng, nhưng các khái niệm cần được giải thích một cách đơn giản, dễ hiểu, chú trọng đến nghĩa và cách dùng của các đơn vị ngôn ngữ, không khai thác sâu vào đặc điểm cấu trúc của chúng. Đó là cách tiếp cận ngôn ngữ theo quan điểm chức năng, phù hợp với xu hướng giáo dục ngôn ngữ trên thế giới hiện nay. Điều này giúp “giảm tải” cho bài học và tăng cường hiệu quả ứng dụng các kiến thức tiếng Việt vào hoạt động thực hành. Định hướng đổi mới quan điểm dạy học kiến thức tiếng Việt này phù hợp với việc đổi mới mục tiêu của CT: chuyển từ mục tiêu chú trọng cung cấp kiến thức sang mục tiêu giúp người học phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

Một khi HS không phải chú trọng vào những khái niệm lí thuyết hàn lâm, các em sẽ phát huy được tính tích cực, chủ động của người học thông qua các hoạt động phù hợp với đặc điểm nhận thức và cách học của HS tiểu học. Những hoạt động này cần được đa dạng hoá, có tính chất và vai trò khác nhau trong quá trình học tập của HS, từ khởi động (giúp HS huy động những hiểu biết, trải nghiệm của các em để tiếp nhận bài học mới), khám phá, hình thành kiến thức (giúp HS phát hiện, tìm hiểu kiến thức, giá trị mới trong bài học dựa trên những hiểu biết đã có) đến luyện tập, vận dụng (giúp HS thực hành để phát triển các kĩ năng và vận dụng để giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống của chính các em).

2.2. Giới thiệu, phân tích cấu trúc sách và cấu trúc bài học

2.2.1. Cấu trúc sách

Tiếng Việt 5 được thiết kế thành 2 tập, tập một dành cho học kì 1 (18 tuần), tập hai dành cho học kì 2 (17 tuần), mỗi tuần có 7 tiết.

Tập một có 32 bài học, được sắp xếp theo 4 chủ điểm và học trong 16 tuần: *Thế giới tuổi thơ* (4 tuần), *Thiên nhiên kì thú* (4 tuần), *Trên con đường học tập* (4 tuần), *Nghệ thuật muôn màu* (4 tuần). Ngoài ra, có 1 tuần Ôn tập giữa học kì I và 1 tuần Ôn tập và đánh giá cuối học kì I. Ở đầu sách có *Lời nói đầu*, *Mục lục*; cuối sách có bảng thuật ngữ (*Một số thuật ngữ dùng trong sách*) và bảng tra cứu tên riêng nước ngoài xuất hiện trong các bài học.

Tập hai có 30 bài học, được sắp xếp theo 4 chủ điểm và học trong 15 tuần: *Về đẹp cuộc sống* (4 tuần), *Hương sắc trăm miền* (4 tuần), *Tiếp bước cha ông* (4 tuần), *Thế giới của chúng ta* (3 tuần). Ngoài ra, có 1 tuần Ôn tập giữa học kì II và 1 tuần Ôn tập và đánh giá cuối năm học. Cuối sách có bảng thuật ngữ (*Một số thuật ngữ dùng trong sách*) và bảng tra cứu tên riêng nước ngoài xuất hiện trong các bài học.

Ở cả hai học kì, mỗi tuần có 2 bài, bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Ngoài ra, mỗi tập sách đều có một tuần dành cho ôn tập và đánh giá (giữa học kì, cuối học kì, cuối năm học). Trong phần đánh giá có đề tham khảo, GV có thể dựa vào những đề tham khảo đó để thiết kế để kiểm tra giữa học kì, cuối học kì và cuối năm học cho HS một cách linh hoạt, tùy theo điều kiện dạy học thực tế của mỗi địa phương, mỗi nhà trường và theo công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2.2. Cấu trúc bài học

a. Bài học thứ nhất (3 tiết)

Bài 3 tiết được phân bổ thời gian như sau:

- Đọc (1 tiết)
- Luyện từ và câu (1 tiết)
- Viết (1 tiết)

b. Bài học thứ hai (4 tiết)

Bài 4 tiết được phân bổ thời gian như sau:

- Đọc và Luyện tập theo VB đọc (2 tiết)
- Viết (1 tiết)
- Nói và nghe / Đọc mở rộng (1 tiết)

Cuối mỗi bài (3 tiết và 4 tiết) đều có hoạt động Vận dụng, yêu cầu HS thực hành ngoài giờ lên lớp, thường là kể hoặc chia sẻ với người thân về một nội dung đã học, trao đổi ở lớp hoặc cùng người thân phối hợp thực hiện một công việc có liên quan đến vận dụng bài học vào đời sống hằng ngày.

Có một số điểm đáng lưu ý về phân bổ thời lượng cho mỗi hoạt động trong các bài học:

- Các hoạt động trong cả hai dạng bài (3 tiết và 4 tiết) đều được phân bổ đều trong 1 tiết, trừ hoạt động đọc ở bài 4 tiết có thời gian 2 tiết vì có thêm hoạt động luyện tập theo VB đọc và bản thân VB đọc cũng thường đòi hỏi nhiều thời gian để khám phá hơn VB đọc của bài 3 tiết. Việc phân bổ thời gian như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho GV tiếp cận các bài học trong SGK mới và tổ chức dạy học một cách hiệu quả.
- Tất cả các bài đều có 1 tiết rèn kĩ năng viết đoạn văn, bài văn. Cách phân bổ thời gian như vậy cho thấy *Tiếng Việt 5* thống nhất với các lớp dưới, tiếp tục quan tâm đặc biệt đến mục tiêu phát triển kĩ năng viết cho HS.
- Hoạt động nói và nghe và hoạt động đọc mở rộng được thực hiện luân phiên ở tiết 4 của bài 4 tiết. Sự sắp xếp theo cách đó đảm bảo thời gian phù hợp cho cả hai hoạt động này (theo đúng yêu cầu của CT), không ảnh hưởng đến thời gian dành cho những hoạt động cần ưu tiên hơn: học đọc VB (ở lớp) và luyện viết.

2.3. Phân tích các điểm mới cơ bản

2.3.1. Tên chủ điểm trong sách có sức gợi mở và hấp dẫn

Tiếp tục định hướng đã triển khai từ SGK các lớp trước, trong *Tiếng Việt 5*, hệ thống chủ điểm được sắp xếp hợp lí. Các chủ điểm ở tập một được bắt đầu từ những con người, sự việc, hoạt động, tình cảm, cảm xúc,... trong cuộc sống tuổi



thơ của chính các em, qua thế giới tự nhiên bí ẩn, hấp dẫn, đến những trải nghiệm độc đáo về con đường học tập của những con người thú vị và những cảm xúc sâu lắng trước thế giới nghệ thuật phong phú. Các chủ điểm ở tập hai cũng được phát

triển dần, dần dắt HS đi từ những gì đáng trân trọng mà rất dễ gần gũi, bình dị trong cuộc sống hằng ngày; qua các vùng miền để cảm nhận vẻ đẹp phong phú của đất nước; đến với những con người, sự việc góp phần làm nên truyền thống dựng nước và giữ nước rất đỗi tự hào của dân tộc ta; chủ điểm cuối mở cánh cửa rộng lớn nhìn ra thế giới để có thêm hiểu biết về những xứ sở xa xôi đồng thời từng bước hình thành ở HS ý thức góp phần làm cho trái đất của chúng ta ngày càng tươi đẹp hơn, an toàn hơn. Nội dung các chủ điểm trong 2 tập sách vừa gần với đời sống thực tiễn, với những giá trị văn hoá Việt Nam, vừa đáp ứng yêu cầu giáo dục, góp phần tạo nên những con người có được các phẩm chất và năng lực để sống tốt và làm việc hiệu quả trong thế kỉ XXI.

2.3.2. Sách chú trọng rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ cho HS

Thực hiện quan điểm biên soạn như đã nêu ở mục 2.1., thống nhất và tiếp tục ý tưởng của SGK Tiếng Việt các lớp trước, trong SGK *Tiếng Việt 5*, nội dung học tập được tổ chức theo các mạch tương ứng với các kĩ năng sử dụng ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe), không chia thành các phân môn (Tập đọc, Chính tả, Kể chuyện, Tập làm văn,...) như trước đây. Cách tiếp cận này giúp cho hoạt động dạy học môn Tiếng Việt gắn với giao tiếp thực tế, tạo được hứng thú ở người học và nâng cao hiệu quả dạy học. Nhìn vào mục lục, các thầy cô giáo và các em HS sẽ biết được nội

MỤC LỤC			
Tuần	Bài	Nội dung	Trang
THẾ GIỚI TUỔI THƠ			7
1	1	Đọc: <i>Thanh âm của gió</i> Luyện từ và câu: Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo	8 10 11
	2	Đọc: <i>Cánh đồng hoa</i> Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo (tiếp theo) Đọc mở rộng	13 15 17
2	3	Đọc: <i>Tuổi Ngựa</i> Luyện từ và câu: Đại từ Viết: Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo	18 20 21
	4	Đọc: <i>Bên sông tuổi thơ</i> Viết: Viết bài văn kể chuyện sáng tạo Nói và nghe: Những câu chuyện thú vị	23 25 26
3	5	Đọc: <i>Tiếng hạt nảy mầm</i> Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ Viết: Đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo	28 29 30
	6	Đọc: <i>Ngôi sao sân cỏ</i> Viết: Tìm hiểu cách viết báo cáo công việc Đọc mở rộng	31 33 35
4	7	Đọc: <i>Bộ sưu tập đọc đảo</i> Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ (tiếp theo) Viết: Viết báo cáo công việc	36 38 39
	8	Đọc: <i>Hành tinh kì lạ</i> Viết: Đánh giá, chỉnh sửa báo cáo công việc Nói và nghe: Những điểm vui chơi lí thú	41 43 44
THIÊN NHIÊN KÌ THỦ			45
5	9	Đọc: <i>Trước cổng trời</i> Luyện từ và câu: Từ đồng nghĩa Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh	46 47 49
	10	Đọc: <i>Kì diệu rừng xanh</i> Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tiếp theo) Đọc mở rộng	51 53 54
6	11	Đọc: <i>Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú</i> Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đồng nghĩa Viết: Viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh	56 58 59
	12	Đọc: <i>Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long</i> Viết: Quan sát phong cảnh Nói và nghe: Bảo tồn động vật hoang dã	60 61 63

2.3.3. Nội dung bài học có sự kết nối chặt chẽ giữa các kĩ năng và được thiết kế theo hướng mở để phát huy năng lực người học

- a. Ở kĩ năng đọc, *Tiếng Việt 5* chú trọng thiết kế các câu hỏi đọc hiểu đa dạng về kiểu loại và mức độ yêu cầu, tạo cơ hội để HS phát biểu ý kiến cá nhân, luyện cho HS thói quen và kĩ năng suy nghĩ độc lập, cách thức trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình trước tập thể. Suy nghĩ, cảm xúc của các em có thể chưa thật rõ nét và sâu sắc, diễn đạt có thể chưa mạch lạc và gãy gọn, song điều quan trọng là các em được tập luyện để hình thành thói quen tìm tòi, khám phá và phát huy sáng tạo thông qua những câu hỏi đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức văn bản và yêu cầu liên hệ, so sánh, kết nối văn bản được đọc với trải nghiệm của các em, với các sự vật, sự việc trong cuộc sống,... Dưới đây là một số ví dụ về câu hỏi đọc hiểu trong SGK *Tiếng Việt 5*:
- Câu hỏi đọc hiểu bài *Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long* (*Tiếng Việt 5, tập một*, tr.60 – 61):

Bài 12 NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

ĐỌC

Chia sẻ những điều em biết về vịnh Hạ Long.

NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG
(Trích)

Vịnh Hạ Long là thắng cảnh có một không hai của đất nước ta. Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô khuất khúc như rừng châu, phượng múa.

Đảo có chỗ sừng sững, chạy dài như bức trường thành vững chãi, ngăn khơi với lòng, nổi mặt biển với chân trời. Có chỗ đảo dần ra thưa thớt, hòn này với hòn kia biệt lập, xa trông như quần cở bày chon von trên mặt biển. Có chỗ đảo quần tụ lại, xúm xít như vạn chài lúc neo thuyền, phơi lưới.

Đảo của Hạ Long không phải là những núi đá buồn tẻ, đơn điệu mà mỗi hòn, mỗi dáng đều thấp thoáng hình ảnh của sự sống. Có hòn trông như đôi gà đang xoè cánh chọi nhau trên mặt nước (hòn Gà Chọi); có hòn bé thế như mái nhà (hòn Mái Nhà); có hòn chông chênh như con cóc ngồi bờ giếng (hòn Con Cóc); có hòn như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá (hòn Ông Lã Vọng),... Có nhiều hang đẹp, như hang Bồ Nau, hang Đầu Gỗ,... Mỗi hang đảo gắn với một sự tích huyền bí.

Ngắm Hạ Long với trăm nghìn đảo đá sừng sững, ta có cảm giác được chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá.
(Theo Thi Sánh)

Từ ngữ

- Trường thành: bức thành dài và vững chắc.
- Khơi: vùng biển xa bờ.
- Lặng: vùng biển gần bờ.

60

VIẾT

QUAN SÁT PHONG CẢNH

Yêu cầu: Quan sát một cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo và ghi lại kết quả quan sát.

1. Chuẩn bị.

- Lựa chọn phong cảnh để quan sát (cảnh ao, hồ, sông, suối, biển, đảo,...).
- Lựa chọn cách quan sát (trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, video,...).
- Lựa chọn trình tự quan sát.

61

– Câu hỏi đọc hiểu bài *Tiếng hát của người đá* (Tiếng Việt 5, tập hai, tr.8 – 9):

Tuần 19

Bài 1 TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ

ĐỌC

Kể tên 1 – 2 truyện cổ mà em đã đọc hoặc đã nghe. Nếu những chi tiết em thích.

TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ



Trên đỉnh núi cao ở vùng Chư Bô-đa, có một mòm đá xanh giống hình một em bé cười vui. Những tia nắng vàng dịu, những hạt mưa trong vắt thay nhau tắm gội, sưởi ấm cho mòm đá. Gió rì rào kể cho mòm đá nghe những câu chuyện về mọi miền. Chim hót cho mòm đá nghe những điệu ca du dương. Cứ thế, năm này qua năm khác, những câu chuyện của gió, những bài ca của chim thấm sâu vào mòm đá hình em bé.

Một buổi sáng, mòm đá khẽ cựa quậy, rồi từ từ biến thành một em bé xinh đẹp. Em bước xuống núi, thấy muôn thú từng đàn kéo về phá

8

nương rẫy, dân làng đuổi đặng đặng, đón nắng tây mà chẳng ăn thua gì. Em bé liền cất giọng hát. Tiếng hát của em vang khắp núi rừng. Muông thú quên cả phá lúa, nhảy múa theo tiếng hát. Dân làng vây quanh em bé, hỏi em từ đâu tới, tên em là gì, nhưng em chỉ cười. Mọi người đặt tên cho em là Nai Ngọc.

Ngày nọ, giặc kéo đến đông như lá rừng, nhanh như chớp giết, giã mác chia lên trời tua tủa như bông lách, bóng lau. Dân làng không kể trẻ già, trai gái vội cầm tên nỏ, khiên dao đuổi giặc. Bốn phương lửa cháy rừng rực. Nai Ngọc trèo lên một mòm núi, cất tiếng hát kêu gọi những kẻ xâm lược chớ đi ăn cướp, hãy trở về với vợ con, đi hái rau ngọt, cắt lúa vàng, tối ngủ bên lửa ấm, sáng thức dậy theo mặt trời.... Giọng hát của Nai Ngọc khiến giặc đứng sững như những pho tượng, vũ khí tuột khỏi tay.

Giặc tan, nhưng không thấy Nai Ngọc đâu. Dân làng bảo nhau rằng sau khi giúp dân trừ giặc, Nai Ngọc đã trở lên núi cao, biến thành đá như trước. Ai cũng tin rằng nhất định Nai Ngọc sẽ trở về với dân làng, cất tiếng hát giữa cảnh núi rừng thanh bình, tươi đẹp.

(Theo Truyện cổ Việt Nam, Ngọc Anh và Văn Lang kể)

1. Mòm đá trên đỉnh núi cao có gì đặc biệt? Mòm đá được mọi vật yêu quý như thế nào?

Nắng Mưa

2. Chuyện gì xảy ra vào ngày mòm đá hoá thành một em bé? Mọi người được chứng kiến điều gì kì lạ khi em bé người đá cất tiếng hát vang khắp núi rừng?

3. Khi giặc kéo đến, dân làng và em bé người đá đã làm gì để đuổi giặc?

4. Theo em, lời hát của em bé người đá thể hiện ước nguyện gì của con người?

5. Nếu một kết thúc khác cho câu chuyện theo mong muốn của em.

9

– Câu hỏi đọc hiểu bài *Đoàn thuyền đánh cá* (Tiếng Việt 5, tập hai, tr.34 – 35):

Tuần 22

Bài 7 ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

ĐỌC

Trao đổi với bạn những điều em biết về cuộc sống, công việc của người dân miền biển.



ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ
(Trích)

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Hát rằng: cá bạc Biển Đông lặng,
Cá thu Biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!

Ta hát bài ca gọi cá vào
Gò thuyền đã có nhịp trăng cao
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.



34

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

Câu hát căng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhỏ màu mồi,
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

(Huy Cận)

Từ ngữ

- *Thoi*: bộ phận của khung cửi hoặc máy dệt để luồn sợi khi dệt vải.
- *Gò thuyền* (động tác của người đánh cá): gõ mạnh vào mạn thuyền, tạo nên tiếng động để lừa cá bơi về một hướng.

1. Ở khổ thơ thứ nhất, đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong khung cảnh thiên nhiên như thế nào? Cách miêu tả của nhà thơ có gì đặc biệt?

Mặt trời Sóng

2. Tìm trong bài thơ những chi tiết thể hiện tinh cảm, cảm xúc của những người đánh cá trên biển:

Niềm vui trong lao động Tình yêu và lòng biết ơn đối với biển cả

3. Những hình ảnh ở khổ thơ cuối có ý nghĩa gì?

4. Bài thơ giúp em cảm nhận được những vẻ đẹp nào của cuộc sống?

* Học thuộc lòng bài thơ.

35

Bài 22

BỘ ĐỘI VỀ LÀNG

ĐỌC

Nói những điều em biết về các chú bộ đội (trang phục, công việc,...).

BỘ ĐỘI VỀ LÀNG
(Trích)

Các anh đi
Ngày ấy đã lâu rồi
Xóm làng tôi còn nhớ mãi.
Các anh đi
Bao giờ trở lại
Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong...
Các anh về mái ấm nhà vui
Tiếng hát câu cười
Rộn ràng xóm nhỏ
Các anh về từng búng trước ngõ,
Lớp lớp đàn em hôn hờ theo sau
Mẹ già bịn rịn áo nâu
Vui đàn con ở rừng sâu mới về.
Tứ lung đeo
Độc núi mù che,
Các anh về
Xôn xao làng tôi bé nhỏ.
Nhà là đơn sơ,
Nhưng tấm lòng rộng mở,
Nói cơm nấu dở
Bắt nước chè xanh
Ngồi vui kể chuyện tâm tình bên nhau.
(Hoàng Trung Thông)



Từ ngữ

– *Bận rộn*: lưu luyến, không muốn rời xa.
– *Đơn sơ*: đơn giản và sơ sài.

1. Tìm những từ ngữ thể hiện nỗi niềm mong nhớ các anh bộ đội của dân làng.
2. Không khí xóm làng thay đổi như thế nào khi các anh bộ đội trở về? Hình ảnh nào giúp em cảm nhận được điều đó?
3. Năm đồng thơ cuối gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì?
4. Theo em, người dân đã dành tình cảm gì cho các anh bộ đội? Vì sao?
5. Nêu chủ đề của bài thơ. Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.

A. Các anh bộ đội cụ Hồ đã để lại ấn tượng rất đẹp với người dân.

B. Tình quân dân thắm thiết, sự gần gũi gắn bó giữa hậu phương và tiền tuyến tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

C. Trong những tháng năm chiến tranh chống giặc xâm lược, mỗi làng quê Việt Nam đều là quê hương của các anh bộ đội.

* Học thuộc lòng bài thơ.

1. Chọn những từ đồng nghĩa với từ đơn sơ.

đơn giản

đơn độc

mộc mạc

sơ lược

giản dị

2. Đặt 2 – 3 câu với những từ đồng nghĩa mà em đã chọn ở bài tập 1.



Sách *Tiếng Việt 5* chú trọng rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản đa phương thức cho HS (nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu,...) theo đúng yêu cầu của chương trình, đồng thời tạo cơ hội để các em phát triển kỹ năng tư duy thông qua yêu cầu suy đoán, suy luận trong tiếp nhận văn bản.

b. Ở kỹ năng viết, tương tự *Tiếng Việt 4*, *Tiếng Việt 5* không còn nội dung luyện viết chữ (chữ viết thường, chữ viết hoa) và viết chính tả riêng biệt mà nội dung đó được tích hợp vào hoạt động viết đoạn văn, bài văn. Các kiểu bài văn mà HS lớp 5 cần được luyện tập rất đa dạng và tiếp tục có sự nâng cao so với lớp 4, cụ thể:

- Viết bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo.
- Viết bài văn tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả.
- Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện.
- Viết đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống.
- Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem (hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ).
- Viết báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu.

Trong số các kiểu bài ở trên có những kiểu bài hoàn toàn mới so với các lớp dưới như: viết bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo (ở lớp 4 mới chỉ yêu cầu viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã nghe, đã đọc); viết được đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống; viết được báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu. Các kiểu bài khác tuy không phải hoàn toàn mới nhưng có điểm khác biệt đáng kể so với các lớp dưới: viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem (hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ); viết được bài văn tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả; viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện.

Nội dung viết đoạn văn, văn bản được thiết kế ở tiết 3 của bài 3 tiết và bài 4 tiết. Theo đó, mỗi tuần có 2 tiết luyện viết (trong tổng số 7 tiết cho tất cả các nội dung dạy học). Sách chủ trương thiết kế nội dung viết đoạn, viết văn bản kết nối, tích hợp với chủ điểm của các bài đọc, chẳng hạn, viết bài văn kể chuyện với những chi tiết sáng tạo được triển khai trong chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*, viết bài văn miêu tả phong cảnh được triển khai trong chủ điểm *Thiên nhiên kì thú*, viết bài văn tả người được triển khai trong chủ điểm *Về đẹp cuộc sống*,... Nhờ thế, các văn bản đọc trong tuần cũng góp phần làm giàu vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc cho HS để các em có thể hoàn thành bài viết của mình một cách thuận lợi.

Tiếng Việt 5 thiết kế các hoạt động viết theo một quy trình khoa học, gồm các bước cơ bản: tìm hiểu kiểu bài viết; tìm ý và lập dàn ý; thực hành viết đoạn, viết bài và chỉnh sửa, hoàn thiện; nhận xét, đánh giá (trả bài). Đối với một số kiểu bài đặc thù như kiểu bài tả phong cảnh hay tả người thì có thêm bước quan sát và hướng dẫn viết đoạn trước khi yêu cầu viết bài văn hoàn chỉnh. Quy trình dạy viết này được học hỏi từ kinh nghiệm dạy học viết của các nước phát triển, tiệm cận với quy trình dạy viết trong SGK Ngữ văn mới ở cấp trung học, tạo điều kiện để HS ngay từ lớp 5 đã có thể bắt đầu thuần thục các thao tác viết một VB trọn vẹn, chuẩn bị đáp ứng yêu cầu viết với mức độ cao hơn ở THCS. *Tiếng Việt 5* nói riêng và SGK Tiếng Việt – Ngữ văn, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* nói chung, chủ trương: HS cần được thực hành viết dựa trên việc phân tích “mẫu”, tức bài viết tham khảo, để nắm được kiểu bài, mục đích viết, cách viết,... để không viết lan man, nhưng đồng thời vẫn tôn trọng quyền sáng tạo của người học. Việc học thông qua phân tích “mẫu” khác về bản chất với tình trạng cho HS chép “văn mẫu” khi làm bài – một cách dạy học hiện đang bị dư luận phản đối và Bộ Giáo dục & Đào tạo chủ trương loại bỏ một cách quyết liệt. Nếu ở “viết theo văn mẫu”, HS thường thực hiện việc sao chép từ chất liệu đến ý tưởng thì ở cách dạy viết trong sách *Tiếng Việt 5*, HS chỉ tham khảo cấu trúc của bài viết tham khảo, còn đề tài của bài viết là mới, vì vậy, chất liệu, ý tưởng phải là của chính các em. Dưới đây là ví dụ về quy trình thực hành viết bài văn kể chuyện sáng tạo trong *Tiếng Việt 5, tập một*:

- Bước 1 (tiết 1 và tiết 2): Tìm hiểu cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo. HS đọc bài văn tham khảo và trả lời câu hỏi, qua đó nắm được kiểu bài viết.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

1. Đọc bài văn kể lại câu chuyện và các chi tiết kể sáng tạo (A, B) dưới đây, sau đó thực hiện yêu cầu.

Nếu hay đọc truyện phiêu lưu, có lẽ bạn sẽ thích câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu* của tác giả Nguyễn Thị Kim Hoà.

Chuyện kể rằng, một hôm, mèo nhép rủ chuột xù sang sông chơi, nhưng chuột xù từ chối. (A) Mèo nhép khẳng khái muốn đi nên chuột đành đồng ý vì không nỡ để bạn mèo hiểm một mình. Hai bạn nhớ bác ngựa đưa sang sông.

Đồng cỏ bên kia sông quả là một thế giới xanh tuyệt đẹp! (B) Thích chí, mèo nhép nhảy nhót khắp nơi, mặc dù chuột xù đã cảnh báo rằng trong bụi cỏ có hang rắn.

Y như chuột lo ngại, rắn bị phá giấc ngủ, tức giận quát mắng về phía mèo nhép. Chuột xù vội nhảy từ móm đá xuống mình rắn để cứu bạn. Rắn tới sấm mắt mũi, còn chuột xù vắng ra. May thay, bác ngựa kịp thời chạy đến cứu hai bạn.

Trên lưng bác ngựa trở về, thấy chuột xù nằm thiu thiu, mèo nhép cứ sụt sịt, nước mắt rơi ướt lông chuột xù. Mèo không để ý, miệng chuột đang mím lại do cố nén cười.

Câu chuyện thật thú vị và hài hước. Mèo nhép đã có bài học quý giá về việc phải biết lắng nghe người khác để giữ an toàn cho bản thân và những người xung quanh.

Chuột xù nói:

– Bác ngựa bảo nguy hiểm lắm.

Mèo nhép hứ một cái:
– Cậu không đi thì thôi, tớ đi một mình.

(B)

Cỏ phủ kín cánh đồng như một tấm thảm xanh mướt. Cây cối cũng xanh mướt như ngày nào cũng được gội rửa. Không gian ngai ngái mùi cỏ thơm, thật dễ chịu!

- a. Bài văn trên kể lại câu chuyện gì?
b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu ý chính của mỗi phần.
c. Các chi tiết sáng tạo A, B được bổ sung vào phần nào của bài văn?

11

- d. Tìm nội dung phù hợp với mỗi chi tiết sáng tạo A, B.



Sáng tạo thêm chi tiết tả cảnh.

Sáng tạo thêm lời thoại cho nhân vật.

2. Theo em, đoạn dưới đây có thể thay cho đoạn nào của câu chuyện?

Chuột xù lồm cồm bò dậy, thấy mèo nhép vẫn sợ hãi, run lập cập. Một lúc lâu, mèo nhép mới xù hổ báo:

– Bờ sông bên nhà mình cũng đẹp lắm. Chúng mình về thôi.

Bác ngựa và chuột xù cười phá lên. Mèo nhép cũng bẽn lèn cười.

3. Nêu những cách em có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

Thêm chi tiết tả ngoại hình và hoạt động của nhân vật.

Tưởng tượng mình đang tham gia vào câu chuyện, được "nhìn", "nghe", "chạm vào",... mọi sự vật trong câu chuyện để sáng tạo chi tiết.

Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện.



Ghi nhớ

Trong bài văn kể chuyện sáng tạo, người viết có thể thêm chi tiết (thêm lời thoại, thêm lời kể, lời tả,...) hoặc thay đổi cách kết thúc mà không làm thay đổi nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện.

Bài văn có 3 phần:

- Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.
- Thân bài: Kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo.
- Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện.



1. Kể cho người thân nghe câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu* với chi tiết em sáng tạo thêm.
2. Tìm đọc một câu chuyện về thế giới tuổi thơ.

12



1. Xếp những từ in đậm dưới đây vào nhóm thích hợp.
- Mỗi lần Ja Ka vỗ trống, các bạn lại cùng múa hát **tưng bừng**.
 - Bọn mình còn đầu chó mà **vui chơi**!
 - Biết ý tưởng đó, nhiều cô bác trong làng đã **hưởng ứng**.
 - Nhóm bạn vui mừng nhảy múa, ca hát giữa vườn hoa rực rỡ, trong tiếng trống **rộn rã**.

Động từ

Tính từ

2. Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

(Tiếp theo)

1. Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Chào các bạn. Tôi là chuột xù. Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện phiêu lưu li kì của tôi và cậu bạn thân mèo nhép.

Hôm ấy là một ngày rất đẹp trời, chúng tôi đều muốn đi chơi. Tôi thì muốn chơi ở bên này sông, còn cậu bạn của tôi lại năng nặc đòi đi chơi ở bên kia sông. Tôi vẫn nhớ lời dặn của bác ngựa là bên kia sông nguy hiểm lắm. Thế mà **chẳng hiểu sao** mèo nhép lại cứ muốn đi chơi ở đó. Cậu ấy quả là thích phiêu lưu. Nhưng phiêu lưu mà mất an toàn thì thật đáng sợ. Tôi cố gắng thuyết phục mèo nhép. Cậu ấy chẳng những không nghe mà còn chề tôi nhất. Cuối cùng, tôi đành chịu thua và đi theo cậu ấy vì không nỡ để cậu ấy mạo hiểm một mình.



Trên lưng bác ngựa trở về, tôi vẫn giả vờ nằm thiu thiu. Mèo nhép **chắc** là biết lỗi, cứ sụt sịt, nước mắt rơi ướt cả bộ lông của tôi. So với lúc cậu ấy khẳng khái đòi sang sông chơi thì bây giờ trông cậu ấy thật quá khác biệt. Tôi phải cố nén cười. Cứ để cậu ấy ăn hận một lúc nữa, như thế mới có bài học chứ.

15

- a. Các đoạn văn trên kể lại câu chuyện theo lời của nhân vật nào?
b. Nhân vật đó dùng những từ ngữ nào để gọi mình và các nhân vật khác?
c. Những từ ngữ in đậm thể hiện điều gì? Chọn đáp án đúng.
A. Chuột xù không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của mèo nhép.
B. Chuột xù không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của mình.
C. Chuột xù dự đoán được sự việc xảy ra tiếp theo.
D. Chuột xù thể hiện sự khách quan khi kể câu chuyện.
d. Cách kể chuyện trong các đoạn văn trên có gì khác với cách kể chuyện trong bài văn trang 11?

Cách mở đầu câu chuyện

Cách kể lại các sự việc trong câu chuyện

Cách kết thúc câu chuyện

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện.

Câu chuyện được kể theo lời của nhân vật nào?
Nhân vật kể chuyện xưng là gì?

Các sự việc trong câu chuyện được kể như thế nào theo cảm nhận của nhân vật?

Ghi nhớ

Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện cũng là một cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

Bài văn có 3 phần:

- Mở bài: Đóng vai nhân vật để tự giới thiệu và dẫn dắt vào câu chuyện.
- Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện theo cảm nhận của nhân vật mà em đóng vai.
- Kết bài: Kể kết thúc của câu chuyện theo cảm nhận của nhân vật.

16

– Bước 2 (tiết 3): Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.

3. Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi.

Hạt thóc

Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:

– **Tôi** là hạt vàng đấy, các **bạn** ạ. Chẳng ai bằng **tôi** được.

Ngô liền nói:

– **Cậu** ơi, **tớ** nghĩ **cậu** chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn **cậu** sẽ bị gắp bỏ ra ngoài.

Hạt thóc nghe xong, im lặng.

(Phan Tự Gia Bách)

a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì?

b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?

Ghi nhớ

Đại từ là từ dùng để thay thế như *thế, vậy, đó, này,...* (đại từ thay thế), để hỏi như *ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu,...* (đại từ nghi vấn) hoặc để xưng hô như *tôi, ta, chúng tôi, chúng ta, mày, chúng mày, chúng ta,...* (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như *ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...*

4. Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện *Hạt thóc*, viết câu đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

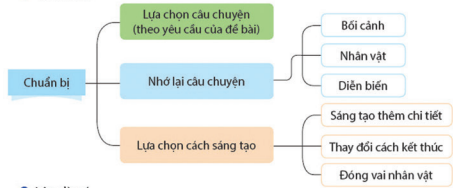
Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện *Thanh âm của gió* hoặc *Cánh đồng hoa*.

Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.

21

1. Chuẩn bị.



2. Lập dàn ý.

G:

Mở bài

Giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả,... (Nếu đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện, em cần giới thiệu mình là nhân vật nào.)

Thân bài

Kể lại câu chuyện theo trình tự hợp lý, trong đó có chi tiết được kể sáng tạo theo 1 trong 3 cách:

– Sáng tạo thêm chi tiết (có thể lựa chọn sáng tạo một hoặc nhiều chi tiết).

– Thay đổi cách kết thúc theo tưởng tượng của em.

– Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện (chú ý cách xưng hô, cách thể hiện lời nói, suy nghĩ, cảm xúc phù hợp với nhân vật).

Kết bài

Nêu suy nghĩ, cảm xúc,... về câu chuyện hoặc nêu kết thúc của câu chuyện dưới góc nhìn của nhân vật (nếu đóng vai kể chuyện).

3. Góp ý và chỉnh sửa.

- Nội dung câu chuyện
- Cách sáng tạo các chi tiết trong câu chuyện



Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.

22

– Bước 3 (tiết 4): Viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện *Thanh âm của gió* hoặc *Cánh đồng hoa*.

Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.

1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 3, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.

Lưu ý:

Khi thêm lời kể, tả, thêm lời thoại hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, cần lựa chọn chi tiết sáng tạo hấp dẫn, thú vị và phù hợp với nội dung câu chuyện.

Khi đóng vai kể chuyện, cần chọn cách xưng hô phù hợp và kể, tả sự việc theo đúng cảm xúc của nhân vật mà em đóng vai.

Một số đoạn văn tham khảo:

– Sáng tạo thêm chi tiết (lời kể, lời tả, hội thoại,...) cho câu chuyện.

Cánh đồng hoa

Ngồi tựa vào gốc cây, các bạn nhỏ ngược nhìn bầu trời. Trên bầu trời xanh biếc, muôn vàn đám mây như đang đùa giỡn, trông thật vui nhộn. Một cụm mây bông tách ra, nhìn giống bông cỏ trắng khổng lồ. Rồi một cụm mây nữa, trông giống đoá quỳnh tinh khải. Những “bông hoa mây” cứ bông bẻnh, bông bẻnh, khiến Mư Hoa phải bật dậy reo lên: “Các cậu có thấy bầu trời như một vườn hoa không?”

– Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện.

Thanh âm của gió

Bố bảo mỗi nghe chúng tôi kể thời mà bố đã thích trò chơi ấy rồi. Bố hẹn chúng tôi ngày mai dậy sớm chạy ra bờ suối nghe xem gió nói điều gì. Thế là chúng tôi tưởng tượng ra bao nhiêu tiếng gió mà bố có thể nghe được. Tiếng gió cứ lao xao, lao xao đưa chúng tôi vào giấc ngủ lúc nào không hay.

25

– Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.

Ông lão đánh cá và con cá vàng

Đang bơi lội tung tăng trong làn nước xanh mát, bỗng nhiên tôi bị cuốn phăng đi. Tôi hoảng hốt nhận ra mình đã mắc vào một tấm lưới và bị nhấc bổng lên khỏi mặt nước. Trước mắt tôi là một ông lão có nét mặt khác khổ. Ông nhìn tôi với vẻ thất vọng, có lẽ vì trong lưới chỉ có mỗi mình tôi.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

- Giới thiệu được câu chuyện một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.
- Kể chuyện với chi tiết sáng tạo độc đáo nhưng không làm thay đổi nội dung chính, ý nghĩa của câu chuyện gốc.

NỘI VÀNG HÈ

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÚ VỊ

Yêu cầu: Thảo luận về những chi tiết thú vị trong câu chuyện em yêu thích.

1. Chuẩn bị.

– Nhớ lại câu chuyện mà em yêu thích.

G:

Tên câu chuyện

Tên tác giả (nếu có)

Nội dung chính

– Liệt kê các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

26

– Bước 4 (tiết 4): Đánh giá, chỉnh sửa bài văn kể chuyện sáng tạo.

2. Chọn các đại từ thay thế thích hợp với mỗi bông hoa và cho biết chúng được dùng để thay cho từ ngữ nào.

đó ấy thế vậy này

- a. Cô dạy mình động tác bơi ếch. Động tác **đó** thật lạ.
b. Cây lạc tiên ra quả quanh năm. Vì **ấy**, con đường luôn phẳng phất mùi lạc tiên chín.
c. Mây đen đã kéo đến đầy trời. Nhưng bọn trẻ chẳng chú ý đến điều **đó**.

3. Tìm đại từ nghi vấn trong các câu dưới đây và xác định mục đích sử dụng tương ứng với mỗi đại từ đó.

a. Anh muốn gặp ai?	¹ Hỏi về số lượng
b. Sao con về muộn thế?	² Hỏi về người
c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?	³ Hỏi về thời gian
d. Bao giờ cháu về quê?	⁴ Hỏi về địa điểm
e. Nó ngồi ở đâu?	⁵ Hỏi về nguyên nhân

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN
KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.
2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và hạn chế trong bài.
3. Trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm trong bài của bạn.

Cách viết mở bài,
kết bài ấn tượng

Cách lựa chọn và kể
các chi tiết sáng tạo
trong câu chuyện

Cách sử dụng
từ ngữ hay, sinh động

4. Sửa lỗi trong bài (nếu có) hoặc viết lại một đoạn cho hay hơn.



1. Ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài văn kể lại câu chuyện với các chi tiết sáng tạo.
2. Tìm đọc một bài thơ viết về trẻ em.

30

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

1. Đọc bài văn dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Chú bé vùng biển

Thắng, con cá vược của thôn Bần, là địch thủ bơi lội đáng gờm nhất của bọn trẻ.

Lúc này, Thắng đang ngồi trên chiếc thuyền đậu ở ngoài cùng. Nó trạc tuổi thằng Chanh "phệ" nhưng cao hơn hẳn cái đầu. Nó cời trăn, phơi nước da rám đỏ khỏe mạnh của những đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển. Thân hình nó rắn chắc, cân đối, nở nang: cổ mập, vai rộng, ngực nở căng, bụng thon hằn rõ những múi, hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo, cặp đùi để chắc nịch. Thắng có cặp mắt to và sáng. Miệng tươi, hay cười. Cái trán hơi dô ra, trông có vẻ là một tay bướng bỉnh, gan dạ.

Tắm lưới rộng đang vá phủ lên hai đầu gối, tay Thắng cầm kim tre đưa lên đưa xuống thoăn thoắt coi bộ rất thành thạo. Chỗ lưới thùng cứ mỗi lúc một nhỏ dần lại. Tay vẫn thoăn thoắt và lưới nhưng mắt Thắng thỉnh thoảng lại nhìn lên bờ như có ý chờ đợi ai. Nhắc trông thấy lũ trẻ chạy xuống bến, nó vội vàng đặt tấm lưới trên gối xuống, bước đến bên mạn thuyền, bám tay vào cọc chèo và du mình xuống nước, êm không một tiếng động. Nó ngụp một cái lặn biến đi như một con cá.

Bọn trẻ đứng trên bờ nhìn nó lặn vừa ghen vừa phục.

(Theo Trần Văn)



- a. Người được tả trong bài văn trên là ai?
b. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn trên và nêu nội dung chính của mỗi phần.

11

Một ví dụ khác về quy trình thực hành viết bài văn tả người trong *Tiếng Việt 5, tập hai*.

- Bước 1 (tiết 1): Tìm hiểu cách viết bài văn tả người. HS đọc bài văn tham khảo và trả lời câu hỏi, qua đó nắm được kiểu bài viết.

- Bước 2 (tiết 2): Viết mở bài và kết bài cho bài văn tả người.

VIẾT

VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

1. Nêu những điểm khác nhau giữa các cách mở bài và kết bài dưới đây:

Mở bài trực tiếp
Thằng, con cá vược của thôn Bần, là địch thủ bơi lội đáng gờm nhất của bọn trẻ.

Mở bài gián tiếp
Chúng tôi sinh ra và lớn lên ở một vùng biển tuyệt đẹp, được làm quen với sóng xanh, nắng vàng ngay từ thuở ấu thơ. Đứa nào cũng biết bơi lội, nhưng chỉ có Thằng mới được gọi là con cá vược của thôn Bần và là địch thủ bơi lội đáng gờm nhất của bọn trẻ chúng tôi.

Kết bài không mở rộng
Bọn trẻ đứng trên bờ nhìn nó lặn vừa ghen vừa phục.

Kết bài mở rộng
Bọn trẻ chúng tôi đứng trên bờ nhìn nó lặn mà lòng đầy thần phục. Tôi thầm nghĩ hẳn là Thằng phải yêu sóng, yêu gió, yêu cái mặn mòi của nước biển vô cùng thì mới có thể trở thành anh chàng bơi lội giỏi giang như thế. Hẳn là các bạn cũng có chung cảm nghĩ như tôi?

2. Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài *Chú bé vùng biển* theo cách của em.

3. Trao đổi về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả người.

G:

- Khi viết mở bài gián tiếp, có thể giới thiệu người được tả bằng cách nào?
Nêu suy nghĩ về sự việc, hoạt động... Nhắc lại kỉ niệm chung có liên quan đến người được tả. Nhắc lại kỉ niệm chung nào đó với người được tả.
- Khi viết kết bài mở rộng, nên mở rộng theo hướng nào?
Nêu cảm nghĩ về người được tả, Bày tỏ những mong muốn những điều tốt đẹp mà người về một tương lai tốt đẹp đến đó để lại trong lòng mọi người. với người được tả.

15

- Bước 3 (tiết 3): Quan sát để viết bài văn tả người.

Ghi nhớ
Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng một kết từ (và, rồi, hoặc, còn, hay, nhưng, mà, song,...).
Các vế của câu ghép có thể nối trực tiếp với nhau: giữa các vế không có kết từ mà chỉ có dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm phẩy,...).

3. Chọn kết từ thay cho mỗi bông hoa trong các câu ghép sau:

và, rồi, còn, nhưng

a. Chích bông là loài chim bé nhỏ • nó lại là loài chim có ích đối với nhà nông.
b. Ngoài sân, mèo mun đang nằm sưởi nắng • cún con cũng vậy.
c. Vườn nhà em, ban ngày, hoa mẫu đơn, hoa lan, hoa cúc đua nhau khoe sắc • ban đêm, hoa nguyệt quế, hoa hoàng lan, hoa mộc lại cùng nhau tỏa hương.
d. Ngày nghỉ, em dây sỏm đá bóng với bố • em cùng mẹ ra vườn tưới cây.

4. Viết đoạn văn (3 – 5 câu) về bài thơ *Hạt gạo làng ta*, trong đó có câu ghép gồm các vế nối bằng một kết từ hoặc nối trực tiếp.

VIẾT

QUAN SÁT ĐỂ VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

Yêu cầu: Quan sát một người thân trong gia đình em hoặc một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp và ghi lại kết quả quan sát.

1. Chuẩn bị.

- Chọn người để quan sát theo yêu cầu.

G:

- + Nếu muốn tả một người thân trong gia đình, có thể chọn người gần gũi, chăm sóc em hàng ngày hoặc người mà em yêu quý.

20

+ Nếu muốn tả người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp, có thể chọn một người bạn thân hoặc một người quen biết mà em có nhiều thiện cảm.

Quan sát và ghi chép kết quả.

– Chọn cách quan sát: có thể quan sát trực tiếp hoặc quan sát qua tranh ảnh, video,...

– Làm phiếu ghi chép kết quả quan sát.

2. Quan sát và ghi chép kết quả.

Đặc điểm

- Ngoại hình → Dáng người
- Hoạt động →
- Sở trường, sở thích,...

Lưu ý: Cần lựa chọn những chi tiết tiêu biểu (về ngoại hình, hoạt động, sở trường, sở thích,...) thể hiện nét riêng, giúp phân biệt người được tả với những người khác.

3. Trao đổi về kết quả quan sát.

a. Chia sẻ kết quả quan sát.

- Người được quan sát là ai?
- Người đó có những đặc điểm nào nổi bật?

b. Nhận xét, góp ý về kết quả quan sát.

- Cách lựa chọn, sắp xếp đặc điểm của người được quan sát
- Cách miêu tả đặc điểm ngoại hình, hoạt động,...

Trao đổi với người thân về sở trường, sở thích,... của từng thành viên trong gia đình.

21

– Bước 4 (tiết 4): Lập dàn ý cho bài văn tả người

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn tả một người thân trong gia đình em.

Đề 2: Viết bài văn tả một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp.

1. Lập dàn ý.

- Dựa vào kết quả quan sát trong hoạt động Viết ở Bài 3, lập dàn ý cho đề bài em đã chọn.
- Xác định trình tự tả (tả lần lượt ngoại hình, hoạt động,... hoặc kết hợp, đan xen giữa tả ngoại hình với hoạt động,...).

G:

Mở bài

Giới thiệu về người được tả (tên gọi, mối quan hệ của em với người đó,...) theo cách mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp.

Thân bài

Nêu ngắn gọn những đặc điểm của người được tả:

- Ngoại hình (tầm vóc, dáng người, nước da, gương mặt, trang phục,...)
- Hoạt động (việc làm, cử chỉ, lời nói, cách ứng xử,...)
- Sở trường, sở thích hoặc tính tình.

Kết bài

Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về người được tả theo cách kết bài mở rộng hoặc không mở rộng.

2. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

G:

- Lựa chọn được chi tiết về ngoại hình, hoạt động, sở trường,... thể hiện những nét riêng, giúp phân biệt người được tả với những người khác.
- Có những dẫn chứng cụ thể (hoạt động, sở trường,...) thể hiện được tính cách, phẩm chất của người được tả.

24

NÓI VÀ NGHE

NÉT ĐẸP HỌC ĐƯỜNG

Yêu cầu: Thảo luận về những ứng xử đẹp trong trường học.

1. Chuẩn bị.

Tìm kiếm thông tin trong sách báo in, mạng in-tơ-nét; nhớ lại những trải nghiệm thực tế của bản thân;... về những ứng xử đẹp trong trường học. Dự kiến những ý sẽ phát biểu.

2. Thảo luận.

- Từng thành viên phát biểu theo nội dung đã chuẩn bị.

G:

- + Nêu biểu hiện của những ứng xử đẹp trong trường học.

Lời nói

- + Khi gặp gỡ, tạm biệt
- + Khi giúp đỡ người khác
- + Khi được người khác giúp đỡ
- + ...

Cử chỉ, việc làm, thái độ

- + Cử chỉ: ...
- + Việc làm: ...
- + Thái độ: ...

- + Tự nhận xét, đánh giá về cách ứng xử của bản thân trong trường học.

Những điều em làm được

Những điều em chưa làm được

- Các thành viên trao đổi, bày tỏ ý kiến tán thành hoặc không tán thành.

3. Đánh giá.

- Người có nhiều ý kiến đóng góp cho cuộc thảo luận.
- Người có lý lẽ và dẫn chứng xác đáng nhất khi nêu ý kiến.
- Người có phong cách trình bày thu hút người nghe.



Chia sẻ với người thân về những ứng xử đẹp trong trường học mà em và các bạn đã thảo luận.

25

– Bước 5 (tiết 5): Viết đoạn văn tả người.

2. Chọn cặp từ (đầu ... đó ...; chưa ... đã ...; bao nhiêu ... bấy nhiêu ...) thay cho bông hoa.

a. Ngày ... tắt hẳn, trăng ... lên rồi.

(Theo Thạch Lam)

b. Trăng đi đến ... luỹ tre được tắm đầm màu sữa đến ...

(Theo Phan Sĩ Châu)

c. Nước dâng lên cao ... Sơn Tinh lại làm cho đồi, núi mọc cao lên ...

(Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh)

Ghi nhớ

Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng các cặp từ:

- Các cặp kết từ: vì ... nên ..., bởi ... nên ..., nhờ ... nên (mà) ..., nếu ... thì ... , hễ ... thì ... , giả ... thì ... , tuy ... nhưng ... , mặc dù ... nhưng ... , dù ... nhưng ... , chẳng những ... mà ... , không chỉ ... mà ...
- Các cặp từ hô ứng: vừa ... đã ... , chưa ... đã ... , càng ... càng ... , đầu ... đó ... , bao nhiêu ... bấy nhiêu ...

3. Tìm vế câu thay cho bông hoa để tạo câu ghép.

- a. Vào dịp lễ Mừng xuân, chẳng những trẻ em được vui đùa thoải mái mà ...
- b. Mặc dù thiên nhiên khắc nghiệt nhưng ...
- c. Nhờ bố kể những câu chuyện cổ tích mà ...

4. Đặt câu ghép theo các yêu cầu sau:

- a. Một câu ghép sử dụng một trong các cặp kết từ: vì ... nên ..., bởi ... nên ..., nhờ ... nên (mà) ...
- b. Một câu ghép sử dụng một trong các cặp kết từ: nếu ... thì ... , hễ ... thì ... , giả ... thì ...
- c. Một câu ghép sử dụng một trong các cặp từ hô ứng: vừa ... đã ... , chưa ... đã ... , càng ... càng ... , đầu ... đó ... , bao nhiêu ... bấy nhiêu ...

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ NGƯỜI

1. Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

- a. Ông nội của Nhu đã tám mươi tuổi, nhưng vóc người vẫn gọn và chắc, dáng đi dứt khoát như một ngọn sóng. Ông có nước da nâu sẫm, ghi dấu ấn của cả một đời chèo thuyền trên mặt biển. Mỗi khi kết thúc một câu nói,

28

ông thường dùng tiếng "hầy". Đó là tiếng hò chèo thuyền của người dân chài xưa lúc trời sắp có dông. Ông thường ra hiệu bằng mắt và bằng tay. Ở trên biển thì đó là một điều rất bình thường. Nhưng ở nhà, ông cũng "nói" theo cách đó. Dần dần, con cháu cũng quen.

(Theo Trần Nhuận Minh)



b. Mẹ dân tôi về thăm ngoại. Nghe tiếng tôi từ ngoài ngõ, ngoại lập cập chạy ra cửa, dang hai tay đón tôi ngã vào. Ngoại mừng vui đến nỗi không ngăn được những giọt nước mắt rơi trên đôi má nhăn nheo. Ngoại ôm chặt tôi vào lòng, rồi ngoại dẫn tôi ra sau vườn, cho tôi tú tay hái những trái bưởi, trái xoài vàng ươm trên những cành chỉ là đã ngang mắt tôi. Tôi biết là ngoại để dành những trái cây sà thấp xuống như thế cho tôi về hải.

(Theo Lê Văn Trường)

c. Chị Hà là một thành viên trong đoàn thanh niên của huyện đến giúp xã tôi chống úng ở cánh đồng chuẩn bị cấy giống lúa mới. Trông chị thật xinh tươi: nước da trắng, môi hồng, tóc mai dài vắt cong lên như một dấu hỏi lộn ngược. Trên má chị có vài nốt tàn nhang. Mỗi khi chị cười, nốt tàn nhang lặn đi trên gò má đỏ ửng. Chị cười nói nhiều, chắc tính chị vốn sôi nổi, cũng có thể là vì hào hứng với chuyến đi giúp bà con xã tôi nên chị vui như thế.

(Theo Bùi Hiến)

- Người được tả trong mỗi đoạn văn là ai?
- Những từ ngữ nào làm nổi bật đặc điểm ngoại hình hoặc hoạt động của người đó?
- Trong mỗi đoạn văn, chi tiết nào gây ấn tượng với em?

2. Dựa vào dàn ý trong hoạt động Viết ở Bài 4, viết đoạn văn tả một người thân trong gia đình em hoặc một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp.



1. Làm một sản phẩm (viết thiệp, vẽ tranh,...) tặng người thân hoặc người bạn mà em yêu quý. Chia sẻ với người nhận điều em muốn thể hiện qua sản phẩm đó.

2. Tìm đọc bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống (những việc làm thể hiện sự tận tâm với công việc; tình cảm yêu thương, sự quan tâm trong gia đình, cộng đồng,...).

29

– Bước 6 (tiết 6): Viết bài văn tả người.



1. Xếp các từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây vào nhóm thích hợp.

Động từ

Tính từ

Con lớn lên, quen vắng bố trong nhà
Hai mẹ con, nhà một phòng cũng **trống**
Chỉ **mong đợi** những lá thư gió lộng
Và mận mòi hương biến **xa xôi**...
Nghe **êm đềm** sóng lặng lững lờ trôi
Thấy đàn cá heo **giỡn đùa** mặt nước.

2. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm ở bài tập 1.

3. Viết 1 – 2 câu ghép về bạn nhỏ trong bài thơ *Thư của bố*, trong đó có sử dụng kết từ để nối các vế câu.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI (Bài viết số 1)

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn tả một người thân trong gia đình em.

Đề 2: Viết bài văn tả một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp.

1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 4, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài đã chọn.

Lưu ý:

- Tập trung tả những nét nổi bật làm nên vẻ riêng của người được tả.
- Kết hợp tả với bộc lộ cảm nghĩ của em về người đó.
- Lựa chọn từ ngữ gợi tả hoặc sử dụng biện pháp so sánh để làm nổi bật đặc điểm của người được tả, đồng thời giúp bài văn thêm sinh động, có sức cuốn hút đối với người đọc.

2. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.

a. Tự nhận xét bài làm của em theo những yêu cầu dưới đây:

- Trình tự sắp xếp ý hợp lí.
- Các chi tiết miêu tả thể hiện được đặc điểm nổi bật của nhân vật.
- Bộc lộ rõ suy nghĩ, tình cảm của mình với người được tả.
- Cách dùng từ, viết câu tạo được sự chú ý của người đọc.

b. Chỉnh sửa lỗi (nếu có).

32

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

1. Nghe thầy cô giáo nhận xét về bài làm.

2. Đọc lại bài văn của em để biết bài đã đạt được những yêu cầu nào dưới đây:

?

- Có đủ mở bài, thân bài, kết bài.
- Miêu tả ngoại hình, hoạt động,... làm nổi bật đặc điểm riêng của người được tả.
- Thể hiện tình cảm đối với người được tả.
- Trình bày bài sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.

3. Viết lại một số câu văn hoặc đoạn văn trong bài làm của em cho hay hơn theo gợi ý dưới đây:

a. Sử dụng từ ngữ giàu sức gợi tả hoặc hình ảnh so sánh gây ấn tượng.

Giọng nói của bà tôi đặc biệt trầm bổng, nghe như tiếng chuông đồng. Nó khắc sâu vào trí nhớ tôi dễ dàng, và như đoá hoa, cũng dịu dàng, rực rỡ, đầy nhựa sống.

(Theo Mác-xim Go-rơ-ki)

A Chàng đẹp người thật. Mười tám tuổi, ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay bắp chân rắn như trắc, gù. Vóc cao, vai rộng, người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng.

(Theo Ma Văn Kháng)

b. Bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc với người được tả.

Trong suốt cuộc đời, chắc hẳn tôi sẽ không bao giờ quên đôi mắt của cô giáo nhìn tôi lúc ấy. Ánh mắt cô cũng ấm áp, dịu dàng, trìu mến như ánh mắt bà nhìn tôi.

(Theo Lê Khắc Hoan)



Đọc bài văn tả người của em cho người thân nghe, chia sẻ những điều thầy cô nhận xét về bài làm của em và các bạn.

37

– Bước 7 (tiết 7): Đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả người.

Như vậy, các bước của quy trình viết được thiết kế rất cụ thể và chặt chẽ với khoảng thời gian phù hợp. Bên cạnh hệ thống câu hỏi gợi ý, Tiếng Việt 5 còn tăng cường yếu tố trực quan (tranh ảnh, sơ đồ,...) giúp HS dễ dàng nắm bắt yêu cầu và cách thức thực hiện yêu cầu đối với mỗi kiểu bài. Cách thiết kế bài học như vậy sẽ giúp GV tổ chức dạy học viết một cách sinh động, hiệu quả.

Ở kĩ năng nói và nghe, Tiếng Việt 5 đáp ứng đầy đủ yêu cầu của chương trình, dành nhiều thời gian cho HS được giới thiệu về một đối tượng, thảo luận về một vấn đề, tạo cơ hội cho HS rèn luyện kĩ năng nói, chuẩn bị nội dung trình bày suy nghĩ, rèn kĩ năng bày tỏ ý kiến riêng mình của trước những vấn đề gần gũi với lứa tuổi và thiết thực trong đời sống hằng ngày của các em, đồng thời chú ý hướng dẫn các em kĩ năng lắng nghe, thái độ tôn trọng người nói và kĩ năng phản hồi tích cực.

2.3.4. Kiến thức tiếng Việt và văn học được truyền tải nhẹ nhàng, sinh động thông qua thực hành, luyện tập

Trong các bài học, nội dung kiến thức được hình thành, phát triển một cách tự nhiên thông qua hoạt động thực hành giao tiếp, giúp HS huy động hiểu biết, trải nghiệm để tiếp nhận kiến thức mới. Bài học luôn được bắt đầu từ những điều HS quan tâm, những điều các em đã biết, muốn biết để từ đó hướng vào những kiến thức các em cần tìm hiểu. Với cách thiết kế bài học và tổ chức hoạt động dạy học như vậy, việc học tập môn Tiếng Việt trở nên nhẹ nhàng và thú vị hơn đối với HS. Dưới đây là một số ví dụ:

- Dạy học về từ vựng (nghĩa của từ, từ đồng nghĩa): Chú trọng vào việc sử dụng từ trong ngữ cảnh.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Chọn từ thích hợp thay cho bông hoa trong mỗi thành ngữ dưới đây:
G: Từ cần tìm đồng nghĩa với từ in đậm trong mỗi thành ngữ.

lớn nơi ước lướt yên lành

a. Ngày **hồng** tháng **tốt** d. Cầu **được** **thấy**
b. Năm **lần** bảy e. Dao **to** búa
c. Sóng **biển** **lặng** g. Đi **đến** **về** đến **chốn**

2. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây:

Góc sân **nhỏ** mới xây
Chiều chiều em đứng nơi này em **trông**
Thấy trời xanh biếc **mênh mông**
Cánh cò chớp trắng trên sông Kinh Thầy...
(Trần Đăng Khoa)

3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành đoạn văn.

Mùa mưa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa ⁽¹⁾ (bé mọn, bé con, bé nhỏ), mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất. Mặt đất đã ⁽²⁾ (khô cằn, khô khan, khô khốc) bỗng thức dậy, ầu ầu đón lấy những giọt mưa ấm áp. ⁽³⁾ (trong sáng, trong lành, trong xanh). Mặt đất lại ⁽⁴⁾ (dịu mềm, dịu nhẹ, dịu ngọt), lại cần mẫn tiếp nhựa sống cho cây cỏ. Mùa mưa xuân đã mang lại cho cây ⁽⁵⁾ (sức lực, sức sống, sức sống) tràn đầy. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.
(Theo Nguyễn Thị Thu Trang)

4. Viết đoạn văn (4 – 5 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng 2 – 3 từ đồng nghĩa.

58

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA

1. Nếu nghĩa của từ **hạt** trong mỗi đoạn thơ dưới đây. Từ **hạt** trong đoạn thơ nào được dùng với nghĩa gốc?

a. Khi đang là hạt
Cắm trong tay mình
Chưa gieo xuống đất
Hạt nằm lặng thinh.
(Trần Hữu Thung)

b. Hạt mưa mãi miết trốn tìm
Cây đào trước cửa lim dim mắt cười
Quất gom từng hạt nắng rơi
Làm thành quả – những mặt trời tí hon.
(Đỗ Quang Huỳnh)

2. Trong hai đoạn thơ dưới đây, từ **chân** được dùng với các nghĩa nào? Các nghĩa đó có gì giống và khác nhau?

a. Cái gậy có một **chân**,
Biết giúp bà khỏi ngã.
Chiếc com-pa bố vẽ,
Có **chân** đứng, **chân** quay.
Cái kiềng đun hàng ngày,
Ba **chân** xoè trong lửa.
(Vũ Quần Phương)

b. **Chân** em bước thật êm
Đường sau mưa ẩm ướt
Trên lá non mịn mượt
Những giọt nước trong lành.
(Nguyễn Quỳnh Mai)

3. Đặt câu để phân biệt các nghĩa của mỗi từ sau đây:

Mũi

Nghĩa 1: bộ phận nhô lên ở giữa mặt người hoặc động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi.
Nghĩa 2: bộ phận có đầu nhọn nhô ra phía trước của một số vật.

Cao

Nghĩa 1: có khoảng cách bao nhiêu đó từ đầu này đến đầu kia theo chiều thẳng đứng.
Nghĩa 2: hơn mức trung bình về số lượng hay chất lượng.

74

– Dạy học về từ loại: chú trọng vào nghĩa và cách dùng.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

ĐẠI TỪ

- Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay cho từ ngữ nào?
 - Nắng vàng óng. Lúa cũng **vậy**.
 - Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng **thế**.
 - Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. **Đó** là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương” của các cô bác nông dân.



- Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi?
 - Cốc! Cốc! Cốc!
– Ai gọi đó?
– Tôi là thỏ...
(Vô Quảng)
 - Bé nằm ngắm nghĩ
– Ngắm nghĩ ở đâu?
– Ngắm nghĩ nhà nắng
Mai lại gặp nhau.
(Thuý Anh)
 - Mùa nào phương vĩ
Nở đỏ rực trời
Ở khắp nơi nơi
Ve kêu ra rả?
(Cầu đơ)



20

- Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi.

Hạt thóc

Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:

– Tôi là hạt vàng đấy, các bạn ạ. Chẳng ai bằng tôi được.

Ngô liền nói:

– Cậu ơi, tớ nghĩ cậu chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn cậu sẽ bị gắp bỏ ra ngoài.

Hạt thóc nghe xong, im lặng.

(Phan Tự Gia Bách)



- Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì?
- Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?

Ghi nhớ

Đại từ là từ dùng để thay thế như thế, vậy, đó, này,... (đại từ thay thế), để hỏi như ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu,... (đại từ nghi vấn) hoặc để xưng hô như tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,... (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...

- Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện trên được dùng để làm gì, trong câu có sử dụng một đại từ.

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện *Thanh âm của gió* hoặc *Cánh đồng hoa*.

Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.

21

– Dạy học về câu: Không khai thác sâu vào đặc điểm cấu trúc của câu mà hướng vào nội dung và chức năng của câu. Các kiểu câu được tiếp cận theo cách đơn giản, dễ hiểu.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÂU ĐƠN VÀ CÂU GHEP

- Đọc các câu sau và thực hiện yêu cầu.
 - Trời không mưa. Ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.
 - Trời không mưa nên ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.
– Xác định chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu ở ví dụ a.
– Câu ở ví dụ b có mấy cụm chủ ngữ – vị ngữ? Từ nên có tác dụng gì trong câu?
- Xác định câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ trong đoạn văn dưới đây. Từ nào có tác dụng nối các cụm chủ ngữ – vị ngữ đó?

(1) Những cánh bướm chung thủy cùng con người vượt qua bao nhiêu sóng nước, thời gian. (2) Đến nay, con người đã có những con tàu to lớn vượt biển khơi, nhưng những cánh bướm vẫn sống mãi cùng sông nước và con người.

(Theo Băng Sơn)

Ghi nhớ

- Câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ.
- Câu ghép là câu gồm các cụm chủ ngữ – vị ngữ ghép lại. Mỗi cụm chủ ngữ – vị ngữ trong câu ghép được gọi là một vế câu. Các vế trong câu ghép có sự kết nối chặt chẽ với nhau.

- Tìm câu ghép trong đoạn văn dưới đây và xác định các vế trong mỗi câu ghép.

(1) Chúng tôi đi chăn trâu, ngày nào cũng qua suối. (2) Cô gán nước tưới tốt nên trâu ăn cỏ men theo bờ suối, rồi mới lên đồi, lên núi. (3) Chiều về, đàn trâu no cỏ dăm mình dưới suối, chúng tôi tha thẩn tìm những viên đá đẹp cho mình.

(Theo Văn Thành Lê)



- Đặt 1 – 2 câu ghép nói về nhân vật Nai Ngọc trong bài đọc *Tiếng hát của người đàng*.

10

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ CÂU GHEP

- Tìm câu ghép trong các đoạn văn dưới đây và cho biết các vế của mỗi câu ghép được nối với nhau bằng cách nào.

a. (1) Làng Tây, làng Dao ven suối và trong rừng, những làng người Mông ở chơ vơ đỉnh núi, giữa cỏ tranh mênh mông. (2) Vách và mái nhà đều ghép bằng những miếng gỗ pơ-mu, nhà nhà âm khói sam đen tưởng như làng xóm liền với trời xanh. (3) Xung quanh nhà nào cũng sum sê những đào, những lê. (4) Giữa mùa đông, hoa lê trắng ngần. (5) Vào đầu xuân, hoa đào nở hồng cả trời.

(Tô Hoài)

b. (1) Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. (2) Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. (3) Mưa phùn lất phất... (4) Bên gốc đa, một chú thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. (5) Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. (6) Thỏ đuổi theo. (7) Tấm vải trông trắng trên ao. (8) Thỏ vùa đặt chân xuống nước đã vội co chân lên. (9) Thỏ có kêu nhưng đưa chân không tới.

(Vô Quảng)

- Tìm cặp kết từ hoặc cặp từ hô ứng thay cho bông hoa để tạo câu ghép.
 - em có một khu vườn rộng
 - em sẽ trồng thật nhiều loại cây.
 - thành phố này không sấm uất, hiện đại
 - nó rất hấp dẫn du khách.
 - mọi người
 - đôi xử tốt với nhau thì cuộc sống
 - tốt đẹp hơn.
- Viết đoạn văn (3 – 5 câu) về bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*, trong đó có câu ghép chứa kết từ để nối các vế câu.



36

2.3.5. Nội dung ngữ liệu đọc, viết, nói và nghe của sách mới mẻ, cập nhật với cuộc sống hiện tại ở các vùng miền, phù hợp với tâm lí tiếp nhận của HS lớp 5 hiện nay

Nhân vật đóng vai trò chủ thể chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc trong hầu hết các văn bản được tuyển chọn trong *Tiếng Việt 5* đều là trẻ em ở độ tuổi HS lớp 5. Điều này giúp cho các em khi đọc các văn bản, tìm hiểu các bài học sẽ thấy gần gũi với mình và dễ dàng tiếp nhận. Nhiều điều trong cuộc sống được nhìn nhận, được lí giải, suy luận... theo cách tư duy của trẻ em, bằng ngôn ngữ của trẻ em, kể cả khi nói về những vấn đề, những khái niệm lớn lao như đất nước, thế giới,...

Chẳng hạn, ở chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*:

Tuần 1

Bài 1 THANH ÂM CỦA GIÓ

ĐỌC

Trao đổi với bạn về những trò chơi hoặc hoạt động em thường thực hiện khi chơi ngoài trời.

THANH ÂM CỦA GIÓ

Chúng tôi đi chăn trâu, ngày nào cũng qua suối. Cỏ gần nước tươi tốt nên trâu ăn cỏ men theo bờ suối, rồi mới lên đồi, lên núi. Suối nhỏ, nước trong vắt, nắng chiếu xuống đáy làm cát, sỏi ánh lên lấp lánh. Một bên suối là đồng cỏ rộng, tha hồ cho gió rong chơi. Thỉnh thoảng gió lại vút qua tai chúng tôi như đùa đùa nghịch.

Chiều về, đàn trâu no cỏ đầm mình dưới suối, chúng tôi tha thẩn tìm những viên đá đẹp cho mình.



Bống em Bống nói:

- Ô, em bịt tai lại nghe tiếng gió lạ lắm.
- Bịt tai thì nghe được gì? - Tôi hỏi Bống.
- Bịt tai lại rồi mở ra và cứ lặp lại như thế. Anh thử xem.
- Đúng rồi, tớ cũng nghe thấy tiếng gió thổi hay lắm. - Điệp reo lên.
- Vừa nói, nó vừa lấy tay bịt hai tai rồi mở ra như Bống chỉ. Cả hội tụ lại, lần lượt đưa hai bàn tay lên bịt tai.
- Nghe "u... u... u..." - Văn cười.
- Không, phải thật im lặng, đầu mình nghĩ gì sẽ nghe tiếng gió nói ra như thế. - Thành nhưu mồm như đang tập trung lắm.
- Đúng rồi, tớ nghe thấy "vui, vui, vui, vui..."
- Còn tớ nghe thấy "cười, cười, cười, cười..."

Mỗi đứa nghe thấy một thanh âm. Cứ thế, gió chiều thổi từ thung lũng dọc theo suối mang theo tiếng nói trong đầu mỗi đứa bay xa. Đứa nào cũng mê mải theo tiếng gió cho đến khi Văn la lên:

- Gió nói "đói, đói, đói... rồi".

Cả hội giật mình. Chiều đã muộn, mặt trời xuống thật thấp. Chúng tôi lùa trâu về, không quên đưa hai tay lên giữ tai để vẫn nghe tiếng gió.

Tối đó, tôi và Bống kể cho bố mẹ nghe về trò chơi bịt tai nghe tiếng gió. Bố bảo mới nghe chúng tôi kể thôi mà bố đã thích trò chơi ấy rồi. Bố còn nói nhất định sáng mai bố sẽ thử ngay xem gió nói điều gì.

(Theo Văn Thành Lê)

?

1. Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả thế nào?
2. Em Bống đã phát hiện ra trò chơi gì? Theo em, vì sao các bạn thích trò chơi đó?
3. Việc bố hướng ứng trò chơi của hai anh em nói lên điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.
A. Trò chơi hấp dẫn đến mức người lớn cũng thích chơi.
B. Bố khuyến khích các con chơi những trò chơi ngoài trời.
C. Bố muốn hoà nhập vào thế giới trẻ thơ của các con.
4. Tưởng tượng em cũng tham gia vào trò chơi bịt tai nghe gió, nói với các bạn điều em nghe thấy.

Ở chủ điểm *Thiên nhiên kì thú:*

Bài 10 KÌ DIỆU RỪNG XANH

ĐỌC

Chia sẻ những điều thú vị về rừng theo hiểu biết hoặc theo tưởng tượng của em.



KÌ DIỆU RỪNG XANH

Loanh quanh trong rừng, chúng tôi đi vào một lối đầy nấm dại, một thành phố nấm lúp xúp dưới bóng cây thưa. Những chiếc nấm to bằng cái ấm tích, màu sắc sặc sỡ rực lên. Mỗi chiếc nấm là một lâu đài kiến trúc tân kì. Tôi có cảm giác mình là một người khổng lồ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon. Đến đây, miếu mạo, cung điện của họ lúp xúp dưới chân.

Nắng trưa đã rọi xuống đỉnh đầu mà rừng sâu vẫn âm lạnh, ánh nắng lọt qua lá trong xanh. Chúng tôi đi đến đâu, rừng rào rào chuyển động đến đấy. Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyển nhanh như tia chớp. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo.

51

Sau một hồi len lách mãi miết, rẽ bụi rậm, chúng tôi nhìn thấy một bãi cây thưa thớt. Rừng khộp hiện ra trước mắt chúng tôi, lá úa vàng như cánh mùa thu. Tôi dụi mắt. Những sắc vàng đồng đầy. Mấy con mang vàng hệt như màu lá đang ăn cỏ non. Những chiếc chân vàng giẫm lên thảm lá vàng và sắc nắng cũng rực vàng trên lưng nó. Chỉ có mấy vạt cỏ xanh biếc là rực lên giữa cái gang sơn vàng rọi.

Tôi có cảm giác mình lạc vào một thế giới thần bí.

(Theo Nguyễn Phan Hách)

Từ ngữ

- *Tân kì:* mới lạ.
- *Rừng khộp:* còn gọi là rừng thưa với những cây lá rụng, rụng lá vào mùa khô.
- *Mang (hoàng):* loài thú cùng họ với hươu, nai; sừng nhỏ, có hai nhánh; lông màu vàng đỏ.

1. Vì sao nhân vật "tôi" có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon?

2. Muông thú trong rừng được miêu tả thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?

3. Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là "gang sơn vàng rọi"?

4. Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.

1. Trong bài *Kì diệu rừng xanh*, những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả?

Vẽ thực vật Vẽ động vật Vẽ hiện tượng tự nhiên

2. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ dưới đây. Đặt câu với từ em tìm được.

gọn ghẽ tí hon thưa thớt

52

Ở chủ điểm *Trên con đường học tập:*

Bài 24 TINH THẦN HỌC TẬP CỦA NHÀ PHI-LÍT

ĐỌC

Trao đổi với bạn: Trong việc học, ai là người truyền cảm hứng cho em nhiều nhất?



TINH THẦN HỌC TẬP CỦA NHÀ PHI-LÍT

Phi-lít sinh ra và lớn lên trong một thị trấn nhỏ cùng bố mẹ và anh trai. Cậu bé rất ham học hỏi. Cậu hằng say nghiền ngẫm mọi cuốn sách hay tờ báo mình có được. Cậu luôn tập trung lắng nghe mọi người trong thị trấn chuyên trò để biết được thế giới bên ngoài. Phi-lít được như vậy là nhờ cách giáo dục của cha.

117

Cha Phi-lít luôn cho rằng, điều đáng buồn nhất là cả ngày không học được thứ gì. Vì vậy, để giữ gìn và phát huy tinh thần học tập cho cả gia đình, ông yêu cầu mỗi ngày ai cũng phải học được kiến thức mới, rồi trao đổi với nhau sau bữa tối. Chẳng hạn một hôm, như thường lệ, cha Phi-lít nói:

- Phi-lít, hãy cho cha biết hôm nay con học được gì mới.
- Con biết được dân số Nê-pan là bao nhiêu. - Phi-lít đáp.
- Dân số của Nê-pan ă? Ừ, tốt lắm! - Cha cậu nói.

Sau đó, cha quay sang hỏi mẹ:

- Mẹ nó có biết dân số của Nê-pan là bao nhiêu không?
- Mẹ cậu cười, hỏi lại:
- Nê-pan ư? Nó ở đâu nhỉ?
- Phi-lít! - Cha nói. - Con mang bản đồ thế giới ra đây, chúng ta cùng xem vị trí địa lý của Nê-pan nhé!

Tấm bản đồ được trải ra nền nhà. Cả nhà xúm lại tìm xem Nê-pan ở đâu. Thời thơ ấu, Phi-lít chưa thấy được lợi ích của phương pháp học tập đó. Sau này, Phi-lít thi đỗ đại học. Cậu theo học một số vị giáo sư nổi tiếng. Điều khiến cậu thấy thú vị là có những kiến thức các giáo sư dạy khá giống với thứ cha từng yêu cầu cậu học, chỉ là phát triển hơn lên mà thôi.

(Theo Trương Cẩn)

1. Ở đoạn mở đầu của câu chuyện, Phi-lít được giới thiệu như thế nào?

Nơi sinh sống Sở thích 

2. Cha Phi-lít yêu cầu cả gia đình làm gì mỗi ngày? Vì sao?

3. Em có nhận xét gì về việc cả gia đình Phi-lít xúm lại xem bản đồ thế giới?

G:  Cả gia đình cùng học rất vui.

4. Phương pháp học tập của gia đình mang lại lợi ích gì cho Phi-lít?

5. Em muốn điều chỉnh những gì về cách học của mình sau khi đọc câu chuyện *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít*?

118

Ở chủ điểm *Nghệ thuật muôn màu:*

Bài 30 NGHỆ THUẬT MÚA BA LÊ

ĐỌC



Quan sát tranh và nêu suy nghĩ của em về các diễn viên trong tranh.

NGHỆ THUẬT MÚA BA LÊ



Ba lê là môn nghệ thuật múa có nguồn gốc từ châu Âu. Nghệ thuật múa ba lê được biết đến rộng rãi thông qua những vở ba lê – một thể loại vũ kịch có sự kết hợp giữa kịch, âm nhạc và vũ đạo.

Những vở ba lê nổi tiếng thế giới có thể kể đến như *Hồ thiên nga*, *Người đẹp ngủ trong rừng*, *Lọ Lem*,... Mỗi vở kịch là một câu chuyện ca ngợi tình yêu, sự thành thiện và ước mơ vượt tới những điều tốt đẹp của con người trong cuộc sống.

145

Trong các vở ba lê, người diễn viên dùng động tác múa để thể hiện nội dung thay cho lời nói. Như trong vở *Hồ thiên nga*, các diễn viên thực hiện những cú xoay người đẹp mắt và chuẩn xác, những bước đi nhẹ như cánh hoa hé mở khiến khán giả có cảm giác được ngắm nhìn một đàn thiên nga đang lướt trên mặt hồ. Khi diễn viên chính đứng một chân xoay liên tục tới 32 vòng trên đầu mũi chân, khán giả cũng cảm nhận được nhân vật đang mong muốn thể hiện sức mạnh một cách mãnh liệt. Để thực hiện được những kĩ thuật rất khó này, người diễn viên phải dày công khổ luyện trong một thời gian dài.

Hiện nay, ba lê là môn nghệ thuật được nhiều người yêu thích và được dạy ở các trường múa trên khắp thế giới.

(Tuệ Nhi tổng hợp)

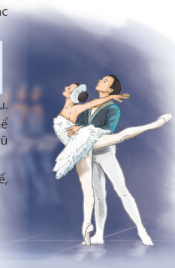


1. Nghệ thuật múa ba lê được giới thiệu như thế nào?
2. Tìm thông tin nói về nội dung của các vở ba lê.
3. Trong các vở ba lê, người diễn viên thể hiện nội dung vở kịch bằng cách nào? Điều đó được thể hiện ra sao trong vở *Hồ thiên nga*?
4. Theo em, vì sao diễn viên múa ba lê phải rất dày công khổ luyện?
5. Sắp xếp các thông tin dưới đây theo trật tự trong bài đọc.
 - Cách thể hiện nội dung trong các vở ba lê
 - Thông tin chung về nghệ thuật múa ba lê
 - Sự phổ biến của múa ba lê hiện nay
 - Nội dung các vở ba lê



1. Tìm các kết từ trong câu dưới đây và cho biết tác dụng của chúng trong câu.

Để thực hiện được những kĩ thuật rất khó này, người diễn viên phải dày công khổ luyện trong một thời gian dài.
2. Tìm kết từ thay cho bông hoa để hoàn thiện câu.
 - a. ● không dùng lời nói ● các nghệ sĩ ba lê vẫn thể hiện được nội dung vở kịch thông qua những vũ đạo đẹp mắt ● điều luyện.
 - b. ● múa ba lê là một môn nghệ thuật tinh tế, độc đáo ● ngày càng được nhiều người yêu thích.


146

Ở chủ điểm *Vẻ đẹp cuộc sống:*

Bài 8 KHU RỪNG CỦA MÁT

ĐỌC



Chia sẻ với bạn về tấm gương một người đã vượt qua khó khăn để tiếp tục làm việc hoặc học tập mà em biết.

KHU RỪNG CỦA MÁT



Mát sống với ông nội ở “Trang trại rừng” – một trang trại rộng lớn, nổi tiếng trong vùng. Đây là cơ nghiệp của tổ tiên để lại. Trang trại trồng nhiều loại cây, trong đó có những giống cây quý hiếm.

Hằng ngày, Mát cùng ông chăm sóc rừng cây. Dưới sự chỉ dạy của ông, Mát nhớ được tên và đặc tính của nhiều loại cây. Năm Mát tròn mười tám tuổi, ông nội qua đời. Trước khi mất, ông gửi gắm trang trại cho Mát. Mát cũng hứa với ông sẽ bảo vệ trang trại thật tốt và gìn giữ hoi ỨC đẹp đã có cùng ông tại nơi này.

Đáng tiếc, một đêm nọ, sấm chớp dưng dưng nổi lên. Một tia sét đánh trúng ngọn cây cao nhất trong trang trại. Cây bốc cháy, ngọn lửa mau chóng lan khắp rừng. Mọi người hò hào, cùng nhau dập lửa, nhưng đành bất lực trước ngọn lửa cao cả chục mét. Trang trại cháy suốt một ngày một đêm mới dần tắt.

38

Nhìn cảnh hoang tàn của trang trại, Mát đau xót và kiệt sức, ngất lịm đi. Mọi người vội đưa anh vào bệnh viện. Lúc tỉnh dậy, anh buồn bã và tuyệt vọng. Bà lão cạnh giường của Mát thấy vậy, liền hỏi:

– Chàng trai trẻ, sao trông cậu ủ rũ vậy?

– Cây cối trong trang trại nhà cháu bị thiếu rụi cả rồi!

– Cây bị thiếu cháy thì trồng lại là được. Cậu còn trẻ mà!

Nghệ bà cụ nói, Mát bừng tỉnh. Anh trở về nhà, quyết tâm khôi phục trang trại. Nhưng kiếm đâu ra tiền vốn? Một ý tưởng loé lên trong đầu: “Mình còn những thân cây cháy đen cơ mà!”. Mát thuê người tới, biến những thân cây bị đốt cháy thành than củi đem vào thành phố bán. Anh thu được một số tiền để mua cây giống, trồng trong trang trại, thực hiện lời hứa với ông.

Nhiều năm sau, trang trại phủ một màu xanh mướt. Mọi người gọi đó là “Rừng của Mát” với niềm khâm phục cậu chủ mới của nó.

(Theo Lê Trần Trần, Thiện Minh dịch)



1. Hãy giới thiệu về “Trang trại rừng” và sự gắn bó của Mát với trang trại.
2. Sự việc gì đã xảy ra với trang trại? Điều đó khiến Mát rơi vào tình trạng như thế nào?
3. Nói về những việc Mát đã làm để khôi phục trang trại.





4. Theo em, vì sao Mát bừng tỉnh, quyết tâm khôi phục trang trại khi nghe bà cụ nói: “Cây bị thiếu cháy thì trồng lại là được. Cậu còn trẻ mà!”?
5. Nếu cảm nghĩ của em về nhân vật Mát trong câu chuyện trên.



1. Câu nào dưới đây là câu ghép? Các vế trong câu ghép được nối với nhau bằng cách nào?
 - a. Dưới sự chỉ dạy của ông, Mát nhớ được tên và đặc tính của nhiều loại cây.
 - b. Cây bốc cháy, ngọn lửa mau chóng lan khắp rừng.
 - c. Nhiều năm sau, trang trại phủ một màu xanh mướt.

39

Ở chủ điểm *Hương sắc trăm miền:*

Tuần 25

Bài 13

ĐÀN T'RUNG – TIẾNG CA ĐẠI NGÀN

ĐỌC

Nói những điều em biết về Tây Nguyên.

ĐÀN T'RUNG – TIẾNG CA ĐẠI NGÀN



Đến Tây Nguyên, ta thường được nghe tiếng đàn t'rung ngân dài theo dòng suối, hoà cùng tiếng gió trên đèo núi hoang vu...

Cùng với điệu hát ru, tiếng đàn t'rung đã đi vào kí ức tuổi thơ của các bạn trẻ Tây Nguyên từ lúc còn được địu trên lưng mẹ. Lớn lên, mỗi bước chân của họ vào rừng kiếm củi, xuống suối lấy nước, ra nương trả lúa,... đều vãn vương nhịp điệu khi khoan khi nhặt, khi trầm hùng như tiếng thác đổ, khi thanh thoát, róc rách như suối reo của đàn t'rung.

Dưới mỗi gấm chời cao lêu nghêu ở sát bên chân rẫy, đều có một chiếc đàn t'rung cong cong như chiếc vòng đưa em. Mùa lúa chín, trai làng thay phiên nhau trực ở chòi canh. Chốc chốc, họ lại gõ trên chiếc đàn t'rung, dạo một bản nhạc "đánh tiếng" đuổi chim muông và thủ rừng mon men đến rẫy

61

phá lúa. Tiếng đàn chẳng những rộn rã suốt ngày mà còn thánh thót thâu đêm, làm ấm lòng những chàng trai canh rẫy trong rừng khuya sương lạnh.

Từ buổi này sang buổi khác, ta còn thấy những chiếc đàn t'rung trên đỉnh dốc cao. Người đi qua đây sẽ gõ cho tiếng đàn vang lên để thêm yên tâm, vững bước vượt qua quãng đường rừng u tịch.

Cùng với mái nhà rông thân thương, cao vút, tiếng đàn t'rung rộn ràng, lưu luyến đã trở thành niềm thương, nỗi nhớ của người Tây Nguyên.

(Theo Ay Dun và Lê Tấn)

Từ ngữ
U tịch: vắng vẻ và tĩnh mịch.

?

- Bài đọc nói về điểm nổi bật nào của vùng đất Tây Nguyên?

Cảnh thiên nhiên hùng vĩ Tiếng đàn t'rung rộn rã Mái nhà rông cao vút

- Tiếng đàn t'rung gắn bó với người Tây Nguyên như thế nào?
- Những chi tiết nào cho thấy đàn t'rung là nhạc cụ phổ biến, được yêu thích ở Tây Nguyên?
- Theo em, vì sao tác giả khẳng định tiếng đàn t'rung đã trở thành niềm thương, nỗi nhớ của người Tây Nguyên?
- Bài đọc giúp em cảm nhận được điều gì về cuộc sống và con người Tây Nguyên?

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LIÊN KẾT CÂU BẰNG TỪ NGỮ THAY THẾ

- Mỗi từ in đậm trong đoạn văn dưới đây thay thế cho từ ngữ nào? Nếu tác dụng của việc thay thế từ ngữ trong đoạn văn.

Cánh đồng cỏ của cao nguyên Gia Lai, Đắk Lắk vào mùa mưa có rất nhiều hồ nước. **Đó** là những vạt đất trũng, phơi nắng suốt mấy tháng mùa khô. Bước vào mùa mưa, **chúng** trở thành những hồ nước đầy ắp như những chiếc gương lớn.

(Theo Thiên Lương)

62

Tuần 26

Bài 15

XUỐNG BA LÁ QUÊ TÔI

ĐỌC

Chia sẻ những điều em biết về một số phương tiện di lại của người dân ở vùng sông nước.

XUỐNG BA LÁ QUÊ TÔI

Gọi là xuống ba lá vì xuống được ghép bởi ba tấm ván: hai tấm ván be và một tấm ván đáy. Để xuống được vững chắc, người ta dùng những chiếc "cong" đóng vào bên trong lòng xuống, tạo thành bộ khung hình xương cá.

Xuống ba lá là phương tiện di chuyển gắn liền với miền sông nước quê tôi. Tôi vẫn nhớ những sáng nội chèo xuống mang cho tôi mấy cái bánh lá dừa, gió của đồng mà nội vừa bắt được. Nhớ những chiều chị tôi chèo xuống dọc triền sông, bề bồng diên diên đầy rổ mang về cho má nấu canh chua. Những chuyến xuống xuôi ngược đã in đậm trong tiềm thức mỗi người dân Nam Bộ.

Từ độ cha ông đi mở cõi, xuống là "đôi chân của người dân Nam Bộ". Những năm tháng quê hương bị bom cày, đạn xối, xuống cùng nhân dân bám trụ, giữ xóm, giữ làng. Xuống chở lương thực tiếp tế cho bộ đội. Xuống đưa du kích qua sông, lên sâu vào khu căn cứ kháng chiến,...



70

Đất nước thanh bình, xuống ba lá lại trở về cuộc sống đời thường. Xuống ngược xuôi miền chợ nổi. Xuống lướt nhanh trên cánh đồng ri rào sóng lúa. Xuống rộn ràng những đêm giăng cầu, thả lưới. Và mỗi sớm mai, trên nhánh sông quê, những chiếc xuống ba lá theo dòng nước toả đi, chở đầy ước mơ, khát vọng của tình đất, tình người phương Nam.

(Theo Nguyễn Chí Ngân)

Từ ngữ
Xuống: thuyền nhỏ, không có mái chèo.

?

- Tác giả đã giới thiệu thế nào về xuống ba lá?
- Xuống ba lá gợi nhớ những kỉ niệm nào của tác giả với người thân?
- Từ xưa, chiếc xuống đã gắn bó thế nào với người dân vùng sông nước?

Thuở cha ông đi mở cõi Những năm tháng chiến tranh

- Hình ảnh xuống ba lá hiện ra như thế nào trong cuộc sống thanh bình hiện nay?
- Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về cảnh vật và con người phương Nam?

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LIÊN KẾT CÂU TRONG ĐOẠN VĂN

- Các câu trong những đoạn văn dưới đây liên kết với nhau bằng cách nào?

a. ⁽¹⁾ Mối hôm qua, tôi chỉ thấy con đường đất đỏ quen thuộc và những đám cỏ xác xơ. ⁽²⁾ Thế mà hôm nay, đột nhiên những bông hoa mùa đầu mùa đã bật nở, tím hồng như những ngọn đèn vui thấp thoáng trong làn sương ẩm.

(Theo Vũ Tú Nam)

b. ⁽¹⁾ Mưa sư tử thực chất là một điệu múa vô. ⁽²⁾ Các miếng võ được biểu diễn rõ nhất trong màn sư tử đùa nghịch vốn nhau với dưới uoi và khi. ⁽³⁾ Dưới uoi và khi tìm đủ mọi cách để trừu chọc sư tử. ⁽⁴⁾ Bị trừu chọc, con thú dữ phát khùng nhe răng ra định ngoạm đầu dưới uoi và khi, nhưng những con vật này dùng đủ miếng võ để né tránh một cách tài tình.

(Theo Trần Quốc Vương – Lê Văn Hào – Dương Tất Từ)

c. ⁽¹⁾ Nhà rông là nơi thờ cúng chung, hội họp chung, tiếp khách chung, vui chơi chung của tất cả dân làng. ⁽²⁾ Kiến trúc bên trong nhà rông khá đặc biệt: nhà trống rỗng, chẳng vương vãi một cây cột nào, có nhiều bếp lửa luôn đun khói, có nơi dành để chường trống, nong cụ,... ⁽³⁾ Đêm đêm,

71

Ở chủ điểm *Tiếp bước cha ông*:

Tuần 29

Bài 19

DANH Y TUỆ TĨNH

ĐỌC



Kể tên một số loại cây được dùng làm thuốc chữa bệnh mà em biết.

DANH Y TUỆ TĨNH



Hắn là điều cao siêu lắm, thấy mới ập ồ ồ như thế.

Điều ta sắp nói không cao như núi Thái Sơn, chẳng xa như biển Bắc Hải...



(1) Tuệ Tĩnh (1330 – 1400) là một danh y đời Trần. Một lần, ông dẫn các học trò lên núi Nam Tào, Bắc Đầu để nói về điều mình ập ồ từ lâu.

(2) Ông kể: Khi giặc ngoại xâm nhòm ngó nước ta, vua quan nhà Trần chỉ huy quân sĩ luyện tập võ nghệ, rèn vũ khí, chuẩn bị lương thực, thuốc men, phòng giữ bờ cõi rất cẩn trọng.



(3) Từ lâu, việc vận chuyển thuốc men, vật dụng từ Trung Quốc sang nước ta đã bị ngăn cấm. Vua quan nhà Trần lo khi giáp trận, tất có người bị thương hoặc đau ốm, lấy gì chạy chữa?



(4) Các thái y bên toà đi khắp mọi miền quê học cách chữa bệnh bằng cây cỏ trong dân gian. Vườn thuốc mọc lên khắp nơi. Núi Nam Tào, Bắc Đầu là hai ngọn được sơn thời bấy giờ.

97



Ta muốn từ nay về sau, dân ta có thể dùng thuốc nam để chữa bệnh cho người Nam.

(5) Cây cỏ nước Nam đã góp phần làm cho quân ta thêm hùng mạnh, can trường, chiến đấu và chiến thắng kẻ thù đông hơn ta gấp nhiều lần.

(6) Kế xong, Tuệ Tĩnh trầm ngâm nói về sự quý giá của ngọn cây, sợi cỏ trên non sông gấm vóc mà tổ tiên để lại. Rồi ông nói với học trò ý nguyện nối gót người đi trước...



(7) Thế là, theo con đường của danh y Tuệ Tĩnh, cho đến nay, hàng trăm vị thuốc từ cây cỏ nước Nam, hàng nghìn phương thuốc được tổng hợp từ dân gian để trị bệnh cứu người.

(Theo Tạ Phong Châu – Nguyễn Quang Vinh – Nghiêm Đa Văn)

Từ ngữ

- *Tuệ Tĩnh* (Nguyễn Bá Tĩnh): một danh y sống ở giai đoạn cuối thời Trần, được hậu thế suy tôn là tiên thánh của ngành thuốc nam.
- *Núi Nam Tào, Bắc Đầu*: hai ngọn núi ở tỉnh Hải Dương.



1. Danh y Tuệ Tĩnh dẫn các học trò lên núi Nam Tào, Bắc Đầu để nói với các trò điều gì?
2. Câu chuyện mà Tuệ Tĩnh kể cho học trò nghe xảy ra vào thời gian nào? Tình hình đất nước lúc bấy giờ ra sao?
3. Tóm tắt nội dung câu chuyện mà Tuệ Tĩnh đã kể.
4. Theo em, vì sao ý nguyện của Tuệ Tĩnh trở thành hiện thực và tiếp tục được kế thừa, phát huy cho đến ngày hôm nay?
5. Nếu cảm nghĩ của em về danh y Tuệ Tĩnh.

98

Ở chủ điểm *Thế giới của chúng ta*:

Bài 30

THÀNH PHỐ THÔNG MINH MÁT-XĐA

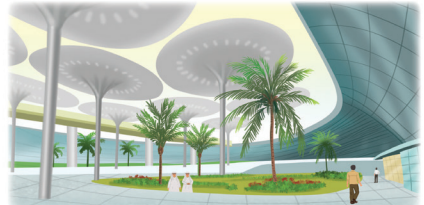
ĐỌC



Dưới đây là 2 bức tranh vẽ thành phố. Em thích bức tranh nào? Vì sao?



THÀNH PHỐ THÔNG MINH MÁT-XĐA



Mát-xđa là một ốc đảo nằm giữa sa mạc, thuộc Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (viết tắt là UAE). Năm 2008, UAE khởi công xây dựng dự án "Thành phố thông minh Mát-xđa" nhằm biến Mát-xđa trở thành thành phố không các-bô-níc đầu tiên trên thế giới.

Điểm nhấn trong thiết kế của thành phố là những chiếc ô hình hoa hướng dương. Ban ngày, những chiếc ô này vừa giúp lưu trữ năng lượng mặt trời vừa là những tấm che nắng khổng lồ. Ban đêm, chúng sẽ khép lại, toả nhiệt, cung cấp điện năng lượng mặt trời cho toàn thành phố.

144

Để đối phó với tình trạng nóng lên do biến đổi khí hậu, ở Mát-xđa, các toà nhà được thiết kế chụm lại với nhau, có lối đi ở giữa, giúp không khí lưu thông được dễ dàng và giúp giảm nhiệt độ mùa hè. Ngoài ra, một tháp gió được xây dựng nhằm lấy dòng không khí trên cao, mang lên gió mát mẽ vào thành phố, cũng góp phần làm giảm đáng kể nhiệt độ nơi đây so với vùng sa mạc xung quanh.

Các công viên và khu thương mại ở Mát-xđa được xây dựng theo mô hình khu vườn Ả Rập truyền thống, ngập tràn màu xanh, giúp giảm tối đa lượng khí thải. Chính quyền thành phố cũng khuyến khích người dân đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng các phương tiện giao thông công cộng chạy bằng điện năng lượng mặt trời để bảo vệ môi trường.

Việc xây dựng thành phố thông minh Mát-xđa đã truyền cảm hứng cho một số dự án phát triển nhà ở Anh, Bồ Đào Nha,... Đây sẽ là những đô thị sinh thái tiếp theo giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

(Lâm Anh tổng hợp)

Từ ngữ

- *Ốc đảo*: khoảng đất có nước và cây cối giữa sa mạc.
- *Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất*: quốc gia Tây Á nằm ở phía đông nam bán đảo Ả Rập, bên vịnh Ba Tư.

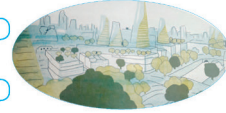


1. Tìm trong bài đọc một số thông tin về dự án "Thành phố thông minh Mát-xđa".

Địa điểm đặt dự án

Thời gian khởi công dự án

Mục đích của dự án



2. Thành phố Mát-xđa được thiết kế như thế nào để có thể tận dụng năng lượng mặt trời?
3. Vì sao thành phố Mát-xđa có thể đối phó với tình trạng nóng lên do biến đổi khí hậu?
4. Những chi tiết nào trong bài cho thấy thành phố Mát-xđa giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường?
5. Câu "Việc xây dựng thành phố thông minh Mát-xđa đã truyền cảm hứng cho một số dự án phát triển nhà ở Anh, Bồ Đào Nha..." gợi cho em suy nghĩ gì?

145

Ngữ liệu trong *Tiếng Việt 5* bao gồm cả văn bản văn học và văn bản thông tin (17 văn bản thơ, 1 văn bản kịch, 28 văn bản truyện và các thể loại (văn xuôi) văn học khác (miêu tả, tản văn,...), 16 văn bản thông tin trong tổng số 62 văn bản; chưa tính các văn bản trong các phần ôn tập giữa kì, cuối kì và cuối năm học). Nội dung của ngữ liệu được chọn lựa, sắp xếp phù hợp với hiểu biết và trải nghiệm của người học. Nhờ đó, ngoài việc giúp HS phát triển hiệu quả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, *Tiếng Việt 5* còn góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng cho HS ý thức trân trọng giá trị của cuộc sống; tình yêu gia đình, bạn bè, tình yêu quê hương, đất nước; niềm yêu thích khám phá thiên nhiên, học hỏi và theo đuổi ước mơ; cảm xúc thẩm mĩ đối với nghệ thuật; ý thức về trách nhiệm đối với Trái Đất – ngôi nhà chung của nhân loại,... Các em cũng được phát triển kĩ năng quan sát, tư duy suy luận, khả năng làm việc nhóm, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.3.6. Tiếp nối SGK Tiếng Việt các lớp trước, Tiếng Việt 5 chú ý dành thời gian cho hoạt động Đọc mở rộng

Ở hoạt động Đọc mở rộng, HS được khuyến khích tự tìm sách, báo để đọc. Qua hoạt động này, HS có cơ hội được tự chọn ngữ liệu (truyện, thơ, văn bản thông tin,...) để đọc ở nhà hoặc ở lớp. Nhờ đó, HS từng bước hình thành, phát triển thói quen và hứng thú đọc sách, phát triển kĩ năng tự đọc, tự học để mở rộng hiểu biết. *Tiếng Việt 5* dành khoảng thời gian phù hợp để HS được chia sẻ kết quả đọc mở rộng ở lớp. Ở các tiết có hoạt động Đọc mở rộng, sách đều có hướng dẫn rất cụ thể và thiết kế phiếu đọc sách gợi ý cho HS nội dung cần ghi chép khi đọc VB và chuẩn bị để trao đổi với bạn ở lớp.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc bài thơ viết về trẻ em.
 Ví dụ:
 ...Khi trẻ con tập đi
 Đường có từ ngày đó
 Nhưng còn cần cho trẻ
 Tình yêu và lời ru
 Cho nên mẹ sinh ra
 Để bế bồng chăm sóc...
 (Xuân Quỳnh, *Chuyện cổ tích về loài người*)

...Những hạt nắng bé con
 Láng xằng đưa quanh tớ
 Rì rào tiếng gió thổi
 Như bà kể chuyện xưa
 Tớ có một giấc mơ
 Dưới nắng vàng êm dịu...
 (Nguyễn Quỳnh Mai, *Dưới bóng cây đã hương*)

Con đường tới lớp cùng em
 Đã thành người bạn thân quen lâu rồi
 Mà sao chân bước bỗng hời
 Nghe trong thẳm lặng bao lời thân yêu.
 (Nguyễn Trọng Hoàn, *Con đường tới lớp*)

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên bài thơ: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●
Nội dung bài thơ: ●	Những câu thơ hay hoặc những hình ảnh thơ đẹp: ●	
Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ: ●	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆	

3. Trao đổi với bạn về bài thơ đã đọc.
 G: Em có thể đọc những câu thơ hoặc đoạn thơ em yêu thích và chia sẻ với bạn.
 - Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ đối với trẻ em được thể hiện trong bài thơ.
 - Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ.

Tìm đọc câu chuyện hoặc bài báo về một môn thể thao hoặc vận động viên mà em yêu thích.

35

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc phiếu đọc sách dưới đây:

Phiếu đọc sách này của Lâm Phong
 Ngày đọc: 2 tháng 11 năm 2024

Tên truyện:
ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM
 Tác giả: Đoàn Giỏi
 Thể loại: truyện

Nội dung tác phẩm

Giới thiệu về cảnh sắc của vùng đất Nam Bộ qua hành trình phiêu lưu của cậu bé An.	Tiến Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Cà Mau... là những miền đất trù phú với những cánh đồng mênh mông, sông nước rì rào, rừng rậm bạt ngàn, có nhiều loài thú hoang dã: hổ, rắn, cá sấu...	Người dân Nam Bộ yêu lao động, yêu thiên nhiên, nhân ái, trí dũng, một lòng đi theo kháng chiến.
--	---	--

Điều ấn tượng nhất về tác phẩm

Những câu văn tả cảnh như chứa đầy âm thanh, màu sắc, hương vị:
Chim hót liu lo. Nắng bốc hương hoa trầm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng...

Cảm nhận chung về tác phẩm

- Nhờ cuốn sách này, tôi có thêm hiểu biết về vùng đất Nam Bộ. Tôi bị choáng ngợp bởi thiên nhiên hoang sơ, đẹp đến lạ rất êm đềm, trù phú. Tôi xúc động, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của con người nơi đây.
- Điều tiếc nuối nhất: Kết thúc tác phẩm, cậu bé An vẫn chưa được gặp lại bố mẹ của mình.

Mức độ yêu thích

☒ Rất hay

☐ Khá hay

☐ Bình thường

☐ Không hấp dẫn

2. Đọc một cuốn sách viết về một miền đất.

3. Viết phiếu đọc sách theo mẫu ở bài tập 1 và dựa vào đó chia sẻ với các bạn những thông tin thú vị trong cuốn sách.

Dựa vào cuốn sách mà em đã đọc về một miền đất, vẽ tranh hoặc chia sẻ với người thân cảm xúc, suy nghĩ về cảnh vật, con người,... của miền đất đó.

52

2.3.7. Tranh ảnh minh họa và hình thức thiết kế các trang sách của Tiếng Việt 5 sinh động, có tính thẩm mỹ cao

Không chỉ hình ảnh mà các loại bảng và sơ đồ cũng được sử dụng để tăng thêm hiệu quả trình bày. HS sẽ cảm thấy thích thú với việc học Tiếng Việt khi cầm cuốn sách trên tay và từng bước khám phá những bài học dành cho các em ở trong đó.

Chất lượng hình ảnh của sách có thể được nhận thấy rõ qua những tranh ảnh dùng để minh họa cho các phần như đã trình bày ở trên.

2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng

Tất cả các bài học trong SGK *Tiếng Việt 5* đều thể hiện sự đổi mới rõ nét trong thiết kế SGK theo mô hình phát triển phẩm chất và năng lực. Các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được lựa chọn và kết nối chặt chẽ với nhau, đáp ứng nguyên tắc tích hợp giữa đọc với viết, nói và nghe, làm cho bài học trở thành một chỉnh thể chặt chẽ. Ngoài những bài ôn giữa kì, cuối kì và cuối năm học, các bài học trong *Tiếng Việt 5* đều thuộc về 2 dạng bài: bài học 3 tiết và bài học 4 tiết.

- Bài 3 tiết gồm: Tiết 1: Đọc; Tiết 2: Luyện từ và câu; Tiết 3: Viết đoạn, bài.
- Bài 4 tiết gồm: Tiết 1 và 2: Đọc và luyện tập theo văn bản đọc; Tiết 3: Viết đoạn, bài; Tiết 4: Nói và nghe hoặc Đọc mở rộng.

Hoạt động đọc ở cả dạng bài 3 tiết và bài 4 tiết đều có khởi động, đọc thành tiếng và đọc hiểu. Câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng, theo các mức độ yêu cầu khác nhau về đọc hiểu được nêu trong CT Tiếng Việt lớp 5. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu cho mỗi VB thường gồm có 3 nhóm: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng. Chẳng hạn, phần đọc hiểu VB *Tiếng hát của người đá* (bài 1, tập hai) có những câu hỏi sau: 1. *Mỏm đá trên đỉnh núi cao có gì đặc biệt? Mỏm đá được mọi vật yêu quý như thế nào?*; 2. *Chuyện gì xảy ra vào ngày mỏm đá hoá thành một em bé? Mọi người được chứng kiến điều gì kì lạ khi em bé người đá cất tiếng hát vang khắp núi rừng?*; 3. *Khi giặc kéo đến, dân làng và em bé người đá đã làm gì để đuổi giặc?* (Nhận biết); 4. *Theo em, lời hát của em bé người đá thể hiện ước nguyện gì của con người?* (Phân tích, suy luận); 5. *Nêu một kết thúc khác cho câu chuyện theo mong muốn của em* (Đánh giá, vận dụng). Đối với VB đọc là thơ, đôi khi có yêu cầu học thuộc lòng một số khổ thơ.

Hoạt động viết đáp ứng đầy đủ yêu cầu của CT viết đoạn văn và bài văn. Quy trình viết được hướng dẫn rất cụ thể, chặt chẽ và sắp xếp hợp lí trong các bài học để tạo sự kết nối, tác động qua lại giữa các mạch đọc – viết – nói và nghe. Trước khi thực hành viết, HS được tìm hiểu để nhận biết đặc điểm của kiểu bài và cách viết bài thuộc kiểu đó. Chẳng hạn, trước khi viết bài văn tả người ở bài 6, tập hai, HS được tìm hiểu cách viết bài văn tả người ở bài 1; viết mở bài, kết bài cho bài văn tả người ở bài 2; quan sát để viết bài văn tả người ở bài 3; lập dàn ý cho bài văn tả người ở bài 4; viết đoạn văn tả người ở bài 5; sau khi viết bài văn tả người, HS được hướng dẫn

đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả người của chính các em. Phần đọc của chuỗi bài học có hoạt động viết bài văn tả người thuộc chủ điểm *Về đẹp cuộc sống*, trong đó có vẻ đẹp của con người trong ứng xử hằng ngày và trong lao động sản xuất. Cách triển khai như vậy thể hiện rất rõ nét tính chất tích hợp giữa viết với đọc. Tương tự *Tiếng Việt 4*, trong *Tiếng Việt 5*, các kĩ năng liên quan đến chính tả được rèn luyện theo cách lồng ghép vào những nội dung khác của bài học, đặc biệt là ở phần viết bài.

Hoạt động nói và nghe được thực hành theo 2 hình thức: 1) giới thiệu (di tích, địa điểm tham quan, địa chỉ vui chơi,...); 2) thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt. Với hình thức thảo luận, *Tiếng Việt 5* tổ chức theo 2 cách: a) Tổ chức nhóm thảo luận dưới sự điều hành của người chủ trì, các thành viên tham gia ý kiến thảo luận theo sự điều hành đó; b) Một số HS trình bày chính về một vấn đề, các HS khác tham gia thảo luận xung quanh nội dung được các bạn đó trình bày. Hai hình thức thảo luận này giúp cho hoạt động nói và nghe trở nên phong phú. Dù là giới thiệu hay thảo luận thì nội dung cũng có sự kết nối chặt chẽ với chủ điểm của bài học, đặc biệt là với nội dung của phần Đọc mở rộng ở trước đó, tạo điều kiện thuận lợi cho HS vận dụng những gì đã đọc vào thực hành nói và nghe. Phần Đọc mở rộng được sắp xếp luân phiên với Nói và nghe, như vậy cứ 4 tuần có một tiết Đọc mở rộng, tương tự với *Tiếng Việt 4*. Có thể lấy ví dụ minh họa từ hoạt động nói và nghe ở bài 4, tập hai: *Nét đẹp học đường*. Nội dung nói và nghe ở bài này nằm trong chuỗi bài triển khai các bài đọc xoay quanh chủ điểm *Về đẹp cuộc sống* và viết bài văn tả người; trước đó, HS được tự tìm đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt. Nghĩa là chủ điểm của bài học được triển khai ở các hoạt động đọc, viết, nói và nghe theo cách đa dạng, sống động nhưng đều được kết nối bởi mạch chính là *Về đẹp cuộc sống*.

Nội dung Luyện từ và câu trong sách *Tiếng Việt 5* được triển khai theo đúng yêu cầu của CT, nhằm giúp HS luyện tập để phát triển vốn từ, kĩ năng đặt câu, kĩ năng tổ chức đoạn văn và một số kĩ năng sử dụng tiếng Việt khác như sử dụng dấu câu, biện pháp tu từ, trên cơ sở đó phát triển kĩ năng viết bài văn. Các nội dung luyện từ và câu được triển khai có tính hệ thống, khoa học, kết nối chặt chẽ với các bài học trong tuần và phù hợp với HS lớp 5; phục vụ trực tiếp và hiệu quả cho hoạt động viết bài. Chẳng hạn, nội dung Luyện từ và câu ở các bài thuộc chủ điểm *Về đẹp cuộc sống* gồm: phân biệt câu đơn và câu ghép, cách nối các vế của câu ghép, luyện tập câu ghép. HS có thể vận dụng kĩ năng viết các kiểu câu đơn, câu ghép một cách linh hoạt để viết bài văn tả người.

Đầu mỗi bài học có hoạt động Khởi động và cuối mỗi bài (cả dạng bài 3 tiết và bài 4 tiết) đều có phần Vận dụng. Hoạt động vận dụng yêu cầu HS thực hành ngoài giờ lên lớp, thường là tự thực hiện ở nhà một nhiệm vụ học tập, trong đó có tìm sách đọc để chuẩn bị cho hoạt động Đọc mở rộng; trao đổi với bạn bè hoặc người thân về một vấn đề có liên quan đến nội dung phần đọc hoặc viết ở lớp; cùng người thân thực hiện một việc cần ứng dụng kiến thức đã học;...

Chẳng hạn, cuối bài 1, tập hai có yêu cầu: “Tìm đọc các đoạn văn hoặc bài văn tả người; Tìm đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt”; cuối bài 2, tập hai có yêu cầu: “Trao đổi với bạn về một việc tốt em đã làm hoặc em mong muốn được làm cho cộng đồng”; cuối bài 3, tập hai có yêu cầu: “Trao đổi với người thân về sở trường, sở thích,... của từng thành viên trong gia đình”;...

2.5. Khung kế hoạch dạy học

Theo quy định của CT GDPT 2018, môn Tiếng Việt lớp 5 được học trong 245 tiết, phân bố trong 35 tuần, mỗi tuần có 7 tiết học. Nhà trường có thể linh hoạt sắp xếp thời gian học môn Tiếng Việt theo cách chia thời gian trung bình, mỗi tuần 7 tiết, hoặc điều chỉnh tăng giảm số tiết trong mỗi tuần tùy theo yêu cầu về tiến độ học của HS ở mỗi giai đoạn và những ảnh hưởng của các yếu tố khác miễn sao bảo đảm trong năm lớp 5, HS được học Tiếng Việt đủ 245 tiết.

CT GDPT 2018 chú trọng dạy học phát triển năng lực HS. Việc dạy học theo CT và SGK mới đòi hỏi phải đáp ứng khả năng học tập khác nhau của từng HS. Vì vậy, khi tổ chức dạy học theo SGK, chắc chắn GV phải có những điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm HS ở các vùng miền, giữa các nhà trường, thậm chí sự khác nhau giữa các lớp và giữa các nhóm HS trong một lớp. Nhà trường, cùng với tổ bộ môn, có thể xây dựng kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt của khối lớp ở mỗi trường. Có thể thiết kế bảng gồm các cột để tiện kiểm soát kế hoạch thực hiện CT. Cụ thể:

Cột 1: Ghi rõ từng tuần học.

Cột 2: Ghi rõ từng bài học (theo SGK mới, mỗi tuần sẽ thiết kế thành các bài học, số lượng bài học mỗi tuần, ghi rõ từng tên bài học trong tuần).

Cột 3: Ghi rõ thời lượng dạy học của từng bài.

Cột 4: Ghi rõ yêu cầu cần đạt.

Cột 5: Nêu khái quát nội dung dạy học của môn học (VD: Đọc / Viết / Nói – Nghe / Kiến thức về từ và câu,...).

Cột 6: Gợi ý phương pháp dạy học phù hợp với bài học, với đặc điểm HS và điều kiện dạy học của trường/lớp.

Cột 7: Dự kiến nội dung trọng tâm cần đánh giá kết quả học tập của HS (đánh giá thường xuyên/định kì).

Cột 8: Gợi ý sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với bài học.

Cột 9: Mô tả những điều chỉnh trong 8 cột nêu trên so với CT quốc gia (nếu có), chủ yếu ở cột 5 (Nội dung dạy học).

Việc lập kế hoạch dạy học của nhà trường và xây dựng kế hoạch dạy học đã trở thành nhiệm vụ tất yếu ở các trường phổ thông hiện nay. Nhiều nhà trường có những định hướng khác nhau về phát triển CT nhà trường trong khuôn khổ quyền tự chủ được trao.

3 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu chung về phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học trong *Tiếng Việt 5* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của CT môn Ngữ văn và CT GDPT 2018 nói chung là đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học.

Về mặt phương pháp, GV cần chú trọng tổ chức hoạt động học như Đọc, Viết, Nói và nghe cho HS. Để đáp ứng yêu cầu đó, GV cần nắm vững kỹ thuật thực hiện các bước: khởi động bài học, giao nhiệm vụ cho HS, hướng dẫn HS học hợp tác, hướng dẫn HS tự ghi bài, tổ chức cho HS báo cáo kết quả học tập và nhận xét, đánh giá. GV cần giảm thời gian nói để HS có cơ hội được tăng cường hoạt động học (cá nhân, nhóm, lớp). GV chỉ hỗ trợ, không làm thay, không trả lời thay. Trong khi dạy học, GV cần chú ý tạo không khí thân thiện trong lớp học, gây được hứng thú học tập cho HS.

GV cần nắm được yêu cầu đổi mới phương pháp học tập đối với HS để hướng dẫn và hỗ trợ các em. Theo định hướng mới, HS cần phát huy vai trò chủ động, tích cực của người học. Ở lớp 5, vai trò chủ động, tích cực đó được thể hiện chủ yếu qua: làm việc cá nhân; tham gia trao đổi, thảo luận nhóm theo các nội dung GV nêu; trình bày kết quả trao đổi, thảo luận của nhóm nếu được giao nhiệm vụ; tương tác tích cực với GV. Các nghiên cứu về dạy học và thực tiễn dạy học các lớp cấp Tiểu học trên thế giới đều cho thấy hiệu quả của quy trình dạy học sau: GV trình bày và làm mẫu những kỹ năng và chiến lược mới cho cả lớp. Sau đó, HS học cá nhân và hoạt động nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm 3 trở lên), chẳng hạn hỏi và trả lời, chia sẻ ý tưởng,... để vận dụng những kỹ năng mới được học. Kết hợp dạy học chung cả lớp, sau đó HS học độc lập và học theo nhóm là hình thức cần được áp dụng phổ biến, linh hoạt và cân bằng.

Tiếp nối lớp 4, ở lớp 5, GV cần tiếp tục khuyến khích HS tham gia vào những hoạt động có tính tương tác, coi đó là một cách thức quan trọng để thúc đẩy việc học và trưởng thành. Hoạt động tương tác chủ yếu ở lớp 5 là HS trao đổi nhóm, cùng tham gia hoàn thành một nhiệm vụ. Đối với dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp thì các hoạt động có tính tương tác càng trở nên có ý nghĩa hơn. Nó giúp HS phát triển ngôn ngữ, tư duy và các kỹ năng xã hội một cách hiệu quả; các em trở nên tự tin hơn, có mối quan hệ bạn bè tốt hơn, tôn trọng sự khác biệt và có động lực học cao hơn. Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần quan sát và dành thời gian làm việc với những HS hay nhóm HS cần được hỗ trợ. Cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS gặp khó khăn trong phát triển các kỹ năng giao tiếp. Tương tự như vậy, cần có những hoạt động, câu hỏi dành riêng cho HS tự tin, năng động, có khả năng đọc, viết, nói và nghe tốt hơn so với các HS khác.

3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học

3.2.1. Dạy học đọc

Dạy học đọc nhằm giúp HS hình thành và phát triển kỹ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu. Khác với lớp 3, ở lớp 4 và tiếp tục ở lớp 5, yêu cầu phát triển kỹ năng đọc hiểu chiếm vị trí ưu tiên hơn, cần được chú trọng hơn so với kỹ năng đọc thành tiếng. HS được đọc các văn bản có độ dài và độ khó cao hơn so với lớp 4 và phù hợp với yêu cầu của CT.

Tiếp nối lớp 4, đối với đọc thành tiếng, phương pháp dạy học chủ yếu là GV đọc mẫu và HS thực hành theo mẫu. Đọc phân vai dựa theo một câu chuyện cũng cần được chú ý khai thác. Đối với đọc hiểu, phương pháp dạy học chủ yếu vẫn là GV huy động trải nghiệm, hiểu biết của HS có liên quan đến nội dung của văn bản đọc, cho HS so sánh, liên hệ mở rộng; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa HS với HS, giữa GV và HS, phối hợp linh hoạt giữa làm việc cá nhân với hoạt động thảo luận nhóm. Trước khi đọc VB, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh họa để suy đoán nội dung VB. Phương châm là dạy đọc hiểu phải kích hoạt được việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

3.2.2. Dạy học viết

Ở lớp 5, HS không phải luyện viết chính tả và luyện viết chữ trong những tiết học riêng, song các em được rèn luyện những kỹ năng này theo cách tích hợp vào hoạt động luyện viết đoạn văn và viết bài văn. Về phương pháp dạy viết đoạn văn, bài văn, tiếp nối lớp 4, ở lớp 5, HS được hướng dẫn luyện tập theo một quy trình có nhiều bước phân biệt với nhau rạch ròi hơn, được triển khai bài bản hơn so với các lớp trước: tìm hiểu kiểu bài viết; tìm ý và lập dàn ý; thực hành viết đoạn, viết bài; đánh giá, chỉnh sửa. Đối với kiểu bài văn tả phong cảnh và tả người, còn có thêm bước quan sát. Sách chú trọng đến việc rèn cho HS nắm vững quy trình viết, đó cũng chính là rèn cho HS phương pháp học (đặc biệt là tự học), phương pháp làm việc, phương pháp tư duy.

3.2.3. Dạy học nói và nghe

Ở lớp 5, dạy nói và nghe cũng cần chú ý vận dụng phương pháp GV làm mẫu và HS thực hành theo mẫu; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, HS thảo luận nhóm rồi trình bày trước nhóm và trước lớp. Khác với lớp 3, ở lớp 4 và tiếp nối ở lớp 5, hoạt động Nói và nghe theo chủ điểm được chú trọng hơn, nội dung các chủ điểm phong phú và được nâng cao phù hợp với vốn sống, trải nghiệm của HS. Tuy vẫn gắn với nội dung bài đọc, nhưng nội dung nói và nghe đòi hỏi HS phải có nhiều

liên hệ với vốn sống, trải nghiệm của người học. HS cũng được tham gia vào các hoạt động trình bày lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống; thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện. Qua hoạt động Nói và nghe, GV cần chú ý không chỉ giúp HS phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ mà còn giúp các em phát triển khả năng tư duy và kĩ năng hợp tác.

3.3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài

Tiếng Việt 5 có 2 dạng bài cơ bản: bài 3 tiết và bài 4 tiết. Để triển khai dạy học từng dạng bài, GV cần tìm hiểu kĩ mục tiêu bài học, nắm vững những kiến thức cần thiết cho bài học và chuẩn bị phương tiện dạy học như SGK yêu cầu. Ngoài ra, GV có thể chuẩn bị thêm những phương tiện dạy học khác cho những “kịch bản” mà các thầy cô sáng tạo thêm.

Trước khi bắt đầu bài học mới, GV cho HS ôn lại bài cũ, chủ yếu theo hình thức HS nhắc lại tên bài học cũ và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

3.3.1. Tổ chức dạy học một số nội dung chung

Ở cả hai dạng bài, việc tổ chức hoạt động dạy học có một số điểm giống nhau:

a. Khởi động

GV có thể sử dụng nhiều hình thức đa dạng để hoạt động Khởi động sát với nội dung văn bản đọc và khơi gợi được hứng thú của HS, đáp ứng được mục tiêu giúp HS huy động hiểu biết, trải nghiệm, cảm xúc để chuẩn bị tiếp nhận nội dung văn bản đọc. Có những hình thức khởi động phổ biến có thể áp dụng như: chia sẻ cảm nhận, hiểu biết về một vấn đề; cùng nhau trả lời một câu hỏi; nêu giải pháp cho một tình huống;... HS có thể trình bày cá nhân hoặc trao đổi trong nhóm rồi thay mặt nhóm trình bày trước lớp. Nội dung khởi động cần đảm bảo vừa liên quan đến văn bản đọc, vừa gần gũi với hiểu biết, trải nghiệm của HS để có thể khơi gợi được hứng thú của các em.

b. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
- + GV giới thiệu, gợi mở về nội dung bài đọc. Cần lưu ý là chỉ đưa ra một vài chi tiết ban đầu để khơi gợi hứng thú của HS chứ không tóm tắt nội dung văn bản. Cần đặt những câu hỏi hướng dẫn HS suy nghĩ, dự đoán, tạo cơ hội cho HS phát triển năng lực tư duy và cảm thấy hứng thú với bài học.
- + GV (hoặc HS / nhóm HS đọc tốt) đọc mẫu toàn bài đọc. Chú ý đọc đúng ngữ điệu,

chẳng hạn với văn bản truyện thì đọc phân biệt rõ lời người kể chuyện và lời nhân vật; ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. Ở lớp 5, còn có yêu cầu đọc VB một cách diễn cảm. HS đọc thầm văn bản trong khi nghe GV hoặc bạn đọc mẫu.

- + GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em.
- + GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài (nếu cần thiết).
- + GV chia văn bản thành các đoạn (để HS đọc nối tiếp trong nhóm).
- HS luyện đọc theo nhóm:
- + HS đọc nối tiếp từng đoạn theo nhóm cho đến hết bài.
- + GV giúp đỡ những HS gặp khó khăn khi đọc bài, khen ngợi những HS đọc tiến bộ.
- + GV mời 1 – 2 HS đọc lời giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong văn bản.
- GV mời 1 HS đọc lại toàn bộ văn bản.

c. Trả lời câu hỏi

Để trả lời các câu hỏi, GV tổ chức cho HS làm việc theo nhiều hình thức: làm việc cá nhân, làm việc nhóm, làm việc chung cả lớp.

HS làm việc cá nhân và nhóm:

- + Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm thống nhất đáp án.
- + GV mời 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét. Với những câu hỏi mở, GV nên khuyến khích HS trình bày theo quan điểm riêng.
- Hình thức làm việc chung cả lớp:
- + Một HS đọc to câu hỏi, cả lớp đọc thầm. (GV có thể nhắc HS đọc lại đoạn văn có liên quan và tìm câu trả lời.)
- + GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất một hoặc nhiều cách trả lời.

Lưu ý:

- Sau khi thống nhất câu trả lời hoặc các phương án trả lời, tùy theo đối tượng HS, GV có thể mở rộng câu hỏi liên hệ thực tế.
- Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần theo dõi các nhóm, hỗ trợ những HS gặp khó khăn trong nhóm.

3.3.2. Tổ chức dạy học những nội dung riêng của từng dạng bài

Ngoài những nội dung chung trên đây, ở mỗi dạng bài (3 tiết hoặc 4 tiết) đều có những nội dung riêng. Sau đây là 2 ví dụ minh họa cho phương án tổ chức dạy học cho mỗi dạng bài.

a. Ví dụ về phương án tổ chức dạy học dạng bài 3 tiết:



VỀ ĐẸP CUỘC SỐNG

TUẦN 19

BÀI 1 TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài *Tiếng hát của người đá*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ gợi hình ảnh đẹp, những câu văn diễn tả những tình tiết kì ảo.
b. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: Những hình động, việc làm của chú bé người đá trong câu chuyện thể hiện tình yêu đối với cuộc sống và con người. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá, ... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của cuộc sống: thiên nhiên cũng như con người, đều góp phần làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp hơn.
2. Nhận biết được sự khác nhau giữa câu đơn và câu ghép; vận dụng kiến thức đã học để thực hành tạo lập câu ghép, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.
3. Nhận biết được cách viết bài văn tả người (biết cách lựa chọn chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật đặc điểm của người được tả như đặc điểm ngoại hình, hoạt động, sở trường,...).
4. Biết yêu thiên nhiên, cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu của cảnh vật thiên nhiên và mối quan hệ giữa thiên nhiên với cuộc sống của con người.

II. CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- Truyện cổ, phương pháp đọc hiểu truyện cổ.
- Câu đơn và câu ghép.
- Văn tả người, cách viết văn tả người.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh minh họa bài đọc, tranh ảnh (sưu tầm) minh họa hình ảnh những ngọn núi, hòn đảo có hình dáng gợi liên tưởng thú vị.
- Văn bản tả người, tranh ảnh (sưu tầm) về đặc điểm của người qua hội họa, điện ảnh, điêu khắc, ...
- Phiếu học tập về câu đơn, câu ghép (nếu có).

4

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ

GV giới thiệu chủ đề mới: *Về đẹp cuộc sống*. GV chiếu tranh minh họa chủ đề (hoặc nhắc HS quan sát tranh chủ đề) và mời 2 – 3 em nêu nội dung tranh. Từ đó khái quát ý nghĩa của bức tranh: Bức tranh tượng trưng cho vẻ đẹp của cuộc sống: con người sống chan hoà với thiên nhiên. Trong cuộc sống thường ngày, nếu chúng ta chăm chú quan sát, sẽ cảm nhận được những vẻ đẹp của thiên nhiên, của con người. Mỗi bài đọc trong chủ đề *Về đẹp cuộc sống* đã góp phần lưu giữ vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp trong cảm xúc, hành động, việc làm của con người.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV giới thiệu tên bài học và bài đọc. VD: *Tiếng hát của người đá* là câu chuyện cổ của dân tộc Ra-glai, do tác giả Ngọc Anh và Văn Lang kể lại, in trong tập *Truyện cổ Việt Nam*. Dân tộc Ra-glai là một trong số những dân tộc có lịch sử cư trú lâu đời ở vùng đất Nam Trung Bộ và cuối dãy Trường Sơn. Có lẽ vùng Chư Bô đã được nhắc tới trong câu chuyện là tên gọi trước đây của một địa bàn sinh sống của dân tộc Ra-glai (Ngày nay, địa bàn tập trung đồng người Ra-glai nhất là tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận). Đây là câu chuyện thú vị, cảm động về một chú bé được hoá thân từ một móm đá hình người. Câu chuyện chứa đựng rất nhiều ý nghĩa để các em tìm hiểu, khám phá.
- GV cho HS làm việc nhóm, thực hiện yêu cầu nêu ở hoạt động khởi động.
- HS làm việc theo nhóm, từng em thực hiện yêu cầu: *Kể tên 1 – 2 truyện cổ mà em đã đọc hoặc đã nghe. Nếu những chi tiết em thích* (HS đã được đọc, được học nhiều câu chuyện cổ từ các lớp 2, 3, 4 và học kì I lớp 5, các em sẽ có nhiều điều để nói). GV có thể nhấn mạnh điểm cuốn hút của truyện cổ chính là yếu tố kì ảo (hư cấu).
- GV nhận xét các nhóm và nhấn mạnh: Câu chuyện *Tiếng hát của người đá* kể về những hành động, việc làm của chú bé người đá. Qua đó thể hiện tình yêu đối với cuộc sống và con người và những ước nguyện về cuộc sống hoà bình, không có cảnh đầu rơi máu đổ, chính nghĩa luôn chiến thắng phi nghĩa.

2. Đọc văn bản

- GV đọc cả bài (hoặc 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn), đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ đẹp của thiên nhiên, hành động, việc làm của người đá và dân làng.
- GV hướng dẫn đọc:
- + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *đỉnh núi, tia nắng, dân làng, bóng lách, bóng lau, ...*

5

+ Đọc diễn cảm các câu có những từ ngữ gợi tả, điệp từ, điệp ngữ. VD: *Những tia nắng vàng dịu, những hạt mưa trong vắt thay nhau tắm gội, sưởi ấm cho móm đá. Gió từ cầu kẻ cho móm đá nghe những câu chuyện về mọi miền. Chím hót cho móm đá nghe những điệu ca du dương. Ngày nay, gió kéo đến đông như là rừng, nhanh như chớp giật, gió mào chĩa lên trời tựa tựa như bóng lách, bóng lau, ...*

- HS làm việc theo cặp, đọc nối tiếp 4 đoạn, sau đó đối đoạn để đọc.
- GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.
- HS làm việc cá nhân, đọc thầm toàn bài một lượt.
- GV hỏi HS có từ ngữ nào trong câu chuyện mà các em chưa hiểu để tra từ điển (hoặc GV giải thích).

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong SHS hoặc cho HS làm việc nhóm, cùng nhau trả lời cả 5 câu hỏi, sau đó tổ chức trình bày trước lớp.

Câu 1. *Móm đá trên đỉnh núi cao có gì đặc biệt? Móm đá được mọi vật yêu quý như thế nào?*

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, có thể viết câu trả lời vào vở, phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có).
- 2 – 3 HS trình bày ý kiến trước lớp.

Đáp án: Móm đá xanh giống hình một em bé cười vui. Móm đá được mọi vật yêu quý, chăm chút:

Nắng (những tia nắng vàng dịu)	sưởi ấm cho móm đá
Mưa (những hạt mưa trong vắt)	tắm gội cho móm đá
Gió	ri rào kể cho móm đá nghe những câu chuyện về mọi miền
Chim	hót cho móm đá nghe những điệu ca du dương

→ Cứ thế, năm này qua năm khác, những câu chuyện của gió, những bài ca của chim thấm sâu vào móm đá hình em bé.

- GV có thể nêu thêm câu hỏi: Theo em, tình yêu của mọi vật có ý nghĩa gì đối với móm đá trên đỉnh núi? Sau khi HS phát biểu suy nghĩ riêng, GV có thể nói: Móm đá năm này qua năm khác được mưa nắng tắm gội, sưởi ấm, những câu chuyện của gió, những bài ca của chim thấm sâu. Tất cả mọi hành động đều thể hiện tình yêu của mọi vật (mưa, nắng, gió, chim muông, ...) đối với móm đá, chẳng khác nào bà mẹ thiên nhiên "thối hỏn" vào móm đá, làm cho móm đá cảm động, hoá thành em bé xinh đẹp, tốt bụng, biết nói lời hay, ý đẹp.

Câu 2. *Chuyện gì xảy ra vào ngày móm đá hoá thành một em bé? Mọi người được chứng kiến điều gì kì lạ khi em bé người đá cất tiếng hát vang khắp núi rừng?*

- HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo cặp, chuẩn bị câu trả lời rồi đối chiếu câu trả lời theo cặp.

- HS làm việc theo nhóm hoặc cả lớp, thống nhất đáp án, VD: Khi móm đá hoá thành một em bé, em bé liền bước xuống núi, đứng lúc xuống núi từ từ dần kéo về phía nương rẫy. Thấy dân làng đuổi bắt bắt, em bé đứng tay mà chẳng được, em liền cất giọng hát. Tiếng hát của em vang khắp núi rừng. Mọi người được chứng kiến điều kì lạ: muôn thú nhảy múa theo tiếng hát, quên cả phá lúa.

Câu 3. *Khi gió kéo đến, dân làng và em bé người đá đã làm gì để đuổi giặc?*

- HS làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu câu trả lời theo nhóm.
- HS làm việc chung cả lớp, một số em phát biểu ý kiến của mình. VD:
- + Khi gió kéo đến đông như là rừng, nhanh như chớp giật, dân làng đã chung sức, đồng lòng cầm vũ khí (tên nỏ, khiên đao) đuổi giặc.

+ Trước cảnh bốn phương lửa cháy rừng rực, em bé người đá đã trèo lên một ngọn núi, cất tiếng hát kêu gọi những kẻ xâm lược chờ đi ăn cướp, hãy trở về với gia đình, ... Lời hát của em bé người đá khiến giặc đứng sững như những pho tượng, vũ khí tuột khỏi tay.

Câu 4. *Theo em, lời hát của em bé người đá thể hiện ước nguyện gì của con người?*

- HS làm việc nhóm, thảo luận để tìm câu trả lời của nhóm.
- HS làm việc chung cả lớp, một số đại diện nhóm phát biểu ý kiến. GV khích lệ HS phát biểu theo suy luận của mình. Khen ngợi các ý kiến có sức thuyết phục. VD:
- Em bé người đá đã giúp dân làng đuổi giặc. Em trèo lên một ngọn núi, cất tiếng hát kêu gọi những kẻ xâm lược chờ đi ăn cướp, hãy trở về với vợ con, đi hái rau ngọt, cắt lúa vàng, tới ngủ bên lửa ấm, sáng thức dậy theo mặt trời, ... Lời hát của em bé người đá thể hiện ước nguyện của con người về một cuộc sống hoà bình, không có cảnh đầu rơi máu đổ, chính nghĩa luôn chiến thắng phi nghĩa. (GV có thể liên hệ với tiếng dân đuổi giặc của Thạch Sanh.)

Câu 5. *Nếu một kết thúc khác cho câu chuyện theo mong muốn của em.*

- HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm: Nếu một kết thúc khác cho câu chuyện.
- Từng HS nêu ý tưởng, có thể đưa ra nhiều cách kết thúc khác nhau. VD:
- + Em bé người đá bay lên trời xanh. Mỗi khi đất nước gặp gian nguy, em bé người đá lại xuất hiện để giúp đỡ dân làng.
- + Xác động trước niềm mong nhớ khôn quên của dân làng, em bé người đá đã trở về sống cùng và giúp đỡ dân làng.
- + ...

- GV khích lệ và khen ngợi những HS đã nêu được câu trả lời có ý nghĩa sâu sắc.

7

4. Luyện đọc lại

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm một số chi tiết trong bài đọc.
- Làm việc chung cả lớp (4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp, nếu còn thời gian).
 - GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.
 - Làm việc cá nhân, HS tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÂU ĐƠN VÀ CÂU GHEP

1. Đọc các câu và thực hiện yêu cầu.

- Mục đích của bài tập này là giúp HS nhận biết được sự khác nhau giữa câu đơn và câu ghép, mối quan hệ giữa các vế của câu ghép.
- GV hướng dẫn HS ôn lại kiến thức về câu, hai thành phần chính của câu (chủ ngữ và vị ngữ) đã được học ở lớp 4 theo các bước sau:
 - + Bước 1: Yêu cầu HS nêu các thành phần chính của câu (chủ ngữ và vị ngữ).
 - + Bước 2: Mời HS đặt câu theo chủ đề tự chọn và xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu vừa đặt.
 - + GV chốt lại kiến thức ôn tập về chủ ngữ, vị ngữ (tham khảo SGK Tiếng Việt 4, tập hai).
 - HS đọc bài tập 1 và thực hiện yêu cầu theo các bước:
 - + HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.
 - + Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.
- Đáp án: Ở ví dụ a có 2 câu. Câu thứ nhất có chủ ngữ là *trời*, vị ngữ là *không mưa*; câu thứ hai có chủ ngữ là *ruộng đồng*, vị ngữ là *khô hạn, nứt nẻ*. Ở ví dụ b chỉ có 1 câu và câu này có 2 cụm chủ ngữ – vị ngữ (vì câu b gộp cả 2 câu ở ví dụ a). Từ *nên* có tác dụng nối các ý được thể hiện ở 2 cụm chủ ngữ – vị ngữ.

2. Xác định câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ trong đoạn văn. Từ nào có tác dụng nối các cụm chủ ngữ – vị ngữ đó?

- Mục đích của bài tập này là giúp HS hiểu được mối quan hệ chặt chẽ giữa các ý được thể hiện trong một câu ghép.
- GV nêu yêu cầu của bài tập 2, cho HS làm việc cá nhân và làm việc nhóm để thống nhất kết quả.
 - + Xác định câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ trong đoạn văn.
 - + Tìm từ có tác dụng nối các cụm chủ ngữ – vị ngữ.
 - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.
- Với ví hỏi thứ hai, do đã hiểu được tác dụng nối hai cụm chủ ngữ – vị ngữ của từ *nên* ở bài tập 1, HS có thể tìm ra từ *nhưng* có tác dụng nối ở đây.

8

Đáp án: Câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ là: *Đến nay, con người/ đã có những con tàu to lớn vượt biển khơi/ nhưng những cánh buồm vẫn sống mãi cùng sóng nước và con người*. Từ *nhưng* có tác dụng nối hai cụm chủ ngữ – vị ngữ này.

Lưu ý: Nếu xét riêng biệt thì câu “*Những cánh buồm chung thủy cùng con người vượt qua bao nhiêu sóng nước, thời gian*.” có thể có hai cách phân tích khác nhau:

Cách 1:

Chủ ngữ	Vị ngữ
<i>Những cánh buồm</i>	<i>chung thủy cùng con người vượt qua bao nhiêu sóng nước, thời gian.</i>

Cách 2:

Chủ ngữ	Vị ngữ
<i>Những cánh buồm chung thủy</i>	<i>cùng con người vượt qua bao nhiêu sóng nước, thời gian.</i>

Tuy vậy, xét trong cả đoạn văn, cách 1 phù hợp hơn cách 2 vì câu thứ nhất có cụm từ *những cánh buồm* làm chủ ngữ thì ở câu thứ hai, xác định *những cánh buồm* là chủ ngữ sẽ đảm bảo tính nhất quán của mạch viết.

Dù phân tích theo cách nào thì cũng không ảnh hưởng đến kết quả vì bài tập này chỉ yêu cầu xác định câu ghép và các vế của câu ghép, không yêu cầu phân tích cấu tạo của từng cụm chủ ngữ – vị ngữ.

– Sau khi kết thúc bài tập 2, GV cho HS chốt lại khái niệm câu đơn và câu ghép trong phần Ghi nhớ.

+ GV mời 1 – 2 HS đọc Ghi nhớ trước lớp.

+ Cả lớp đọc thầm Ghi nhớ.

+ GV mời HS xung phong nêu được Ghi nhớ về câu đơn và câu ghép mà không cần nhìn sách.

3. Tìm câu ghép trong đoạn văn và xác định các vế câu trong mỗi câu ghép.

Bài tập này nhằm giúp HS củng cố kiến thức về câu ghép, đồng thời luyện tập kỹ năng nhận biết câu ghép và phân tích cấu tạo của chúng.

– GV nêu yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS thực hiện.

+ HS làm việc cá nhân, có thể ghi kết quả vào vở hoặc giấy nháp.

+ HS làm việc theo nhóm để trao đổi về kết quả làm việc cá nhân và thống nhất câu trả lời của nhóm.

+ Đại diện một số nhóm trình bày, GV và cả lớp nhận xét.

Đáp án: Đoạn văn có 2 câu ghép: Câu 1: *Có gần nước tưới lúa/ nên trâu ăn cỏ men theo bờ suối, rồi một lần dúi, lên núi* (có 2 vế câu). Câu 2: *Chiều về, đàn trâu no cỏ nằm mình dưới suối/ chúng tôi tha thẩn tìm những viên đá đẹp cho mình* (có 2 vế câu).

9

4. Đặt 1 – 2 câu ghép nối về nhân vật Nai Ngọc trong bài đọc *Tiếng hát của người dân*.

- Bài tập này tạo cho HS cơ hội được thực hành viết câu ghép với nội dung được định hướng từ văn bản đọc: nhân vật Nai Ngọc trong bài đọc *Tiếng hát của người dân*.
- GV cho HS làm việc cá nhân, viết 1 – 2 câu ghép theo yêu cầu của bài tập.
 - GV cho HS làm việc theo cặp để trao đổi kết quả.
 - Một số HS báo cáo kết quả trước lớp. Các HS khác nhận xét. GV khen ngợi những HS viết được những câu ghép hay. Lưu ý: Cần phân tích để giúp HS hiểu được vì sao những câu đó được coi là hay (nội dung, cách viết).

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

Ở tiết học này, thông qua việc tìm hiểu bài văn *Chú bé vùng biển*, HS nhận biết được cấu tạo bài văn tả người, cách tả các đặc điểm về ngoại hình, hoạt động, sở trường... của người được tả.

1. Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.

- GV nêu khái quát về kiểu bài văn miêu tả đã học (tả con vật, cây cối, phong cảnh), nêu mục tiêu của tiết học (tìm hiểu cách viết bài văn tả người).
- GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu của bài học: Đọc bài văn *Chú bé vùng biển* và thực hiện lần lượt 4 yêu cầu câu hỏi a, b, c, d. Trước hết, các em đọc thầm bài văn và 4 yêu cầu câu hỏi bên dưới và dự kiến câu trả lời (GV lưu ý đánh thời gian cho HS đọc kĩ bài tập 1).
- a. GV nêu câu hỏi a (*Người được tả trong bài văn là ai?*). Có thể mời 1 HS đọc bài *Chú bé vùng biển* trước lớp (cũng có thể không cần đọc trước lớp để rèn cho HS việc tự đọc, tự học). 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. (Đáp án: Người được tả trong bài văn là một chú bé ở vùng biển; Người được tả trong bài văn là bạn Thắng, người thôn Bần, ở một vùng biển...).
- b. GV nêu yêu cầu b (*Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu nội dung chính của mỗi phần*).
- GV mời 2 – 3 HS chỉ ra bố cục của bài văn, rồi thống nhất ý kiến.
- + Mở bài: Câu mở đầu bài văn (đoạn 1).
- + Thân bài: Từ *Lúc này đến như một cơn cá* (đoạn 2 và 3).
- + Kết bài: Câu cuối cùng, kết thúc bài văn (đoạn 4).
- GV dành thời gian cho HS suy nghĩ, để thực hiện yêu cầu thứ hai (nêu nội dung chính của mỗi phần).
- GV mời 2 – 3 HS phát biểu ý kiến trước lớp (có thể cho HS trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm trước). Các em có thể có cách diễn đạt khác nhau, VD:

10

Mở bài	Giới thiệu một cách khái quát về người sẽ được tả: tên, địa chỉ, đặc điểm nổi bật (Thắng, con c của vùng của thôn Bần, là địch thủ bơi lội đáng gờm nhất của bọn trẻ...).
Thân bài	Tả đặc điểm về ngoại hình, hoạt động, sở trường (điểm mạnh nổi trội).
Kết bài	Nêu cảm xúc của bọn trẻ về người được tả.

c. GV nhắc HS đọc toàn bộ yêu cầu và gợi ý của câu hỏi c, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, nêu thời gian cần hoàn thành nhiệm vụ (*Trong phần thân bài, đặc điểm của người được tả – một đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển – hiện ra như thế nào?*).

– HS có thể viết câu trả lời của mình ra bảng nhóm/ phiếu học tập của nhóm (nếu có) hoặc viết vào vở ghi, giấy nháp hoặc vở bài tập, phiếu học tập cá nhân (nếu có).

– GV cho HS trình bày sản phẩm hoặc phát biểu ý kiến (nói miệng). VD:

Ngoại hình	Tầm vóc so với lứa tuổi	cao hơn hẳn các bạn một cái đầu
	Dáng người	thân hình rắn chắc, cân đối, nở nang: – cổ mập – vai rộng – ngực nở căng – bụng thon lẳn rõ những múi – hai cánh tay gầy guộc như hai cái bời chèo – cặp đùi dài chắc nịch
	Nước da	rám đỏ khỏe mạnh (vì lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển)
	Giương mặt	– cặp mắt to và sáng – miệng tươi, hay cười – trán hơi đỏ ra, trông có vẻ là một tay bơi lội, gan dạ
	Trang phục	cởi trần
Hoạt động, cử chỉ...	Việc làm, cử chỉ...	tò ra là một cậu bé rất nhanh nhẹn: – lúc đan lưới: là người rất thao việc (cầm kim tre đưa lên đưa xuống thoăn thoắt coi bộ rất thành thạo; tay vẫn thoăn thoắt và lướt nhưng mắt thỉnh thoảng lại nhìn lên bờ như có ý chờ đợi ai). – lúc trông thấy các bạn: hành động nhanh, gọn, dứt khoát (vội vàng đặt tấm lưới trên gối xuống, bước đến bên mạn thuyền, bám tay vào cọc chèo và đu mình xuống nước...).
Sở trường nổi trội	Điểm mạnh nổi trội	bơi lội giỏi: – đu mình xuống nước, êm không một tiếng động – ngụp một cái lặn biển dài như một cơn cá

11

– GV lưu ý HS: Để tả đúng các đặc điểm của cậu bé Thắng, tác giả phải tìm hiểu, quan sát rất kĩ về bên ngoài và cử chỉ, hoạt động,... của nhân vật, nhận ra những đặc điểm nổi bật và tìm những từ ngữ thích hợp để miêu tả.

d. GV nêu yêu cầu của câu hỏi d và gợi ý (*Bằng cách nào, tác giả làm nổi bật đặc điểm của người được tả: lựa chọn từ ngữ có sức gợi tả, sử dụng hình ảnh so sánh gây ấn tượng...*) và yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo cặp trước khi chia sẻ ý kiến trước lớp. Đáp án:

Từ ngữ có sức gợi tả	– Từ ngữ tả ngoại hình: nước da rám đỏ, rắn chắc, nở nang, nở căng, chắc nịch, gân guốc,... – Từ ngữ tả hoạt động: thoăn thoắt, thành thạo, vội vàng,...
Hình ảnh so sánh gây ấn tượng	– Khi tả ngoại hình: Hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo. – Khi tả hoạt động: Nó ngụp một cái lặn biển đi như một con cá.
So sánh với bạn bè cùng trang lứa	Nó trạc tuổi thằng Chấn “phệ” nhưng cao hơn hẳn cái đầu.
Đưa thông tin về hoàn cảnh, môi trường sống	– Nó coi trằn, phơi nước da rám đỏ khỏe mạnh của những đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển. – Sử dụng những hình ảnh quen thuộc của môi trường sống: <i>Hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo; Nó ngụp một cái lặn biển đi như một con cá.</i>

– GV có thể nêu thêm câu hỏi: Ngoài việc tả ngoại hình, cử chỉ, hoạt động, sở trường của nhân vật, tác giả còn giúp người đọc nhận rõ đặc điểm nhân vật bằng cách nào? GV khích lệ HS phát hiện và nêu ý kiến. (VD: Ngoài việc tả đặc điểm ngoại hình, hoạt động, sở trường,... của nhân vật, tác giả còn giúp người đọc hiểu rõ đặc điểm của nhân vật qua suy nghĩ, cảm xúc, nhận xét của mọi người xung quanh.)

Cảm nghĩ của bạn bè về Thắng	– Thắng, con cả vược của thôn Bần, là địch thù bởi lợi đáng gờm nhất của bọn trẻ. – Bọn trẻ đứng trên bờ nhìn nó lặn vừa ghen vừa phục.
------------------------------	--

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả người.

- GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: Đọc yêu cầu và gợi ý của bài tập 2, có thể đọc thêm, đọc lướt lại bài *Chị bé vùng biển*, chỉ ra những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả người (về bố cục, cách chọn lựa chi tiết miêu tả, cách sắp xếp ý,...).
- HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV, sau đó đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.
- GV có thể chốt các ý HS cần nhớ khi viết bài văn tả người (dựa trên phần Ghi nhớ).
- GV mời HS đọc Ghi nhớ trước lớp (đọc xong, có thể gấp sách lại, nêu những điều ghi nhớ được khi viết bài văn tả người).

12

b. Ví dụ về phương án tổ chức dạy học dạng bài 4 tiết

Bài 2 KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.
- b. Hiểu nghĩa của từ ngữ, hình ảnh miêu tả sự vất vả của người mẹ, tình yêu thương của mẹ dành cho con, vẻ đẹp của tình mẫu tử,... Hiểu được điều bài đọc muốn nói thông qua hình ảnh người mẹ Tà-ôi: Tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu của người mẹ dành cho con hoà chung vào tình yêu quê hương, đất nước, tạo thành một tình cảm lớn, mang lại niềm xúc xúc cho người đọc.
- c. Đọc mở rộng theo yêu cầu (đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt), biết ghi vào phiếu đọc sách các thông tin về sách báo đã đọc, biết trao đổi với bạn về một việc tốt em đã làm hoặc em mong muốn được làm cho cộng đồng.
2. Biết cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả người.
3. Biết trân trọng những con người lao động bình dị, nhìn thấy được phẩm chất tốt đẹp từ những việc làm nhỏ bé của người lao động.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản thơ (bộ lọc cảm xúc qua các hình ảnh, biện pháp tu từ); ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh thơ.

13

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

- Tìm đọc các đoạn văn, bài văn tả người trong sách báo hoặc trong SHS Tiếng Việt đã học ở các lớp. Ghi lại những câu văn hay mà em muốn học tập.
- Tìm đọc bài viết về người tốt, việc tốt trong sách báo in hoặc trên mạng in-to-net.

CÙNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 1:

- + Đọc hiểu: *Tiếng hát của người đá.*
- + Luyện từ và câu: *Câu đơn và câu ghép.*
- + Viết: *Tìm hiểu cách viết bài văn tả người.*
- GV hỏi HS: Em thấy nội dung nào của Bài 1 thú vị, dễ nhớ? Vì sao?
- GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dẫn HS đọc trước Bài 2.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh minh họa bài đọc *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*.
- Video ghi lại những hình ảnh em bé được địu trên lưng cha mẹ trong những ngữ cảnh khác nhau (đi chợ, đi làm, đi du lịch,...).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2 ÔN BÀI CỐ

GV mời 2 HS đọc một đoạn yêu thích trong bài đọc *Tiếng hát của người đá* và trả lời 1 – 2 câu hỏi để hiểu cuối bài (GV có thể nêu câu hỏi khác).

ĐỌC

1. Khởi động

- HS làm việc nhóm đôi và trao đổi về nội dung (*Nếu nội dung mỗi bức tranh. Theo em, những bức tranh đó thể hiện điều gì?*).
- Đại diện 2 – 3 nhóm nêu ý kiến. Cả lớp nhận xét câu trả lời.

Đáp án tham khảo:

– Nội dung mỗi bức tranh:

- + Tranh 1: Người mẹ bế con trên tay. Ánh mắt của người mẹ nhìn con đầy âu yếm.
- + Tranh 2: Trên đường phố, người mẹ đang đưa con đi học. Cậu bé ngồi sau lưng mẹ, có lẽ cậu bé học lớp 2, lớp 3 gì đó,...
- + Tranh 3: Không gian gia đình, con trai đang chăm chú học bài. Mẹ mang nước cho con uống,... Cử chỉ của người mẹ nói lên sự quan tâm, chăm sóc tận tình, chu đáo.
- + Tranh 4: Không gian tại một ngôi trường đại học trong ngày lễ trao bằng cử nhân. Chàng trai tay cầm bằng cử nhân (tốt nghiệp đại học), người mẹ đứng cạnh con. Khuôn mặt của mẹ rạng ngời niềm tự hào, hạnh phúc.
- Những bức tranh thể hiện:
- Đặt 4 bức tranh cạnh nhau, em hình dung ra một câu chuyện kể về người mẹ, về những yêu thương, chăm sóc của mẹ dành cho con cái. Từ lúc mới sinh ra, đến tuổi đi học, rồi trưởng thành, mẹ lúc nào cũng là người ở bên con, lo cho con từng bữa ăn, giấc ngủ. Ngay cả khi con lớn, biết chăm sóc bản thân thì mẹ vẫn luôn gần gũi, chia sẻ với con. Mẹ đồng hành cùng con mỗi ngày đến trường, mỗi tối học bài. Sau tám bằng cử nhân con nhận được là những vất vả, lo toan của mẹ.
- GV kết nối với bài học.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ, hình ảnh miêu tả sự vất vả trong công việc của người mẹ, từ ngữ thể hiện lời ru của mẹ dành cho con: *vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối, ngủ ngoan a-kay ơi, lưng đưa nôi và tìm hát thành lời,...*).

14

- GV hướng dẫn đọc:
- + Đọc đúng các từ ngữ có tiếng để phát âm sai. VD: *ngủ cho ngoan, ngủ ngoan a-kay ơi...*
- + Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc.
- + 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn thơ trước lớp.
- + Đoạn 1: Từ đầu đến *tìm hái thành lời*.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến *vùng chầy lún sần*.
- + Đoạn 3: Phần còn lại.
- HS làm việc theo nhóm ba, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.
- HS làm việc cá nhân, đọc nhắm toàn bài một lượt.
- GV giải thích từ ngữ khó.

Lưu ý: GV có thể giải nghĩa từ ngữ khó theo hai cách: Cách 1: giải nghĩa từ ngữ khó ngay trong hoạt động đọc thành tiếng, trước khi HS luyện đọc theo nhóm. Cách 2: trong khi trả lời câu hỏi để học hiểu, nếu xuất hiện từ ngữ khó ở đoạn nào thì giải nghĩa từ ngữ đó.

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Bài thơ như lời ru ngọt ngào của người mẹ dành cho con. Những từ ngữ nào cho em biết điều đó?*

HS làm việc nhóm đôi. Từng cá nhân đọc thầm lại bài thơ để tìm câu trả lời. Có thể ghi kết quả vào giấy, hoặc phiếu bài tập. Sau đó chia sẻ kết quả với các bạn trong nhóm. Nhóm bổ sung, nhận xét, thống nhất câu trả lời.

Đáp án: *Em cu Tái ngủ trên lưng mẹ ơi; Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hời.*

Câu 2. *Người mẹ làm những công việc gì? Những công việc đó có ý nghĩa như thế nào?*

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi, yêu cầu HS đọc lại toàn bộ bài thơ để tìm những từ ngữ nói về công việc của người mẹ, chỉ ra ý nghĩa của những công việc đó.

– HS trình bày kết quả trước lớp. GV nhận xét, tổng hợp ý kiến các nhóm đã trình bày

Công việc của người mẹ	Ý nghĩa của những công việc đó
<i>Chăm sóc con nhỏ</i>	Những việc làm của người mẹ cho thấy: người mẹ
<i>Giữ gạo nuôi bộ đội</i>	Tà-ôi không chỉ nuôi con khôn lớn mà còn tham gia
<i>Tia bắp trên núi Ka-lưi</i>	vào công việc sản xuất, xây dựng bản làng. Người mẹ
	ấy đã đóng góp công sức của mình vào công việc
	kháng chiến giải phóng dân tộc bằng những công việc
	nhỏ bé, thầm lặng: già gạo nuôi bộ đội, tặng gia sản
	xuất lương thực.

Câu 3. *Những mong ước gì của người mẹ được gửi gắm trong lời ru ở khổ thơ thứ hai?*

Đáp án:

15

Lời ru của mẹ	Mong ước của mẹ được gửi gắm trong lời ru
Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội	Điệp từ <i>thương</i> nhấn mạnh, làm rõ hơn tình cảm của mẹ dành cho con, dành cho bộ đội. Tình yêu của người mẹ Tà-ôi không chỉ hẹp trong gia đình, dành cho em cu Tái mà còn dành cho đất nước, cho dân tộc.
Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần	Người mẹ gửi gắm vào lời ru con ước mơ về cuộc sống no đủ, sung túc. Con mang vào giấc ngủ ước mơ bình dị của người mẹ: dân làng có cuộc sống ấm no, bình yên, hạnh phúc.
Mai sau con lớn vùng chầy lún sần	Người mẹ còn gửi gắm niềm tin, ước mơ về tương lai của em cu Tái qua hình ảnh “vùng chầy lún sần”. Mẹ mong ước mai sau con sẽ khôn lớn, trở thành chàng trai mạnh khỏe, tài giỏi.

Lưu ý:

– GV cũng có thể phân tích kỹ hơn hình ảnh thơ “vùng chầy lún sần”: Chỉ tiết này cho thấy người mẹ yêu con và gửi gắm vào tình yêu đó mong ước về tương lai của con. Trong tâm trí của mẹ, mai sau lớn lên, em cu Tái trở thành một thanh niên cường tráng, mang vẻ đẹp, sức mạnh của những chàng dũng sĩ trong những câu chuyện cổ tích.

– Với HS khá giỏi, GV có thể hỏi thêm: Người mẹ Tà-ôi có mong ước về cuộc sống no đủ, con cái lớn lên khỏe mạnh, đóng góp được công sức cho dân làng, đất nước... Còn cha mẹ các em thường mong ước ở các em điều gì? Từ câu trả lời của HS, GV chốt lại: Người mẹ Tà-ôi trong bài thơ cũng giống bao bà mẹ Việt Nam khác đều có mong ước con cái lớn lên khỏe mạnh, trở thành những đứa con ngoan, những công dân tốt.

Câu 4. *Em hiểu thế nào về hai dòng thơ “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi/ Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng”?*

Đáp án tham khảo: Từ “mặt trời” trong dòng thơ thứ hai được dùng với nghĩa chuyển. Với người mẹ, em cu Tái cũng giống như mặt trời. Nếu trong vũ trụ, mặt trời là nguồn năng lượng mang lại ánh sáng, sự sống cho muôn loài thì với người mẹ, em cu Tái cũng giống như mặt trời. Em mang đến cho mẹ nguồn động viên tinh thần để mẹ vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

Lưu ý:

Sau khi tổng hợp ý kiến phát biểu của HS, GV hỏi thêm câu hỏi khác theo hướng triển khai sâu hơn các chi tiết nghệ thuật của bài thơ, tùy theo năng lực học tập và quỹ thời gian cho phép.

Ví dụ: GV có thể dẫn dắt: Bài thơ có rất nhiều những câu thơ hay, ngoài 2 câu thơ các em đã tìm hiểu. Chẳng hạn như: “*Vai mẹ gầy nhóp nhều làm gối/ Lưng đưa gối và tìm hái thành lời*”. Ai có thể nêu cách hiểu của mình về hai câu thơ này? (Gợi ý: Theo nhịp chày giã gạo, đôi vai gầy của mẹ trở thành chiếc gối nhỏ ấm áp để em cu Tái gối đầu. Tấm lưng của mẹ giống như chiếc võng đu đưa em vào giấc ngủ say nồng. Mẹ không chỉ ru em bằng lời mà còn ru em bằng cả trái tim, tấm lòng của mẹ. Hình ảnh *tìm hái thành lời* thể hiện điều đó.)

16

Câu 5. Nêu chủ đề của bài thơ.

- GV hướng dẫn HS:
- + Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân.
- + Bước 2: HS làm việc theo cặp (lần lượt từng HS nêu ý kiến), sau đó trao đổi thống nhất câu trả lời.
- Một số HS phát biểu trước lớp. GV khen HS có nhiều ý kiến hay, thể hiện suy nghĩ, quan điểm cá nhân.

Đáp án tham khảo: Bài thơ ca ngợi tình yêu thương con sâu sắc gắn với tình yêu đất nước của những người mẹ Tà-ôi.

4. Học thuộc lòng bài thơ.

- HS làm việc cá nhân, học thuộc toàn bài.
- Làm việc chung cả lớp, HS đọc những đoạn thơ đã thuộc.

Lưu ý: Tùy theo thời gian thực tế, GV có thể tổ chức cho HS học thuộc lòng 1 – 2 đoạn thơ trên lớp. Những đoạn thơ còn lại, GV có thể hướng dẫn HS về nhà tự học.

5. Luyện tập theo văn bản đọc.

Câu 1. *Trong đoạn thơ dưới đây, những từ nào được dùng để xưng hô?*

- GV có thể chỉ định hình thức học cá nhân, học theo cặp hoặc theo nhóm (tùy vào năng lực của HS trong lớp).
- Sau thời gian làm bài, có thể mời HS trình bày trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét.

Đáp án: Trong đoạn thơ, những từ được dùng để xưng hô là: *a-kay, mẹ, con.*

Câu 2. *Viết 2 – 3 câu về người mẹ trong bài thơ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, trong đó có sử dụng ít nhất một câu đơn và một câu ghép.*

- HS làm việc cá nhân, viết 2 – 3 câu về người mẹ trong bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*, trong đó có câu đơn và câu ghép.
- HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Một số em đọc đoạn văn mình đã viết và chỉ ra câu đơn và câu ghép trong đoạn (VD: Những người mẹ Việt Nam không những đảm việc nhà mà họ còn giỏi việc nước.). GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

TIẾT 3 VIẾT

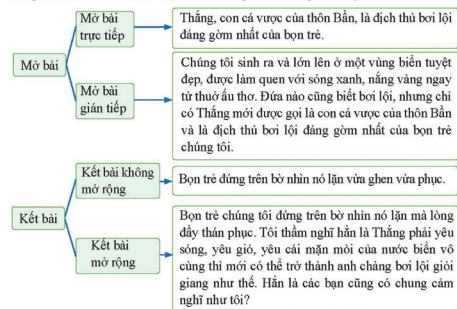
VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TÀI NGƯỜI

Tiết học này tiếp tục hướng dẫn các em nhận biết cấu tạo của bài văn tài người, đó là nhận biết hai cách mở bài (mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp) và hai cách kết bài (kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng) trong bài văn tài người. Các kiểu mở bài và kết bài này HS đã được luyện viết khi viết bài văn tài con vật, tài cây cối ở lớp 4 và tài phong cảnh ở học kì 1 lớp 5. Do đó, trong tiết học này, GV cần dành nhiều thời gian cho HS thực hành viết mở bài và kết bài sau khi quan sát, phân tích mẫu.

17

1. Tìm hiểu các cách viết mở bài, kết bài.

- GV yêu cầu HS đọc các mở bài và kết bài, sau đó tìm những điểm khác nhau trong các cách mở bài và kết bài đó. GV có thể chiếu trên màn hình hoặc yêu cầu HS đọc trong SHS. Có thể có cách thiết kế sinh động hơn để tăng sự chú ý của HS. Ví dụ:



- GV có thể mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp ngay sau khi HS đọc xong bài tập 1.

Đáp án:

- + Điểm khác nhau giữa hai cách mở bài: Mở bài trực tiếp viết rất ngắn gọn (chỉ bằng 1 câu), giới thiệu ngay người được tả: tên gọi (Thắng), biệt danh (con cá vược của thôn Bần) và đặc điểm nổi trội (địch thủ bại lợi đáng gờm nhất của bọn trẻ). Mở bài gián tiếp viết bằng nhiều câu văn hơn, bắt đầu từ việc giới thiệu về vùng đất trẻ vùng biển (môi trường sống và đặc điểm chung), sau đó mới dẫn vào giới thiệu điểm nổi bật của người được tả.

- + Điểm khác nhau giữa hai cách kết bài: Kết bài không mở rộng viết rất ngắn gọn, tiếp tục khẳng định đặc điểm nổi trội của người được tả. Kết bài mở rộng vừa khẳng định đặc điểm nổi trội của người được tả, vừa thể hiện suy nghĩ, cảm xúc và những suy luận... của người viết về người được tả.

2. Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài *Chú bé vùng biển* theo cách của em.

- Dựa trên các đoạn mở bài, kết bài đã đọc và phân tích ở bài tập 1, HS thực hành viết mở bài và kết bài cho bài văn *Chú bé vùng biển* theo cách của mình. Sau đó đọc trong nhóm để nhận xét, góp ý cho nhau.

18

– GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. VD: Để viết mở bài gián tiếp, cần bắt đầu từ đâu để dẫn vào việc giới thiệu người được tả. Để viết kết bài mở rộng, có thể nói về những dự định, công việc tiếp theo có liên quan đến người được tả,...

– GV đọc lướt bài làm của HS, có thể góp ý để các em có thể sửa chữa; dự kiến mời một số em đọc bài trước lớp, cả lớp nhận xét.

– GV mời một số HS đọc mở bài, kết bài của mình trước lớp (nếu có thời gian). GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi các bạn viết được mở bài, kết bài hay (hoặc góp ý để HS chỉnh sửa).

3. Trao đổi về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả người.

– GV hướng dẫn HS dựa vào các mở bài và kết bài đã viết và những gợi ý trong SHS để rút ra cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả người.

– GV mời một số em phát biểu kết quả trao đổi nhóm và hướng dẫn cả lớp nhận xét, đánh giá hoặc bổ sung.

– GV mời HS nêu những điểm cần nhớ khi viết mở bài, kết bài cho bài văn tả người.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt.

HS làm việc cá nhân theo các yêu cầu sau:

– Đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt. VD: báo *Tiến phong* viết về người tốt, việc tốt (*Cậu học sinh nghèo trả lại 20 triệu đồng nhặt được*); Bộ sách *Gương thiếu nhi làm theo lời Bác* (*Công bạn đi học*, *Cậu bé mồ côi ham học*,...).

– Xem gợi ý trong SHS để biết cách tìm sách báo viết về người tốt, việc tốt theo yêu cầu. Có thể chia sẻ sách báo, giới thiệu nguồn khai thác thông tin,... cho các bạn để cùng trao đổi.

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm hoặc chia sẻ trước lớp những nội dung cần ghi trong phiếu đọc sách về sách báo mà em đã đọc (VD: những việc tốt được kể; người làm việc tốt; ý nghĩa, sự lan tỏa của việc tốt đối với cộng đồng; bài học rút ra từ việc tốt,...).

– HS viết phiếu đọc sách theo mẫu. HS có thể viết thêm những thông tin khác tùy theo nội dung sách báo đã đọc.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

3. Dựa vào phiếu đọc sách, trao đổi với bạn về ý nghĩa của những việc làm tốt đối với cộng đồng.

– HS làm việc theo nhóm, chia sẻ với bạn về ý nghĩa của những việc làm tốt đối với cộng đồng. Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin mà các bạn chia sẻ.

– GV mời đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng trong SHS: *Chia sẻ với người thân về một việc tốt em đã làm hoặc em mong muốn được làm cho cộng đồng*. HS cũng có thể hỏi suy nghĩ của bạn về việc tốt mà em đã đề xuất.

– GV nhắc HS tìm thêm sách báo viết về người tốt, việc tốt và giới thiệu cho các bạn những sách báo đó.

CÙNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 2.

+ Đọc – hiểu: *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*.

+ Viết: *Viết mở bài và kết bài cho bài văn tả người*.

+ Đọc mở rộng: *Đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt*.

– GV hỏi HS cần làm gì sau khi học xong Bài 2.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 3.

4 HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

4.1. Định hướng đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh trong môn Tiếng Việt

Việc đánh giá kết quả học tập trong *Tiếng Việt 5* tuân thủ định hướng đổi mới về mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn nói chung và tiếp tục quan điểm đổi mới đánh giá được triển khai ở 4 lớp trước.

4.1.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học.

4.1.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe được quy định trong CT.

– Đánh giá phẩm chất HS thông qua các biểu hiện:

+ Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên; yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước.

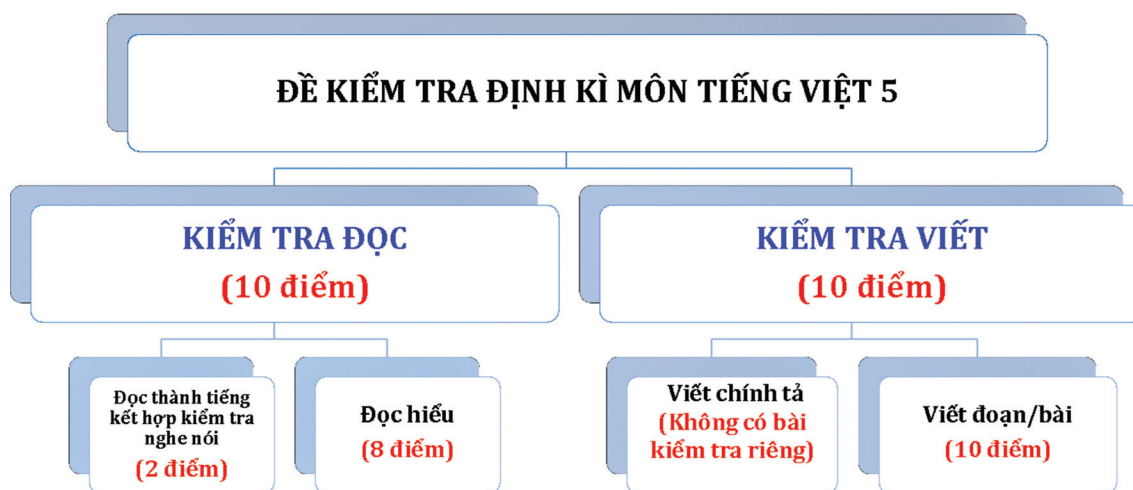
- + Yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè; yêu thương những người xung quanh; không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn; sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn; tôn trọng người lớn tuổi; tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ; biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai.
- + Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập; ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết; có ý thức tham gia các công việc của gia đình và của nhà trường vừa sức với bản thân; có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.
- + Thật thà, trung thực trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình; luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt.
- + Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe; có ý thức sinh hoạt nền nếp; tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công; không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau tại trường học, nơi ở và nơi công cộng; có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp; có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích; có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.
- Đánh giá năng lực chung của HS, bao gồm:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: Đánh giá khả năng tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn; nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác; thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động; không mải chơi, làm ảnh hưởng đến việc học và các việc khác; có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết; có ý thức học tập và làm theo những gương người tốt.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đánh giá khả năng tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập, biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của giáo viên; nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn hoặc giữa các bạn với nhau; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đánh giá khả năng nhận ra được những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng; nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn.
- Đánh giá năng lực đặc thù (đọc, viết, nói, nghe) của HS, bao gồm:
 - + Đọc: Đánh giá kỹ năng đọc gồm kỹ năng đọc thành tiếng và kỹ năng đọc hiểu. Tương tự lớp 4, ở lớp 5, việc đánh giá kỹ năng đọc thành tiếng vẫn cần được coi trọng; tập

trung vào yêu cầu đọc đúng và diễn cảm văn bản truyện, kịch, thơ, văn bản miêu tả: nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút theo quy định của CT. Tuy nhiên, ở lớp 5, kĩ năng đọc hiểu được coi trọng hơn kĩ năng đọc thành tiếng. Việc đánh giá kĩ năng đọc hiểu dựa vào kết quả HS trả lời các câu hỏi ở mức độ cao hơn so với lớp 4; bắt đầu có những câu hỏi đòi hỏi khả năng phân tích, suy luận, đánh giá, vận dụng. *Tiếng Việt 5* cũng chú trọng hơn đến những câu hỏi liên quan đến đặc điểm thể loại hay loại VB và đặc điểm ngôn ngữ của VB đọc. Việc thiết kế những câu hỏi kiểu này sẽ giúp HS từng bước nắm được “mô hình thể loại” đối với từng thể loại hay loại VB, mục tiêu đọc hiểu chính ở cấp THCS và THPT.

- + **Viết:** Đánh giá kĩ năng viết dựa trên quy trình viết và kết quả viết các đoạn văn, bài văn thuộc nhiều kiểu bài đa dạng được quy định trong CT. Trong đánh giá đoạn văn, bài văn được viết ra, có cả đánh giá kĩ năng viết đúng chính tả, kĩ năng dùng từ ngữ, đặt câu; tất nhiên có đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của kiểu bài theo yêu cầu của CT và đặc biệt là đánh giá khả năng có ý tưởng sáng tạo của người viết. Với lớp 5, HS được thực hành nhiều kiểu bài viết hoàn chỉnh.
- + **Nói và nghe:** Đánh giá về sự tự tin của HS khi nói, trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp; khả năng nói rõ với tốc độ phù hợp; khả năng tập trung vào nội dung cần nói và sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng tập trung khi nghe; khả năng trả lời câu hỏi thể hiện HS hiểu được nội dung đã nghe.

4.2. Gợi ý về đề kiểm tra, đánh giá

Hiện nay, để kiểm tra định kì tập trung vào 2 kĩ năng: đọc và viết. Cách cho điểm dự kiến như sau:



Ghi chú: Điểm kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là trung bình cộng điểm của 2 bài kiểm tra đọc và viết (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn (0,5 thành 1). Lưu ý: Chỉ làm tròn một lần. Ví dụ: Điểm thực tế của 2 bài kiểm tra đọc và viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9,5 (làm tròn số thành 10).

Về kĩ năng đọc, có đọc thành tiếng và đọc hiểu:

- Đối với đọc thành tiếng, HS cần thực hiện yêu cầu:
- + Đọc một đoạn hoặc bài (có dung lượng theo quy định của CT môn Tiếng Việt lớp 5), văn bản không có trong SGK (do GV lựa chọn và chuẩn bị trước).
- + Trả lời 1 – 2 câu hỏi (ở mức nhận biết) về nội dung đoạn đọc do GV nêu ra.
- Đối với đọc hiểu (làm trên giấy), HS cần thực hiện yêu cầu:
- + Đọc hiểu 1 văn bản (không có trong SGK), độ dài của VB theo quy định của CT môn Tiếng Việt lớp 5 (theo từng kiểu loại văn bản). Trong câu hỏi đọc hiểu VB có cả câu hỏi / yêu cầu về kiến thức về từ và câu đã được học.
- + Trả lời câu hỏi, gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan (có thể thiết kế nhiều dạng khác nhau) và câu hỏi tự luận (câu hỏi mở). Câu hỏi tự luận yêu cầu HS tự hình thành câu trả lời ngắn: nêu ý kiến cá nhân về nhân vật, chi tiết,... trong đoạn/bài đọc, hoặc liên hệ nội dung bài với bản thân hoặc với thực tế cuộc sống,...

Về kĩ năng viết, chỉ yêu cầu viết đoạn văn hoặc bài văn theo những kiểu bài (trong CT môn Tiếng Việt lớp 5) mà các em đã học. Cách ra đề và cho điểm tương tự như trước đây:

- Kiểu bài (viết đoạn văn, văn bản) phù hợp với yêu cầu của kĩ năng viết trong CT môn Tiếng Việt lớp 5.
- Nền ra 2 đề để HS lựa chọn 1 đề phù hợp với mình. Việc chấm điểm cần chia tỉ lệ điểm phù hợp: điểm cho nội dung, điểm cho kĩ năng, điểm cho chính tả, chữ viết,... Nên có điểm thưởng cho sự sáng tạo về nội dung, kĩ năng,...

5 GIỚI THIỆU, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC

5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên

Ngoài phần Hướng dẫn chung, SGK *Tiếng Việt 5* có những hướng dẫn cụ thể để GV tổ chức dạy học các bài học trong SGK. Tương ứng với mỗi bài học trong SGK có một bài hướng dẫn dạy học trong SGV. Mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: *Mục tiêu (bài học)*, *Chuẩn bị (bài học)*, *Tổ chức hoạt động dạy học*.

- *Mục tiêu (bài học)* được biên soạn bám sát các cấu phần của bài học trong SGK. Nói cách khác, mục tiêu của mỗi bài học được trình bày như tổng cộng mục tiêu của từng phần trong bài. Cách thiết kế mục tiêu này giúp GV hình dung rõ và cụ thể mục tiêu của mỗi hoạt động trong bài. Do các bài học trong SGK được thiết kế dựa trên các mạch chính là Đọc, Viết, Nói và nghe, nên mục tiêu bài học trong SGV cũng thể hiện mục tiêu của từng hoạt động như vậy.
- *Chuẩn bị (bài học)* gồm hai nội dung: (1) Kiến thức mà GV cần nắm để dạy học, chủ yếu là kiến thức về đặc điểm thể loại, loại văn bản của văn bản đọc, nội dung của văn bản, nghĩa của các từ ngữ khó trong văn bản và cách giải thích nghĩa của những

từ ngữ này; (2) Phương tiện dạy học: Bên cạnh những phương tiện chung cho các bài (gồm các phương tiện cần phải có như SGK, SGV và các phương tiện có thể có như máy tính và màn hình trình chiếu), mỗi bài học có những yêu cầu riêng về phương tiện dạy học. Ngoài ra, dựa vào “kịch bản” được xây dựng theo cách sáng tạo, GV có thể chuẩn bị thêm những phương tiện dạy học khác.

- *Tổ chức hoạt động dạy học* bám sát các hoạt động đã được thiết kế trong SGK. SGV chỉ đưa ra những kịch bản mang tính gợi ý. Trong thực tế dạy học, GV có thể vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo. Ngoài khả năng điều chỉnh, thêm bớt câu hỏi, bài tập, GV có thể thay đổi trình tự các bước tổ chức hoạt động dạy học và tăng giảm thời lượng cho từng hoạt động, miễn là giúp cho hoạt động dạy học đạt được kết quả, HS có hứng thú với việc học và phát triển phẩm chất, năng lực một cách hiệu quả.

5.2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, tham khảo

Môn Tiếng Việt lớp 5 có ba loại tài liệu: SGK, SGV và các sách/vở bổ trợ, tham khảo, tạo thành một bộ tài liệu dạy học có sự kết nối chặt chẽ với nhau.

Ngoài SGK và SGV như đã giới thiệu ở trên, môn Tiếng Việt lớp 5 còn có các sách/vở bổ trợ như: *Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập một* và *Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập hai*. Các tài liệu này tuy không phải tài liệu bắt buộc, nhưng khi tổ chức dạy học, GV có thể khuyến khích HS sử dụng vì: Nhờ thực hiện các bài tập trong vở bài tập (hoặc ghi chép những điều cần thiết vào vở ghi riêng của HS), HS không phải viết vào SGK, nên SGK có thể dùng được nhiều lần (giữ lại dành tặng cho các em năm học sau). Nội dung *Vở bài tập Tiếng Việt 5* bám sát các hoạt động ở từng bài học trong SGK song được thiết kế, trình bày thành các dạng bài tập ngắn và đa dạng, HS có thể hoàn thành nhanh và cảm thấy hứng thú khi thực hiện những bài tập có hình thức trình bày mới mẻ hơn so với SGK.

Các sách/vở bổ trợ cho HS nói chung đều được biên soạn theo hướng bám sát hệ thống các chủ điểm và nội dung bài học ở SGK, nhằm tăng vốn hiểu biết và phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cho HS, chủ yếu là kỹ năng đọc và viết, đáp ứng mục tiêu bộ sách đã đặt ra và phù hợp với tất cả các vùng miền. Mặt khác, nhằm đáp ứng năng lực học tập khác nhau của HS, các sách/vở bổ trợ nói trên cũng đã cố gắng thiết kế các loại, dạng bài tập đáp ứng được nhu cầu phân hoá của HS.

Đối với GV, ngoài SGV, quý thầy cô có thể tham khảo thêm các tư liệu: các video tiết học minh hoạ cho từng hoạt động trong SGK, kế hoạch bài dạy cũng

như các tư liệu bổ trợ khác được đăng tải trên các nền tảng số của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN).

5.3. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên, học liệu điện tử

5.3.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử

Trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025”, NXBGDVN đã khấn trương triển khai việc ứng dụng CNTT trong công tác tập huấn GV sử dụng các bộ SGK của NXBGDVN, cũng như phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK.

Cụ thể hơn, kể từ năm 2019, NXBGDVN giới thiệu hai nền tảng sau:

- Một là nền tảng sách điện tử *Hành trang số* cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát CT, SGK mới, qua đó giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ CNTT trong quá trình tiếp cận CT mới.
 - Hai là nền tảng *Tập huấn* GV trực tuyến. *Tập huấn* hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận các tài liệu tập huấn, bổ trợ và hướng dẫn giảng dạy CT, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Các tài liệu chính thống được NXBGDVN cung cấp xuyên suốt tới các cấp quản lý giáo dục (QLGD) và GV sử dụng các bộ SGK.
 - NXBGDVN cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lý trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* như sau:
- + *Tiếp tục cập nhật nguồn tài nguyên sách đổi mới*

Trong năm 2024, NXBGDVN tiếp tục thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp kho tài nguyên bao gồm: học liệu điện tử hỗ trợ việc dạy và học, công cụ hỗ trợ

giảng dạy và tự luyện tập, tài liệu tập huấn GV,... xuyên suốt trong năm. Tiến độ cập nhật kho tài nguyên sẽ đồng hành với tiến trình thay SGK theo CT GDPT 2018. Dự kiến khối lượng học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* trong năm 2024 là khoảng hơn 4000 học liệu, bao gồm lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5, lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 9, lớp 10, lớp 11, lớp 12 theo CT và SGK mới. Ngoài ra, tài nguyên tập huấn GV trực tuyến và các thông tin giới thiệu về bộ SGK sẽ được đăng tải nhanh chóng và kịp thời từ giai đoạn đầu năm 2024.

- + Đảm bảo cách thức tiếp cận (nguồn tài nguyên sách) dễ dàng, có tính ứng dụng cao
- Đối với nền tảng sách điện tử *Hành trang số*, việc tiếp cận học liệu điện tử theo sách được thực hiện qua hai bước sau: (1) Người dùng cào tem phủ nhũ phía sau bìa sách để nhận mã sách điện tử; (2) Người dùng đăng nhập trên nền tảng *Hành trang số* và nhập mã sách điện tử đối với cuốn sách mình muốn mở học liệu điện tử. Sau khi hệ thống xác nhận mã sách chính xác, người dùng được mở toàn bộ học liệu điện tử đi kèm cuốn sách.
- Đối với nền tảng *Tập huấn GV* trực tuyến, các tài liệu tập huấn được đăng tải rộng rãi và được truy cập bất kì thời điểm nào trong năm. Người dùng có thể sử dụng tính năng “Trải nghiệm ngay” để tiếp cận tài liệu mà không cần đăng nhập. Có thể xem trực tiếp các tài liệu trên nền tảng hoặc tải về máy phục vụ mục đích học tập. Nhằm hỗ trợ tối đa cho các cán bộ QLGD, GV và HS trên cả nước sử dụng hiệu quả hai nền tảng *Hành trang số* và *Tập huấn* trong dạy và học, cũng như cung cấp thông tin về các nguồn tài nguyên sách được đăng tải, NXBGDVN đã và đang triển khai Đường dây hỗ trợ – 19004503 (hoạt động 08:00 – 17:00, từ thứ Hai đến thứ Sáu). Các câu hỏi liên quan tới hai nền tảng trên có thể gửi về địa chỉ email: taphuan.sgk@nxbgd.vn và hotro.hts@aesgroup.edu.vn để được giải đáp. Ngoài ra, tài liệu hướng dẫn sử dụng cũng được đăng tải trên hai nền tảng và chia sẻ rộng rãi, người dùng có thể trực tiếp tra cứu và tìm hiểu.

5.3.2. Hướng dẫn khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

a. Giới thiệu về *Hành trang số*

Hành trang số là nền tảng sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền hanhtrangso.nxbgd.vn. *Hành trang số* cung cấp phiên bản số hoá của SGK theo CT GDPT 2018 và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các

công cụ hỗ trợ việc giảng dạy, học tập của GV và HS. *Hành trang số* bao gồm ba tính năng chính: Sách điện tử; Luyện tập; Thư viện.

- Tính năng “Sách điện tử” cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK theo CT mới. Trong đó, *Hành trang số* tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đánh dấu trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra, đánh giá,... Người dùng có thể truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc dạy và học trên lớp cũng như việc tự học tại nhà.
- Tính năng “Luyện tập” cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và Vở bài tập của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân thiện cùng các công cụ hỗ trợ hoạt động tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn làm bài tập, Bàn phím ảo, Tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, Vở bài tập, *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài tập tự kiểm tra, đánh giá bám sát CT, SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.
- Tính năng “Thư viện” cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ CT, SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: video, gif/hình ảnh, âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục của SGK và bám sát hình ảnh, CT, qua đó giúp cho bài học thêm sinh động và phong phú. *Hành trang số* đồng thời cung cấp hệ thống bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng Kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, *Hành trang số* mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

b. Giới thiệu về Tập huấn

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. *Tập huấn* cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy CT, SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

Việc cấp tài khoản trên Tập huấn được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: sở giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho các phòng giáo dục và đào tạo; phòng giáo dục và đào tạo cấp tài khoản cho nhà trường, nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lý có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

- Đối với tài khoản GV: Tính năng “Tập huấn” cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn với định dạng đa dạng như: PowerPoint, PDF/Word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: tài liệu tập huấn, bài giảng tập huấn, tiết học minh hoạ, video tập huấn trực tuyến, video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ quý thầy cô truy cập vào bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.
- Đối với tài khoản cấp QLGD (sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, nhà trường): Tính năng “Tài liệu bổ sung” cho phép các cơ quan quản lý giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng “Tổng kê” cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng excel phục vụ công tác báo cáo của cấp QLGD.

c. Giới thiệu về nguồn tài nguyên học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn bộ SGK *Kết nối tri thức với cuộc sống* ở các lớp 5, 9, 12 cho tất cả các môn học và hoạt động giáo dục như: video tiết học minh hoạ; tài liệu tập huấn (PDF, PowerPoint, Word); hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học; bài kiểm tra, đánh giá; video lớp học trực tuyến;... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

Khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định: “Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra, đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học,

thí nghiệm ảo,...” Học liệu điện tử được phân làm hai loại: (1) Tương tác một chiều: Học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh,..., hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; (2) Tương tác đa chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...

- Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, tính tới tháng 4 năm 2024, NXBGDVN đã đăng tải hơn 5000 học liệu điện tử đối với 2 bộ SGK lớp 5, 9, 12, tổng số học liệu điện tử được đăng tải trên *Hành trang số* là hơn 5000 học liệu điện tử, với định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng PowerPoint và PDF,... hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị bộ SGK.
- Đối với tương tác đa chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 25000 bài tập tương tác theo CT lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5, lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 9, lớp 10, lớp 11, lớp 12. Trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: trắc nghiệm 1 đáp án đúng, trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, chọn đúng – sai, điền câu trả lời vào ô trống, điền từ vào chỗ trống, nối hình, select box, tự luận.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lý của mỗi bộ sách, tham vấn các GV, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

d. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên học liệu điện tử trong các hoạt động dạy học

Quý thầy cô có thể linh động sử dụng các nguồn tài nguyên do NXBGDVN cung cấp như sau:

- Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng “Thư viện”, các thầy, cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này trong việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học thêm sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ thầy cô trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.
- Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, sách bổ trợ, *Hành trang số* cũng cung cấp bài tập tự kiểm tra, đánh giá tại tính năng “Luyện tập”. Với nguồn bài tập phong phú này,

GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.

- Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng PowerPoint – song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng “Thư viện”, các thầy cô có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được *Hành trang số* xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGK và SGK.
- Ngoài ra, quý thầy cô cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng *Hành trang số* kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; đọc sách điện tử; xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,... Như vậy, quý thầy cô có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng trong nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1 QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1.1. Các văn bản hướng dẫn và tài liệu dạy học

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (ban hành ngày 18/12/2020).
- Phụ lục IV kèm theo Công văn 5512 về Khung kế hoạch bài dạy.
- SGK Tiếng Việt lớp 5.
- SGV Tiếng Việt lớp 5.

1.2. Các bước thiết kế kế hoạch bài dạy

- Xác định bài dạy, mục tiêu bài dạy, các thiết bị và học liệu cần chuẩn bị.
- Xác định các hoạt động chính của bài dạy (gồm Đọc, Viết, Nói và nghe).
- Xác định mục tiêu, nội dung, sản phẩm và cách tổ chức thực hiện từng hoạt động dạy học cụ thể (được quy thành 4 nhóm: khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng).

2 BÀI SOẠN MINH HOẠ

TUẦN 5. THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

BÀI 9. TRƯỚC CÔNG TRỜI (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Kiến thức tiếng Việt:* Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau.
- Kiến thức văn học:* Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ.

2. Năng lực

a. Đọc

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Trước công trời*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.

- Đọc hiểu: Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng... qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,... Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hoà với thiên nhiên và đầy sức sống.

b. *Viết*: Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.

3. Phẩm chất

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống.
- Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị

- Tranh ảnh minh hoạ bài thơ (tranh ảnh trong SGK); tranh ảnh (sưu tầm) về cổng trời (của Việt Nam và nước ngoài) để đọc hiểu tốt hơn bài thơ *Trước cổng trời*.
- Clip tiếng suối chảy, tiếng thác reo (nếu có).
- Thẻ từ hoặc phiếu học tập bài *Từ đồng nghĩa*.
- Phiếu học tập của tiết Viết, bài tập (BT) 1c.

2. Học liệu

- Tài liệu viết về vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, nghệ thuật của thơ ca.
- Một số bài văn tả cảnh thiên nhiên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Hành tinh kì lạ*, mỗi em trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài đọc hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD:

- Em thấy chi tiết nào thú vị trong câu chuyện?
- Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ đề *Thế giới tuổi thơ*?
- ...

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu

Giúp HS có tâm thế tiếp nhận các bài học của chủ điểm mới (*Thiên nhiên kì thú*) nói chung và hào hứng đón nhận bài thơ *Trước cổng trời*.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giới thiệu chủ điểm mới. (VD: Chủ điểm <i>Thế giới tuổi thơ</i> khép lại bằng câu chuyện khoa học viễn tưởng <i>Hành tinh kì lạ</i> đầy thú vị. Chủ điểm thứ hai có tên “Thiên nhiên kì thú”, bức tranh minh hoạ chủ điểm đã hứa hẹn mang đến cho các em những hiểu biết mới lạ, thú vị về thế giới tự nhiên ở quanh ta hoặc ở rất xa chúng ta.	
Giao việc cho HS – Yêu cầu HS quan sát và nêu nội dung bức tranh minh hoạ chủ điểm. – Khích lệ HS nêu suy nghĩ, cảm nhận riêng về bức tranh.	Làm việc chung cả lớp – Quan sát tranh chủ điểm, nêu nội dung tranh, vẽ đẹp của cảnh vật thiên nhiên trong tranh. – 1 – 2 em nêu nội dung tranh và phát biểu ý kiến. VD: <i>Tranh chủ điểm minh hoạ thế giới thiên nhiên, gồm núi rừng, sông suối, cây cỏ, muông thú,... và hoạt động tìm hiểu, khám phá thiên nhiên của các bạn nhỏ.</i>
Nhận xét các ý kiến phát biểu của HS và nêu yêu cầu của hoạt động Khởi động.	Làm việc nhóm – Quan sát tranh minh hoạ bài thơ <i>Trước cổng trời</i> và trả lời câu hỏi: Theo em, vì sao cảnh vật trong bức tranh được gọi là “cổng trời”? – Từng em nêu ý kiến, cả nhóm chuẩn bị câu trả lời của nhóm dựa trên ý kiến của từng cá nhân. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Có thể mời 1 HS nhắc lại những ý kiến có sức thuyết phục hoặc GV có thể tổng hợp các ý kiến của HS. VD: <i>Trong tranh có 2 vách đá ở sát gần nhau như 2 cánh cổng mở ra để nhìn thấy một khoảng trời với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng lên trời hoặc cổng nhà trời.</i> – Giới thiệu khái quát về bài thơ, VD: <i>Bức tranh minh họa đã giúp các em cảm nhận phần nào về cảnh sắc thiên nhiên được nói đến trong bài thơ. Chúng ta sẽ đọc bài thơ để cảm nhận rõ hơn sự kì thú của thiên nhiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh gửi đến cho người đọc.</i>	

3. Hoạt động 3: Hình thành kiến thức mới và thực hành, luyện tập

3.1. Luyện đọc

a. Mục tiêu

HS nhận biết được cách đọc, luyện đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Trước cổng trời*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.

b. Tổ chức thực hiện

– Đọc mẫu:

GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp: những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật) hoặc mời 3 em đọc nối tiếp các khổ thơ (mỗi em đọc 2 khổ). Trước khi đọc, GV nhắc HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc theo để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình.

– Luyện đọc đúng:

+ GV hướng dẫn đọc đúng:

- Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: vách đá, ngút ngát, vạt nương, lòng thung, gặt lúa, nắng chiều,...
- Đọc đúng ngữ điệu: Đọc câu hỏi gợi vẻ ngạc nhiên ngỡ ngàng ở khổ thơ mở đầu (“Giữa hai bên vách đá/ Mở ra một khoảng trời/ Có gió thoảng, mây trôi/ Cổng trời trên mặt đất?”); nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đặc biệt của thiên nhiên vùng núi cao (VD: ngút ngát, ngân nga,...).

+ HS luyện đọc theo nhóm:

- HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (3 em/ nhóm): đọc nối tiếp các khổ thơ (1 – 2 lượt).

- GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm (có thể mời 3 HS đọc nối tiếp bài thơ trước lớp).

3.2. Đọc hiểu

a. Mục tiêu

Theo sự hướng dẫn của GV, HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu, cảm nhận được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng... và những con người yêu lao động, dạt dào sức sống, hiện lên chan hoà với thiên nhiên tươi đẹp.

b. Tổ chức thực hiện

- *Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:*
- + GV mời HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ cuối bài đọc, có thể sử dụng thêm tranh ảnh sưu tầm để HS dễ hình dung các từ ngữ này.

VD:

- + Nguyên sơ: còn nguyên vẻ tự nhiên như lúc ban đầu (sử dụng tranh, ảnh về những cánh rừng mà con người chưa khai phá, tác động).
- + Vạt nương: mảnh đất dài và hẹp trên đồi núi để trồng trọt (sử dụng tranh, ảnh về những nương lúa chín ở vùng cao).
- + Triển: dải đất thoải thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi (sử dụng tranh, ảnh về những triển núi).
- + GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài thơ mà HS chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài.

VD:

- + Áo chàm: một loại trang phục truyền thống của dân tộc Tày, Nùng, Thái và nhiều dân tộc khác trên vùng núi cao phía Bắc Việt Nam. Áo được nhuộm chàm (cây bụi thuộc họ đậu, lá cho một chất màu lam sẫm, dùng để nhuộm, in, vẽ).
- + *Ráng chiều*: hiện tượng ánh sáng mặt trời lúc đang lặn, phản chiếu vào các đám mây, làm cho một khoảng trời sáng rực, nhuộm màu vàng đỏ hay hồng sẫm.
- + ...

- *Hướng dẫn trả lời câu hỏi đọc hiểu:*

GV có thể tổ chức hoạt động theo 1 trong 3 cách dưới đây:

- + Cách 1: Làm việc chung cả lớp (nêu lần lượt từng câu hỏi, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm,... rồi mời một số HS phát biểu trước lớp, cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung, thống nhất câu trả lời).

- + Cách 2: Làm việc theo nhóm (các nhóm trao đổi, thảo luận để thống nhất câu trả lời cho từng câu hỏi, sau đó 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp để các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung).
- + Cách 3: Làm việc cá nhân (GV phát phiếu học tập cho từng HS, các em viết vắn tắt câu trả lời vào phiếu, sau đó GV nêu từng câu hỏi và mời HS trả lời dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị).

Dưới đây là gợi ý về câu trả lời cho các câu hỏi trong SGK.

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
C	Hướng dẫn trả lời câu hỏi 1 – Nêu câu hỏi: <i>Dựa vào khổ thơ thứ nhất, hãy miêu tả khung cảnh “cổng trời” theo hình dung của em.</i> – Hướng dẫn HS: Các em dựa vào khổ thơ thứ nhất và tranh minh hoạ để trả lời câu hỏi này. Các em có thể miêu tả khung cảnh cổng trời theo sự hình dung của mình.	Làm việc cá nhân Đọc khổ 2, quan sát tranh, chuẩn bị câu trả lời. Làm việc theo cặp/ nhóm Từng em trả lời theo cách cảm nhận, hình dung của mình.
		Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, cả lớp nhận xét.
	1 HS nhắc lại ý kiến có sức thuyết phục hoặc GV có thể tổng hợp các ý kiến của HS. VD: <i>Giữa những dãy núi trùng điệp, có một khoảng không rộng như thể núi tách ra thành 2 cánh cổng, để lộ khoảng trời rộng mở với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng dẫn lên trời hoặc cổng của nhà trời.</i>	
C	Hướng dẫn trả lời câu hỏi 2 – Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?</i> – Hướng dẫn HS: Các em đọc lướt bài thơ để tìm những hình ảnh được nhìn ngắm qua cổng trời, từ cổng trời. Có thể tả lần lượt từng hình ảnh được nhắc đến trong bài thơ, không nhất thiết theo đúng trình tự xuất hiện. Sau đó, các em cần nêu hình ảnh mình thấy thú vị nhất và giải thích lí do. – Khích lệ HS nêu cách hiểu, cách suy luận của mình trước lớp.	Làm việc cá nhân Chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. Làm việc theo cặp/ nhóm Từng em trả lời theo cách cảm nhận, hình dung của mình, cả nhóm nhận xét. Làm việc chung cả lớp – 1 – 2 HS trả lời ý thú nhất: <i>Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào?</i> – Cả lớp nhận xét.

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	Câu trả lời tham khảo <i>Từ cổng trời nhìn ra, qua màn sương khói huyền ảo có thể thấy cả một không gian mênh mông, bất tận, những cảnh rừng ngút ngàn cây trái và muôn vàn sắc màu cỏ hoa, những vạt nương, những lòng thung lúa đã chín vàng màu mật đọng, khoảng trời bồng bênh mây trôi, gió thoảng. Xa xa kia là thác nước trắng xoá đổ xuống từ triền núi cao, vang vọng, ngân nga như khúc nhạc của đất trời. Dưới chân núi, bên dòng suối trong vắt nhìn thấu tới đáy, đàn dê thông dong soi bóng mình xuống suối. Không gian nơi đây gợi vẻ nguyên sơ, bình yên như thể hàng ngàn năm nay vẫn vậy.</i>	
	- Mời một số em nêu hình ảnh mình thấy thú vị nhất và giải thích lí do. - Khích lệ HS nêu cách hiểu, cách suy luận của mình trước lớp, khen ngợi các em có câu trả lời thể hiện cảm nhận riêng, diễn đạt có sức lôi cuốn,...	Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét, chú ý tôn trọng sự khác biệt.
	HS có thể trả lời: <i>Em thích hình ảnh đứng ở cổng trời nhìn ra, thấy khoảng không có gió thoảng, mây trôi, tưởng như đó là cổng đi lên trời, đi vào thế giới thần tiên trong truyện cổ tích.</i> <i>Em thích những hình ảnh thiên nhiên hùng vĩ nhìn từ cổng trời: muôn sắc màu tươi rói của cỏ hoa, con thác trắng xoá từ trên núi đổ xuống, ngân nga, vang vọng.</i> <i>Em thích hình ảnh dòng suối trong vắt, bên bờ suối, đàn dê soi bóng mình dưới đáy suối.</i> <i>Em thích hình ảnh ráng chiều vàng óng ả như nối đất với trời...</i>	
C	Hướng dẫn trả lời câu hỏi 3 - Nêu câu hỏi (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi): <i>Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?</i> - Gợi ý HS cách thực hiện: Tìm những câu thơ nói về con người, từ đó tìm ra điểm chung theo suy nghĩ, suy luận hợp lí, thú vị của từng em.	Làm việc theo cặp/ nhóm Từng em trả lời, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	Câu trả lời tham khảo	
	Hình ảnh con người được tả người trực tiếp	Hình ảnh con người được tả người gián tiếp
	Người Tày từ khắp ngã Đi gặt lúa, trồng rau Những người Giáy, người Dao Đi tìm măng, hái nấm.	Những vật nường màu mật Lúa chín ngập lòng thung Và tiếng nhạc ngựa rung Suốt triển rừng hoang dã Vạt áo chàm thấp thoáng Nhuộm xanh cả nắng chiều
	<i>Hình ảnh con người hiện lên chan hoà với thiên nhiên, chăm chỉ, yêu lao động, ai cũng đang làm việc miệt mài, hăng say: gặt lúa, trồng rau, tìm măng, hái nấm,... Hình ảnh “Những vật nường màu mật/ Lúa chín ngập lòng thung” cũng gián tiếp nói lên phẩm chất đáng quý của những con người lao động vùng cao.</i>	
C	Hướng dẫn trả lời câu hỏi 4 – Yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời để trao đổi trước lớp: <i>Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?</i> – Có thể định hướng cho HS cách suy nghĩ, suy luận để tìm câu trả lời. VD: Bài thơ gợi lên một không gian hùng vĩ, khoáng đạt, với núi non, mây trời trải ra bất tận... Nếu thiếu vắng hình ảnh con người, cảnh vật sẽ ra sao?	Làm việc cá nhân Chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV. (Có thể viết các ý trả lời vào vở/ giấy nháp)
	Khen ngợi những HS có câu trả lời thuyết phục. Tổng hợp các ý kiến của HS.	Làm việc chung cả lớp Một số em phát biểu ý kiến. Cả lớp nhận xét, chú ý tôn trọng sự khác biệt.
	Câu trả lời tham khảo <i>Cảnh rừng sương giá như ấm lên bởi có hình ảnh con người, ai nấy đều đang làm việc (Người Tày từ khắp các ngã đi gặt lúa, trồng rau; Những người Giáy, người Dao đi tìm măng, hái nấm; Người cưỡi ngựa, tiếng nhạc ngựa âm vang suốt triển rừng hoang dã; Những người dân với màu áo chàm như nhuộm xanh cả nắng chiều,...). Hình ảnh con người hăng say lao động, tất bật, hối hả trong công việc hoà với tiếng gió thổi, tiếng suối reo đã làm cho cảnh rừng sương giá như ấm lên.</i>	

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
C	Hướng dẫn trả lời câu hỏi 5 Nêu câu hỏi 5: <i>Nêu chủ đề của bài thơ.</i> (Với câu hỏi này, GV có thể giải thích cho HS: Chủ đề của bài thơ là nội dung trọng tâm, là vấn đề chính mà tác giả muốn nói trong bài thơ).	Làm việc theo nhóm Từng em trả lời theo cảm nhận của cá nhân, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.
	Câu trả lời tham khảo <i>Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên. Thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người./...</i>	

3.3. Đọc thuộc lòng

a. Mục tiêu

HS có kĩ năng học thuộc lòng bài thơ, giúp các em có thể nhớ lâu bài thơ, học tập được cách dùng từ, viết câu giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

b. Tổ chức thực hiện

- *Học thuộc lòng*: HS làm việc cá nhân, tự học thuộc lòng toàn bài (luyện đọc nhiều lần từng khổ thơ).
- *Thi đọc thuộc lòng*: HS xung phong đọc thuộc lòng trước lớp.
(GV nhắc HS về tiếp tục nhà học thuộc lòng bài thơ, nếu chưa thuộc).

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu

Hoạt động Vận dụng cuối tiết ĐỌC giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về bài thơ.

b. Tổ chức thực hiện

- GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ.
- HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.

VD:

Đọc bài thơ *Trước cổng trời*, em thực sự thấy thú vị. Thiên nhiên thật kì diệu, như thể có bàn tay xếp đặt, tô vẽ của tạo hoá, của “Mẹ Thiên Nhiên”./ Em yêu thích vẻ đẹp hoang sơ, trong lành, thơ mộng của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao. Em mong ước một ngày được tận mắt ngắm cảnh cổng trời như vậy./ Qua những câu thơ giàu hình ảnh, gọi âm thanh, sắc màu, em thấy thích thú trước vẻ đẹp của thiên nhiên miền núi cao và những con người hiền lành, lao động cần cù, chăm chỉ. Chính họ đã góp phần tô điểm thêm vẻ đẹp của quê hương, đất nước...

- GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết học hiệu quả.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Giúp HS nhớ lại bài học về từ ngữ có nghĩa giống nhau và nêu được một số từ ngữ có nghĩa giống nhau đã học ở các lớp trước.

b) Tổ chức thực hiện

- GV tự thiết kế hoạt động Khởi động cho tiết học để giúp HS huy động những kiến thức có liên quan đến bài học về từ đồng nghĩa. Có thể thực hiện theo gợi ý nêu dưới đây:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS		
– Dẫn dắt và nêu nhiệm vụ cho HS:	Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm Quan sát màn hình hoặc phiếu học tập. Trao đổi và nêu đáp án.		
– GV chiếu BT trên màn hình hoặc giao phiếu học tập như dưới đây:			
Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong bài thơ dưới đây: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center; vertical-align: top;"> Cò biết ở sạch Cò mải mê nhặt ốc Chui giữa lách với lau. Đôi cánh cò trắng phau Bị lấm đầy bùn đất! </td><td style="width: 50%; text-align: center; vertical-align: top;"> Nhưng cò biết ở sạch Vội vã bước ra sông Cò tắm gội sạch bong Lại tung bay trắng toát! (Võ Quảng) </td></tr> </table>		Cò biết ở sạch Cò mải mê nhặt ốc Chui giữa lách với lau. Đôi cánh cò trắng phau Bị lấm đầy bùn đất!	Nhưng cò biết ở sạch Vội vã bước ra sông Cò tắm gội sạch bong Lại tung bay trắng toát! (Võ Quảng)
Cò biết ở sạch Cò mải mê nhặt ốc Chui giữa lách với lau. Đôi cánh cò trắng phau Bị lấm đầy bùn đất!	Nhưng cò biết ở sạch Vội vã bước ra sông Cò tắm gội sạch bong Lại tung bay trắng toát! (Võ Quảng)		
– Nhận xét kết quả làm việc của các cặp/ các nhóm. – Thống nhất đáp án: + trắng phau – trắng toát + sạch – sạch bong	Làm việc chung cả lớp Một số HS nêu kết quả làm việc của cặp/ nhóm trước lớp		

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu

Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và những từ có nghĩa gần giống nhau trong câu, trong đoạn văn, đoạn thơ.

b) Tổ chức thực hiện

GV cần phát huy những kiến thức về từ có nghĩa giống nhau đã được học và luyện tập ở lớp 3 và lớp 4 để lựa chọn cách thức tổ chức hoạt động học tập một cách linh hoạt, phù hợp với HS trong lớp. Với mỗi BT, GV cần dành thời gian hợp lý cho HS tự đọc yêu cầu và làm bài trước khi tổ chức chữa bài trong nhóm hoặc trước lớp. Ví dụ:

- BT 1: HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để trao đổi, tranh luận, giúp nhớ lại kiến thức đã biết về từ có nghĩa giống nhau.
- BT 2: HS làm việc cá nhân để phát huy năng lực tự học, khả năng suy nghĩ và làm việc độc lập.

(Sau khi HS đã hoàn thành BT 1 và BT 2, GV hướng dẫn HS nhận biết khái niệm (Ghi nhớ) từ đồng nghĩa)

- BT 3 và BT 4: HS làm việc cá nhân (làm bài vào phiếu học tập hoặc vở bài tập, nếu có), sau đó đối chiếu kết quả theo nhóm hoặc chữa bài trước lớp.

Dưới đây là gợi ý về đáp án cho các bài tập trong SGK.

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Bài tập 1	Mời 2 HS, mỗi em đọc 1 đoạn văn ở BT1, sau đó GV đọc yêu cầu của BT1, nhắc HS chú ý các từ được in đậm để có câu trả lời đúng cho câu hỏi a và b.	Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm – Nghe đọc BT 1. – Đọc kĩ các từ in đậm. – Trả lời câu hỏi a, b. – Nêu đáp án.
	– Mời đại diện 1 – 2 nhóm chữa bài trước lớp. – Khích lệ HS giải thích lí do mà nhóm chọn đáp án đó.	Làm việc chung cả lớp 1 – 2 HS trả lời câu hỏi a, b / nêu đáp án; cả lớp nhận xét.
	Tham khảo cách trình bày kết quả BT 1:	
	Đoạn a chứa các từ có nghĩa gần giống nhau: <i>khuân, tha, vác, nhắc</i> .	4 từ đều nói về hành động tác động vào một vật nặng (thường là mang/chuyển) và làm cho vật đó thay đổi vị trí. – Nét nghĩa khác nhau: cách thức tác động và làm cho vật thay đổi vị trí. + <i>khuân</i>: khiêng vác đồ vật nặng; + <i>tha</i>: mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ; + <i>vác</i>: mang vật nặng bằng cách đặt lên vai; + <i>nhắc</i>: nâng lên, đưa lên cao hơn.

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS												
	Đoạn b chứa các từ có nghĩa giống nhau: <i>ban mai, sáng sớm</i> .	2 từ này đều nói về thời điểm bắt đầu buổi sáng, sắp bắt đầu một ngày mới.												
Bài tập 2	– Mời 3 HS đọc nội dung BT 2.	– 1 HS đọc câu lệnh và nhóm từ a. – 1 HS đọc nhóm từ b. – 1 HS đọc nhóm từ c.												
	Hướng dẫn HS phải so sánh nghĩa của các từ trong mỗi nhóm để xác định những từ nào có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau (cùng nói về điều gì). Có 2 cách làm: – Cách 1: Tìm trong mỗi nhóm các từ có nghĩa giống nhau (để loại ra từ có nghĩa khác với từ còn lại). – Cách 2: Tìm từ có nghĩa khác với các từ trong nhóm.	Làm việc cá nhân – Đọc từng nhóm từ. – Đánh dấu (nếu có phiếu học tập/ vở bài tập) vào các từ có nghĩa giống nhau hoặc viết các từ cần loại khỏi nhóm (vì có nghĩa khác với các từ còn lại).												
	Nhận xét chung và chốt đáp án.	Làm việc nhóm hoặc cả lớp. – 1 HS chữa câu hỏi a, cả nhóm/ lớp nhận xét và thống nhất kết quả. – 1 HS chữa câu hỏi b, cả nhóm/ lớp nhận xét và thống nhất kết quả. – 1 HS chữa câu hỏi c, cả nhóm/ lớp nhận xét và thống nhất kết quả.												
	Tham khảo cách trình bày kết quả BT 2:													
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>N</th><th>Những từ có nghĩa giống nhau</th><th>Từ không cùng nhóm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a</td><td>chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó</td><td>sắt đá</td></tr> <tr> <td>b</td><td>non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia</td><td>núi non</td></tr> <tr> <td>c</td><td>yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh</td><td>bình tĩnh</td></tr> </tbody> </table>	N	Những từ có nghĩa giống nhau	Từ không cùng nhóm	a	chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó	sắt đá	b	non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia	núi non	c	yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh	bình tĩnh	
N	Những từ có nghĩa giống nhau	Từ không cùng nhóm												
a	chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó	sắt đá												
b	non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia	núi non												
c	yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh	bình tĩnh												
	Lưu ý: Sau khi thống nhất đáp án của BT 1 và BT 2, GV nói với HS về khái niệm từ đồng nghĩa nêu trong Ghi nhớ. Nhắc các em lưu ý: Nghĩa của một số từ đồng nghĩa giống nhau và nghĩa của một số từ đồng nghĩa chỉ gần giống nhau. Do đó, khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ ngữ thích hợp nhất.													

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS					
Bài tập 3	- Mời 1 HS đọc nội dung BT 3. - Có thể hỏi HS thành ngữ nào các em chưa hiểu để mời các HS khác hoặc GV giải thích. - Nhắc HS đọc kĩ từng câu thành ngữ để xác định câu nào chứa các từ đồng nghĩa và đó là những từ nào	Làm việc cá nhân - Làm bài vào phiếu học tập hoặc vở bài tập, nếu có). - Đối chiếu kết quả bài làm theo nhóm.					
	Có thể tổ chức chữa bài theo hình thức thi đua giữa các nhóm: Ai nhanh, ai đúng? - Thành lập các nhóm, gấp thăm để chọn 2 hoặc 3 nhóm dự thi (tùy không gian lớp rộng hay hẹp). - Các bộ thẻ từ đã đảo thứ tự các thẻ. - Hướng dẫn cách tiến hành cuộc thi.	Làm việc chung cả lớp - Các nhóm xem lại đáp án của nhóm. 2 hoặc 3 nhóm thi cùng 1 lúc (mỗi nhóm có 3 hoặc 6 HS). - Cuộc thi chia làm 2 vòng: - Vòng 1: Khi hiệu lệnh cho phép thực hiện nhiệm vụ, lần lượt từng HS của mỗi nhóm lên nhắc 1 thẻ từ lên đọc và xếp vào rổ/ ô /cột phù hợp (có chứa từ đồng nghĩa / không chứa từ đồng nghĩa). Các đội có nhiều đáp án đúng nhất và nhanh hơn, được vào vòng 2. - Vòng 2: Khi hiệu lệnh bắt đầu, đội thi cần chỉ rõ (gạch chân / viết) những cặp từ đồng nghĩa có trong các thành ngữ đã chọn. Đội thắng cuộc là đội nêu đáp án đúng và nhanh nhất.					
	Đáp án: <table><tr><th>Thành ngữ chứa từ đồng nghĩa</th><th>Từ đồng nghĩa</th></tr><tr><td><i>Ngăn sông cấm chợ</i></td><td>Có 1 cặp từ đồng nghĩa: ngăn, cấm</td></tr><tr><td><i>Thay hình đổi dạng</i></td><td>Có 2 cặp từ đồng nghĩa: - thay, đổi - hình, dạng </td></tr></table>		Thành ngữ chứa từ đồng nghĩa	Từ đồng nghĩa	<i>Ngăn sông cấm chợ</i>	Có 1 cặp từ đồng nghĩa: ngăn, cấm	<i>Thay hình đổi dạng</i>
Thành ngữ chứa từ đồng nghĩa	Từ đồng nghĩa						
<i>Ngăn sông cấm chợ</i>	Có 1 cặp từ đồng nghĩa: ngăn, cấm						
<i>Thay hình đổi dạng</i>	Có 2 cặp từ đồng nghĩa: - thay, đổi - hình, dạng						
Bài tập 4	- Nhắc HS tự đọc thầm yêu cầu và nội dung BT 4. - Lưu ý HS: Cần dựa vào nội dung của câu trong đoạn văn để chọn 1 từ có nét nghĩa phù hợp nhất trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa rồi đọc lại câu với từ đã chọn xem có thật phù hợp hay không.	Làm việc cá nhân - Đọc kĩ đoạn văn và các từ trong ngoặc đơn để chọn ra 1 từ thích hợp nhất với câu văn/ đoạn văn. - Làm bài vào phiếu học tập hoặc vở bài tập, nếu có. - Đối chiếu kết quả bài làm theo nhóm.					

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	Hướng dẫn HS cách thực hiện BT 4. VD: - Cách 1: 1 HS chữa toàn bài, sau đó mời HS khác góp ý cách lựa chọn từ trong mỗi nhóm (1), (2), (3), (4). - Cách 2: Chữa lần lượt từng nhóm từ, mỗi nhóm từ mời 1 HS nêu cách chọn, cả lớp nhận xét, góp ý.	Làm việc chung cả lớp 1 HS chữa bài (theo hướng dẫn của GV). - Cả lớp đối chiếu kết quả với bạn lên chữa bài và nêu nhận xét, góp ý.
	Đáp án: Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn bắt đầu mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá tốt tươi tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất no đủ, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian đói khát mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.	

GV có thể khích lệ HS giải thích cách lựa chọn của mình (Vì sao không chọn các từ còn lại?). VD:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn bắt đầu mùa mưa.	Không chọn <i>khai mạc</i> vì <i>khai mạc</i> chỉ dùng trong trường hợp bắt đầu/mở đầu một buổi biểu diễn hay một buổi lễ.
2	Mưa tới đâu, cỏ lá tốt tươi tới đó.	Chọn <i>tươi tốt</i> vì từ này diễn tả được đặc điểm của cây cối xanh tốt do được phát triển trong điều kiện thuận lợi. Không chọn <i>tươi tắn</i> vì từ này còn có nét nghĩa “ánh lên niềm vui” (nụ cười tươi tắn).
3	P phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất no đủ , nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian đói khát mùa thu.	- Câu văn nói về một vùng đất, từ no đủ phù hợp để nói về đời sống vật chất của một nơi sinh sống. Không chọn <i>no nê</i> vì từ này chỉ nói về cảm giác ăn một bữa no. - Chọn <i>đói khát</i> vì từ này diễn tả sự thiếu ăn, khổ cực. Không chọn <i>đói rách</i> vì từ này diễn tả cảnh sống khổ cực của con người (ăn đói, mặc rách).

3. Hoạt động 3: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Hoạt động Vận dụng cuối tiết LUYỆN TỪ VÀ CÂU giúp HS củng cố kiến thức đã học về từ đồng nghĩa.

b) Tổ chức thực hiện

GV tự thiết kế hoạt động Vận dụng cho tiết học để có thể xác nhận/ đánh giá HS đã hiểu về từ đồng nghĩa chưa. Có thể thực hiện theo gợi ý nêu dưới đây:

- GV giao nhiệm vụ cho HS (làm bài vào phiếu hoặc nhìn trên màn hình và giơ tay phát biểu).

HS tìm từ đồng nghĩa với 1 trong 3 từ in đậm trong bài ca dao dưới đây:

Lên rừng bắt tép kho cà
Xuống sông hái **quả** thanh trà về ăn
Lên rừng bắt con cá măng
Xuống sông đánh **hổ**, đánh trăn **mang** về...
(Ca dao)

- HS viết từ ra phiếu / vở ghi hoặc giơ tay phát biểu theo hướng dẫn của GV.
- Cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án: quả – trái ; hổ – cọp ; mang – đem / vác/...

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Nhớ lại cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả đã học ở lớp 2, 3, 4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.

b) Tổ chức thực hiện

- HS nêu các kiểu bài miêu tả đã học.
- GV nhận xét, có thể mời 1 – 2 HS tổng hợp ý kiến trước lớp.

VD:

– Yêu cầu cần đạt ở các lớp:

+ Lớp 2: Viết được 4 – 5 câu tả 1 đồ vật.

+ Lớp 3: Viết được đoạn văn ngắn tả đồ vật.

+ Lớp 4: Viết được bài văn tả con vật, tả cây cối.

– Những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn, bài văn miêu tả:

+ Quan sát để tìm đặc điểm riêng của sự vật được miêu tả.

+ Lựa chọn từ ngữ, cách viết câu để nêu bật đặc điểm riêng của sự vật.

- GV nêu nội dung tiết học: Các em được tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tức là tả cảnh đẹp thiên nhiên). Có 2 tiết *Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh*. Trong tiết thứ nhất này, các em tìm hiểu cách tả phong cảnh qua bài *Đà Lạt* (tả lần lượt từng cảnh vật, từng cảnh đẹp). Trong tiết thứ hai, các em được tìm hiểu cách tả phong cảnh theo trình tự thời gian qua bài *Bốn mùa trong ánh nước*.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a) Mục tiêu

Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.

b) Tổ chức thực hiện

- Tìm hiểu bài văn miêu tả (*Đà Lạt*).

GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài văn *Đà Lạt* và thực hiện lần lượt 4 yêu cầu/ câu hỏi a, b, c, d. GV có thể tổ chức hoạt động theo 1 trong 3 cách dưới đây:

- + Cách 1: Làm việc chung cả lớp (1 em đọc bài văn trước lớp, sau đó GV hoặc 1 HS nêu lần lượt từng câu hỏi, dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời theo cặp, theo nhóm,... rồi mời một số HS phát biểu trước lớp).
- + Cách 2: Làm việc cá nhân (HS đọc thầm bài văn, tự trả lời từng câu hỏi, có thể viết câu trả lời vào phiếu học tập, đặc biệt là BT 1.c theo phiếu học tập, sau đó GV nêu từng câu hỏi và mời HS trả lời dựa trên phiếu học tập đã chuẩn bị).

Dưới đây là gợi ý về cách tổ chức hoạt động và câu trả lời cho các câu hỏi trong SGK.

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
a	Nêu yêu cầu: Đọc thầm, đọc lướt bài văn và trả lời câu hỏi: <i>Bài văn này tả gì?</i>	Làm việc cá nhân – Đọc bài văn <i>Đà Lạt</i> , chuẩn bị câu trả lời cho câu hỏi. – Trao đổi và thống nhất câu trả lời theo cặp hoặc theo nhóm.
	Khuyến khích HS trả lời theo cách hiểu, cách cảm nhận của mình	Làm việc chung cả lớp Một số HS trả lời câu hỏi a trước lớp.
	Đáp án: Có thể chấp nhận nhiều cách trả lời, VD: – Bài văn tả đặc điểm cảnh vật thiên nhiên của thành phố Đà Lạt. – Bài văn tả cảnh đẹp của Đà Lạt. – ...	
b	– Có thể chiếu toàn bộ bài văn trên màn hình (nếu có thể), không cần gợi ý gì thêm. – Nêu yêu cầu b: <i>Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài. Nêu nội dung chính của mỗi phần.</i>	Làm việc cá nhân hoặc theo nhóm – Từng em đọc thầm, đọc lướt bài văn, thực hiện yêu cầu b. – Trao đổi và thống nhất câu trả lời theo cặp hoặc theo nhóm.
	Đáp án: HS có thể diễn đạt khác nhau, song cần nêu đúng bố cục bài văn như sau:	
	Mở bài: (Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.)	Mở bài chỉ có 1 câu nhưng giới thiệu được một cách khái quát những cảnh sắc tiêu biểu và đặc điểm nổi bật: – Thành phố ngàn hoa – Nổi tiếng về hồ trong xanh, thông mơ màng. (Mở bài giới thiệu khái quát về sự nổi tiếng của thành phố Đà Lạt)

	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	Thân bài: Gồm có 4 đoạn văn.	– Đoạn 1: Tả bao quát đặc điểm của Đà Lạt (độ cao, khí hậu, cảnh vật đẹp). – Đoạn 2: Tả thác Cam Ly, suối Vàng, rừng thông của Đà Lạt. – Đoạn 3: Tả bầu trời và những hồ nước ở Đà Lạt. – Đoạn 4: Tả những vườn hoa và vườn rau của Đà Lạt. (Thân bài miêu tả từng vẻ đẹp của cảnh vật Đà Lạt.)
	Kết bài: (Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn “bồng lai tiên cảnh”).	Kết bài khẳng định vẻ đẹp, sức hấp dẫn kì diệu của Đà Lạt với cảm xúc tự hào.
	– GV có thể nhấn mạnh: Bài văn có mở bài chỉ bằng 1 câu – câu mở đầu bài văn, kết bài cũng chỉ có 1 câu – câu kết thúc bài văn. Thân bài gồm có 4 đoạn văn ngắn.	

Câu c. Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.

- + GV nhắc HS đọc kĩ bài văn để trả lời câu hỏi, viết câu trả lời ngắn gọn vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có).
- + HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi thống nhất trong nhóm/ trước lớp.
- + GV có thể hướng dẫn HS phát biểu ý kiến để hoàn thành thông tin ở những ô trống trong bảng sơ đồ hoặc có thể trình bày như sau:

Phong cảnh Đà Lạt		
Vẻ đẹp do thiên nhiên ưu đãi	Vị trí địa lí	Đà Lạt nằm trên độ cao 1 500 mét so với mặt nước biển, là nơi nghỉ mát lí tưởng
	Khí hậu	Đà Lạt mát mẻ quanh năm, không khí mát lành.
	Cảnh vật	– Thác nước: như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ. – Dòng suối (suối Vàng): có cột nước quanh năm suốt tháng đổ xuống ào ào, chia nước cho những con suối nhỏ rì rào... – Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.

Phong cảnh Đà Lạt			
		– Bầu trời: không chút gợn mây trong nắng ấm, luôn thăm xanh một màu ngọc bích; màu trời xanh phản chiếu xuống những mặt hồ... – Những hồ nước: trong suốt như pha lê.	
Vẻ đẹp do con người tạo nên	Vườn rau	Những vườn rau xanh tươi	như khoác cho thành phố Đà Lạt xinh đẹp một chiếc áo lụa rực rỡ.
	Vườn hoa	Những vườn hoa muôn hồng ngàn tía	
	Hương hoa lá	Hương hoa hoà với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng.	

Câu d. *Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?*

- GV có thể lưu ý HS: Trong bài văn tả phong cảnh, trọng tâm là miêu tả đặc điểm của phong cảnh. Việc đan xen bộc lộ cảm xúc giúp người đọc hiểu được rằng cảnh vật nơi đây gợi cảm xúc cho mọi người hoặc cảnh vật được miêu tả qua cảm nhận riêng của người viết.

- Một số HS phát biểu trước lớp.

(Câu trả lời có thể được trình bày như: Trong bài văn, tình cảm của tác giả đối với cảnh vật được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét,... VD: “cảnh đẹp đến nao lòng”, “là nơi nghỉ mát lí tưởng”, “tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ”, “thành phố xinh đẹp”, “dễ chịu vô cùng”,...)

3. Hoạt động 3: Luyện tập (trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh)

a) Mục tiêu

Từ việc tìm hiểu bài văn tả cảnh Đà Lạt và những trải nghiệm viết đoạn văn, bài văn miêu tả, nêu được những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.

b) Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi theo nhóm / lớp:
- + HS làm việc cá nhân: Đọc yêu cầu và các gợi ý của bài tập 2, có thể đọc thầm, đọc lướt lại bài *Đà Lạt*, chỉ ra những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.
- + HS trao đổi nhóm hoặc trước lớp theo hướng dẫn của GV (có thể chọn những điểm mình cho là quan trọng nhất, cần lưu ý nhất).

VD:

- Tả phong cảnh: tả cảnh đẹp thiên nhiên.
- Bố cục: bài văn gồm 3 phần (mở bài – thân bài – kết bài).
- Trình tự miêu tả: tả lần lượt từng cảnh vật/...
- Cách lựa chọn cảnh vật: tả những cảnh vật tạo nên vẻ đẹp riêng của phong cảnh.
- ...

- GV có thể chốt các ý HS cần nhớ khi viết bài văn tả phong cảnh (dựa trên phần Ghi nhớ).
- GV nhắc HS đọc Ghi nhớ trước lớp (đọc xong, có thể gấp sách lại, nêu những ý đã nhớ được sau bài học).

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu

Hoạt động Vận dụng cuối tiết VIẾT giúp HS nêu được những điều học tập được từ bài văn tả cảnh Đà Lạt.

b) Tổ chức thực hiện

- GV có thể khích lệ HS thực hiện 1 trong các yêu cầu sau:
 - (1) Nêu điều em học tập được từ bài văn tả cảnh Đà Lạt.
 - (2) Tìm trong bài những câu văn có hình ảnh so sánh, nhân hoá. Nêu tác dụng của những hình ảnh so sánh, nhân hoá trong bài văn.
- HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau (với yêu cầu 1), yêu cầu 2 có thể nêu như sau:

Câu văn có hình ảnh nhân hoá	Câu văn có cả hình ảnh so sánh và nhân hoá
- Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh, và thông mơ màng. - Suối Vàng chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi vào những nẻo nào trong lòng các rừng thông cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.	- Thác Cam Ly như một dải lụa trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ. - Những vườn rau xanh tươi và những vườn hoa muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp này một chiếc áo lụa rực rỡ.

Câu văn có hình ảnh nhân hoá

Câu văn có cả hình ảnh so sánh và nhân hoá

Tác dụng: Các câu văn sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá giúp người đọc dễ dàng cảm nhận/ hình dung được đặc điểm của cảnh vật, gợi cho người đọc những liên tưởng thú vị; làm cho cảnh vật sinh động, thêm gần gũi với con người.

GV nêu lưu ý: Để tả được các đặc điểm của mỗi cảnh vật ở Đà Lạt, tác giả phải tìm hiểu, quan sát rất kĩ từng cảnh vật, để cảm nhận những đặc điểm nổi bật và tìm những từ ngữ thích hợp để miêu tả.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu nêu ở hoạt động Vận dụng:

- Tìm đọc các bài văn tả phong cảnh (cảnh sông suối, ao hồ, biển đảo,...) trong sách báo hoặc trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3 và 4 (VD: “Những cánh buồm” (*Tiếng Việt 4, tập hai*);...)
- Ghi lại những câu văn hay mà em muốn học tập.

CỦNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 9:
- + Đọc – hiểu: *Trước cổng trời*.
- + Luyện từ và câu: Từ đồng nghĩa.
- + Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh.
- GV hỏi HS thấy nội dung nào của Bài 9 thú vị, dễ nhớ.
- GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn dò HS đọc trước Bài 10.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHẠM KIM CHUNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THANH THUY

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in:

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**

MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-.....